

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ  
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MÀM NON

LÃ THỊ NGA

**DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC  
MÔN TOÁN LỚP 4 THEO CHƯƠNG TRÌNH  
GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**Mã sinh viên: 2452020229**

**NINH BÌNH, 2024**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ  
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MÀM NON

LÃ THỊ NGA

DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC  
MÔN TOÁN LỚP 4 THEO CHƯƠNG TRÌNH  
GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã sinh viên: 2452020229

Người hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Hiền

NINH BÌNH, 2024

## LỜI CAM ĐOAN

Đề tài “**Dạy học phát triển năng lực môn Toán lớp 4 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018**” là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của giảng viên - Thạc sĩ Nguyễn Thị Hiền. Đề tài khóa luận không trùng với kết quả nghiên cứu của tác giả nào khác. Tất cả tài liệu tham khảo đều được trích dẫn đầy đủ.

*Ninh Bình, ngày 22 tháng 5 năm 2024*

**Sinh viên**

**Lã Thị Nga**

## **XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

Đề tài “**Dạy học phát triển năng lực môn Toán lớp 4 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018**” của sinh viên Lã Thị Nga là công trình nghiên cứu không trùng lặp và chưa được công bố dưới bất kỳ hình thức nào. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

*Ninh Bình, ngày 22 tháng 5 năm 2024*

**Giảng viên hướng dẫn**

**Ths. Nguyễn Thị Hiền**

## BẢNG KÍ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

<b>Viết tắt</b>	<b>Viết đầy đủ</b>
PTNL	Phát triển năng lực
GDTH	Giáo dục tiểu học
PPDH	Phương pháp dạy học
HS	Học sinh
GV	Giáo viên
Nxb	Nhà xuất bản
YCCĐ	Yêu cầu cần đạt
CT	Chương trình
PP	Phương pháp
KT	Kĩ thuật
SGK	Sách giáo khoa

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
Bảng 2.1. Danh mục KHBD môn Toán lớp 4 thuộc mạch kiến thức <i>Số và phép tính</i>	23
Bảng 2.2. Danh mục KHBD môn Toán lớp 4 thuộc mạch kiến thức <i>Hình học và đo lường</i>	53
Bảng 2.3. Danh mục KHBD môn Toán lớp 4 thuộc mạch kiến thức <i>Thống kê và xác suất</i>	94

## MỤC LỤC

### LỜI CAM ĐOAN

### XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

### BẢNG KÍ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

### DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, ĐỒ THỊ, SƠ ĐỒ

<b>MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu .....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	3
3.1. Mục đích .....	3
3.2. Nhiệm vụ.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	3
4.1. Đối tượng .....	3
4.2. Phạm vi .....	3
5. Phương pháp nghiên cứu .....	4
5.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận.....	4
5.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn .....	4
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn .....	4
6.1. Ý nghĩa khoa học .....	4
6.2. Ý nghĩa thực tiễn.....	4
<b>Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN .....</b>	<b>5</b>
1.1. Một số vấn đề về dạy học môn Toán phát triển năng lực học sinh Tiểu học.....	5
1.1.1. Quan niệm về dạy học phát triển năng lực học sinh.....	5
1.1.1.1. Năng lực .....	5
1.1.1.2. Năng lực toán học.....	5
1.1.1.3. Dạy học phát triển năng lực học sinh .....	6
1.1.2. Ý nghĩa của việc dạy học phát triển năng lực học sinh.....	6
1.1.3. Cấu trúc bài dạy môn Toán nhằm phát triển năng lực học sinh .....	6
1.1.3.1. Yêu cầu cần đạt (mục tiêu) .....	6
1.1.3.2. Tài liệu, phương tiện dạy học (đồ dùng dạy học).....	7
1.1.3.3. Các hoạt động dạy học của bài .....	7
1.1.3.4. Điều chỉnh kế hoạch bài dạy sau khi dạy học .....	9

1.2. Tìm hiểu chương trình môn Toán Tiểu học 2018 và nội dung, chương trình môn Toán lớp 4 .....	9
1.2.1. Mục tiêu chương trình môn Toán Tiểu học .....	9
1.2.2. Nội dung cơ bản môn Toán tiểu học .....	10
1.2.2.1. Số và phép tính.....	10
1.2.2.2. Hình học và đo lường .....	11
1.2.2.3. Thống kê và xác suất .....	11
1.2.2.4. Hoạt động thực hành và trải nghiệm .....	11
1.2.3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực trong dạy học Toán Tiểu học	12
1.2.3.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất .....	12
1.2.3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực .....	12
1.2.4. Khái quát nội dung cơ bản môn Toán lớp 4 .....	16
1.2.4.1. Mục tiêu dạy học môn Toán lớp 4 .....	16
1.2.4.2. Một số điểm mới về cấu trúc chương trình, nội dung môn Toán lớp 4 (2018) so với lớp 4 (2006).....	19
<b>Chương 2: DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC MÔN TOÁN LỚP 4 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018.....</b>	<b>21</b>
2.1. Một số nguyên tắc thiết kế bài dạy môn Toán phát triển năng lực học sinh Tiểu học .....	21
2.2. Quy trình thiết kế bài dạy môn Toán phát triển năng lực học sinh Tiểu học.....	22
2.3. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 4 phát triển năng lực học sinh .....	23
2.3.1. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 4 thuộc mạch kiến thức <i>Số và phép tính</i> .....	24
2.3.2. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 4 thuộc mạch kiến thức <i>Hình học và đo lường</i> .....	54
2.3.3. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 4 thuộc mạch kiến thức <i>Thống kê và xác suất</i> .....	94
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>113</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>114</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	



## MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

Theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội tại điều 2 khoản 1. Về mục tiêu đổi mới: “*Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hoà trí, đức, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi học sinh.*” Như vậy, mục tiêu của giáo dục hiện nay là tạo ra những con người năng động, sáng tạo, phát triển toàn diện về mọi mặt để có thể thích nghi với mọi môi trường.

Mục tiêu của giáo dục tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 hướng đến hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở. Bên cạnh đó còn yêu cầu phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên.

Ở cấp Tiểu học, học sinh được học nhiều môn học, tuy nhiên môn Toán có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành và phát triển toàn diện cả về năng lực và phẩm chất của người học. Do đó để hình thành và phát triển năng lực Toán học cần cung cấp kiến thức, rèn kỹ năng, tạo cơ hội để học sinh được trải nghiệm áp dụng Toán học vào thực tiễn. Khi học toán, học sinh có cơ hội phát triển tư duy logic, khả năng suy luận, tư duy phản biện, giải quyết các vấn đề thông qua xử lý các bài toán khó. Từ đây hình thành cho học sinh tính nhẫn nại, kiên trì vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Dạy học môn Toán ở Tiểu học theo định hướng PTNL cho người học là nhiệm vụ vô cùng quan trọng và thiết yếu hiện nay, điều đó giúp học sinh có cơ hội rèn luyện, phát triển những năng lực, phẩm chất cần thiết. Cùng với lộ trình đổi mới sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 với định hướng dạy học tiếp cận năng lực. Vì vậy em chọn đề tài “**Dạy học phát triển năng lực môn Toán lớp 4 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018**” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp với mong muốn đề tài khóa luận sẽ là tài liệu tham khảo cho các sinh viên ngành GDTH trong quá trình học tập các học phần PPDH môn Toán và Thực

hành sự phạm thường xuyên, Thực tập sự phạm, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán ở Tiểu học.

## **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu**

Dạy học phát triển năng lực là một trong những chủ đề được các nhà giáo dục quan tâm hàng đầu trong giai đoạn hiện nay. Đặc biệt, trong chương trình Giáo dục phổ thông 2018 mới được Bộ giáo dục và đào tạo ban hành ngày 26/12/2018, mục tiêu giáo dục tiểu học xác định rõ “... *giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực...*”. Đã có những nghiên cứu về dạy học phát triển năng lực học sinh, trong đó có các nghiên cứu về dạy học phát triển năng lực môn Toán học sinh Tiểu học như:

Tài liệu *Hỏi – Đáp về dạy học phát triển năng lực học sinh tiểu học* của tác giả Nguyễn Hữu Hợp (2019) đã phân nào giải đáp những thắc mắc về dạy học phát triển năng lực cho học sinh tiểu học. Với hệ thống câu hỏi phong phú và cách trả lời thuyết phục từ những dẫn chứng cụ thể. Đây được xem là tài liệu tiền đề cho các giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cần tham khảo trước khi muốn dạy học theo định hướng phát triển năng lực.

Tài liệu *Chương trình Giáo dục phổ thông cấp tiểu học và dạy học phát triển năng lực cho học sinh tiểu học* của tác giả Đỗ Xuân Thảo – Nguyễn Hữu Hợp (2019) đã cung cấp những nội dung cốt lõi về Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và dạy học phát triển năng lực học sinh tiểu học. Tài liệu này rất cần thiết cho các giáo viên và cán bộ quản lý cấp tiểu học trong việc vận dụng để từng bước thực hiện dạy học phát triển năng lực học sinh đáp ứng đúng yêu cầu của chương trình mới.

Tài liệu *Thiết kế bài học phát triển năng lực học sinh tiểu học* của tác giả Nguyễn Hữu Hợp (2019) hướng dẫn thiết kế bài dạy phát triển năng lực học sinh tiểu học như: cách xác định mục tiêu bài học; xác định và lựa chọn nội dung bài học phát triển năng lực học sinh; lựa chọn và vận dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát triển năng lực học sinh. Những nội dung này rất thiết thực với giáo viên, giúp các thầy cô có thể vận dụng vào dạy học môn Toán một cách hiệu quả.

Tài liệu *Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông* của nhóm tác giả Lê Đình Trung – Phan Thị Thanh Hội (2016) nghiên cứu về dạy học tiếp cận năng lực người học. Các tác giả đã

trình bày những nét khái quát về năng lực và dạy học theo tiếp cận năng lực, các năng lực chung và năng lực chuyên biệt cho từng môn học. Trên cơ sở đó trình bày các phương pháp, cách thức tổ chức quá trình dạy học để hình thành phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt ở nhà trường phổ thông.

Qua tổng quan nghiên cứu, chúng ta thấy được tầm quan trọng của việc dạy học theo định hướng phát triển năng lực. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu được kể trên là một minh chứng, đã phần nào làm rõ những vấn đề lí luận cơ bản về dạy học phát triển năng lực, thiết kế bài dạy theo hướng phát triển năng lực học sinh. Đó là những chỉ dẫn khoa học quý giá, giúp tác giả triển khai thực hiện đề tài.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích**

Mục đích nghiên cứu của đề tài là thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 4 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nhằm dạy học phát triển năng lực cho học sinh.

#### **3.2. Nhiệm vụ**

- Tìm hiểu Chương trình Giáo dục phổ thông môn Toán Tiểu học 2018.
- Nghiên cứu cơ sở lí luận của dạy học phát triển năng lực học sinh Tiểu học.
- Thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 4 phát triển năng lực học sinh.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng**

- Chương trình, sách giáo khoa môn Toán tiểu học 2018.
- Kế hoạch bài dạy môn Toán tiểu học theo định hướng phát triển năng lực.

#### **4.2. Phạm vi**

Đề tài tập trung nghiên cứu thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 4 – Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống; Chân trời sáng tạo*, Nxb Giáo dục Việt Nam và bộ sách *Cánh diều*, Nxb Đại học Sư phạm.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

### **5.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận**

- Đọc và tìm hiểu Chương trình giáo dục phổ thông Toán Tiểu học, sách giáo khoa môn Toán lớp 4, các tài liệu về dạy học phát triển năng lực học sinh Tiểu học.

- Phân tích, so sánh, hệ thống hóa, khái quát hóa các vấn đề nghiên cứu có liên quan đến đề tài.

### **5.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn**

Xin ý kiến, trao đổi với một số thầy cô giáo bộ môn Toán và tổ nghiệp vụ Tiểu học trường Đại học Hoa Lư, một số giáo viên Tiểu học nhằm hoàn thiện đề tài về cả nội dung và hình thức.

## **6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn**

### **6.1. Ý nghĩa khoa học**

Việc nghiên cứu đề tài này sẽ góp phần làm rõ nội dung dạy học phát triển năng lực môn Toán cho học sinh lớp 4.

### **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Kết quả nghiên cứu đề tài sau khi nghiệm thu sẽ làm tài liệu tham khảo cho sinh viên ngành giáo dục Tiểu học trường Đại học Hoa Lư trong học tập và thực hành sư phạm, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học môn Toán ở Tiểu học.

# **NỘI DUNG**

## **Chương 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN**

#### **1.1. Một số vấn đề về dạy học môn Toán phát triển năng lực học sinh Tiểu học**

##### **1.1.1. Quan niệm về dạy học phát triển năng lực học sinh**

###### **1.1.1.1. Năng lực**

Năng lực là một khái niệm rộng, thường được hiểu và diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, dựa trên các cách tiếp cận hay mục tiêu dạy học, cụ thể như:

Theo tác giả Phạm Minh Hạc (1988): Năng lực chính là một tổ hợp đặc điểm tâm lý của một người; tổ hợp đặc điểm này vận hành theo mục đích, tạo ra kết quả của một hoạt động nào đấy.

Theo tác giả Đỗ Đức Thái (2019): Năng lực có thể hiểu là sự kết hợp của các kiến thức, kĩ năng, phẩm chất, thái độ và hành vi của một cá nhân để thực hiện một công việc có hiệu quả.

Theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể ban hành tháng 12 năm 2018: Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành và phát triển nhờ tổ chức sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,.. thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.

###### **1.1.1.2. Năng lực toán học**

Năng lực toán học là năng lực đặc thù, gắn liền với môn học. Có nhiều quan niệm khác nhau về năng lực toán học:

Năng lực toán học là cách thức nắm bắt và sử dụng nội dung kiến thức toán (Hiệp hội giáo viên Toán của Mỹ).

Theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể năm 2018, năng lực toán học bao gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán. Tùy vào từng đối tượng học sinh, yêu cầu cần đạt của từng khối lớp, năng lực toán học của mỗi HS được biểu hiện ở các mức độ khác nhau.

### **1.1.1.3. Dạy học phát triển năng lực học sinh**

Theo tác giả Đặng Thành Hưng (2014): Bản chất của giáo dục theo tiếp cận năng lực là lấy năng lực làm cơ sở để tổ chức chương trình và thiết kế nội dung học tập. Điều này cũng có nghĩa là năng lực của HS sẽ là kết quả cuối cùng cần đạt được của quá trình học tập hay giáo dục. Nói cách khác, thành phần cuối cùng và cơ bản của mục tiêu giáo dục là phẩm chất và năng lực của người học. Năng lực vừa được coi là điểm xuất phát đồng thời cũng là sự cụ thể hóa mục tiêu giáo dục. Vì vậy, những yêu cầu về PTNL HS cần được đặt đúng chỗ của chúng trong mục tiêu giáo dục.

Dạy học theo định hướng PTNL HS là dạy học chuyển từ nền giáo dục truyền thống, nặng về truyền đạt kiến thức một chiều từ GV đến HS sang một nền giáo dục hiện đại chú trọng việc phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh. Là hình thức tổ chức phối hợp giữa hoạt động dạy và hoạt động học, tập trung vào quá trình hơn là kết quả, từ đó PTNL HS.

### **1.1.2. Ý nghĩa của việc dạy học phát triển năng lực học sinh**

- Tạo môi trường học tập năng động, vui vẻ, tạo cảm hứng thích thú và ham học hơn cho HS. HS được tham gia những buổi học tập trải nghiệm có ý nghĩa, làm phong phú vốn kinh nghiệm sống của HS.

- Tạo sự công bằng cho tất cả HS trong quá trình học tập theo định hướng phát triển năng lực, đảm bảo được tất cả HS đều có thể phát huy được hết khả năng của bản thân trong quá trình học. Xây dựng mối quan hệ thân thiết, gắn bó giữa HS với nhau, sự gần gũi giữa GV và HS.

- Đảm bảo chất lượng đầu ra của việc dạy học, thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện các phẩm chất nhân cách và năng lực của HS.

- Chú trọng năng lực vận dụng kiến thức của bài học vào giải quyết những tình huống thực tiễn, giúp HS áp dụng được những gì đã học vào thực tiễn, thông qua sự gắn kết giữa bài học và cuộc sống, đồng thời góp phần giúp HS thích ứng với những thay đổi của cuộc sống trong tương lai.

### **1.1.3. Cấu trúc bài dạy môn Toán nhằm phát triển năng lực học sinh**

Cấu trúc kế hoạch bài dạy (giáo án) môn Toán phát triển năng lực HS Tiểu học thường bao gồm các nội dung sau:

#### **1.1.3.1. Yêu cầu cần đạt (mục tiêu)**

Mục tiêu của bài dạy là những điều (đích) mà GV mong muốn HS đạt được sau khi học xong bài đó. Mục tiêu bài dạy chỉ rõ những việc HS thực hiện

được, HS vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong cuộc sống, có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì. Các mục tiêu được diễn đạt bằng các động từ cụ thể, có thể lượng hoá được.

Xác định mục tiêu theo định hướng phát triển năng lực không chỉ bao gồm kiến thức, kỹ năng, thái độ mà còn là cách thức, con đường đi từ kiến thức, kỹ năng, thái độ đến những kết quả đó, tức là năng lực; mục tiêu theo hướng phát triển năng lực phải là HS làm được gì với những kiến thức đã học. Mục tiêu bài học được cụ thể hóa bằng các mục tiêu của các hoạt động được tổ chức qua bài học. Do đó cần đảm bảo sự thống nhất giữa mục tiêu bài học và các hoạt động: Mục tiêu bài học quy định mục tiêu hoạt động, mục tiêu hoạt động phục vụ cho mục tiêu bài học.

Khi xác định mục tiêu bài học cần căn cứ vào:

+ Năng lực cần phát triển cho HS: Chú ý các năng lực cốt lõi và năng lực chuyên môn. Cần cân nhắc và trả lời câu hỏi: HS tự học như thế nào? HS giao tiếp và hợp tác như thế nào? Những năng lực Toán học nào có thể phát triển cho HS? HS vận dụng những kiến thức của bài học vào thực tiễn như thế nào?

+ Căn cứ vào đối tượng HS: Cần phân tích trình độ của HS trong lớp, những điều các em cần học trong tương lai, những điều các em đã học, đã biết có liên quan đến bài học, những khó khăn, những thuận lợi trong bài học để dự kiến phương án giúp HS vượt qua khó khăn.

+ Điều kiện thực tiễn: Điều kiện phương tiện, thời gian, không gian, thực tiễn địa phương.

### **1.1.3.2. Tài liệu, phương tiện dạy học (đồ dùng dạy học)**

Tài liệu, phương tiện dạy học là những vật có khả năng chứa đựng hoặc truyền tải thông tin về nội dung dạy học và sự điều khiển quá trình dạy học, làm cho việc truyền đạt kiến thức và kỹ năng của GV tới HS được dễ dàng hơn. GV căn cứ vào mục tiêu bài học để dự kiến các công cụ, phương tiện sẽ sử dụng trong quá trình dạy học nhằm tạo điều kiện học tập và tương tác tích cực, hỗ trợ tối đa quá trình trải nghiệm, tìm tòi, khám phá, vận dụng kiến thức của HS.

### **1.1.3.3. Các hoạt động dạy học của bài**

Dạy học theo tiếp cận PTNL là cách thức tổ chức quá trình dạy học thông qua một chuỗi các hoạt động học tập tích cực, độc lập, sáng tạo của HS, dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của GV, hướng đến mục tiêu hình thành và phát triển năng lực toán học. Quá trình đó có thể tổ chức theo các hoạt động: *Trải nghiệm/Khởi*

*động, kết nối - Phân tích, khám phá, rút ra bài học - Hoạt động/thực hành, luyện tập - Vận dụng, củng cố.* Ngoài ra, đối với một số dạng bài còn có hoạt động Mở rộng. Trong đó, mỗi hoạt động cần chỉ rõ: Tên hoạt động, Mục tiêu của hoạt động, Cách tiến hành hoạt động:

**a. Trải nghiệm/Khởi động, kết nối:** Để nhận thức được về một đối tượng, một sự việc hay một vấn đề nào đó, người ta phải dựa trên vốn kiến thức, vốn kinh nghiệm đã có từ trước. Nếu HS không có vốn kiến thức cần thiết (có liên quan đến kiến thức mới) hoặc không có những trải nghiệm nhất định thì không thể hình thành được kiến thức mới. Hơn nữa, trong dạy học môn Toán, kiến thức hình thành trước thường là cơ sở để hình thành, phát triển những kiến thức tiếp theo.

Do đó, trong dạy học, GV cần phải tìm hiểu vốn kinh nghiệm và những hiểu biết sẵn có của HS trước khi học một kiến thức mới và tổ chức cho HS trải nghiệm. Sự định hướng và tổ chức các hoạt động của GV là quan trọng, nhưng vốn kiến thức của HS, những trải nghiệm của HS vẫn là yếu tố quyết định trong việc hình thành kiến thức mới. Hoạt động khởi động còn giúp HS có hứng thú trong học tập, thôi thúc HS khám phá, tìm tòi kiến thức mới.

**b. Phân tích, khám phá, rút ra bài học:** Nếu như hoạt động Khởi động như là một sự khởi đầu tốt đẹp thì hoạt động Khám phá là giai đoạn thể hiện rõ nhất đặc điểm của dạy học phát triển năng lực. Qua hoạt động Khởi động, kết nối HS đã bước đầu tiếp cận được với kiến thức của bài học. Do đó, hoạt động Phân tích, khám phá, rút ra bài học cần phải được thiết kế với các hình thức tổ chức học tập phong phú giúp HS biết huy động kiến thức, chia sẻ và hợp tác trong học tập để thu nhận kiến thức mới. Sau khi HS đã phát hiện ra kiến thức mới, GV là người chuẩn hóa lại kiến thức cho HS để rút ra bài học.

**c. Thực hành, luyện tập:** Với kết quả của quá trình khám phá HS đã bắt đầu hình dung được mối quan hệ giữa những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm đã có với kết quả mong muốn. Tiếp theo, hoạt động thực hành giúp HS có thể làm rõ hơn mối quan hệ này thông qua kiểm nghiệm, xác định các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm học tập mới được hình thành trong hoạt động kiểm nghiệm, xác định có thể diễn ra dưới nhiều hình thức và nhiều mức độ tùy thuộc vào đặc điểm nội dung học tập và trình độ của HS.

Hoạt động này cần được thiết kế sao cho mỗi HS đều được tự mình giải quyết vấn đề rồi chia sẻ với bạn về cách giải quyết vấn đề. Khi thiết kế hoạt



động này, GV cần xác định được những thuận lợi và khó khăn của HS, dự kiến được những tình huống HS cần sự trợ giúp trong học tập. Hoạt động này giúp học sinh củng cố kiến thức vừa học và huy động kiến thức đã có để thực hiện giải quyết vấn đề. GV cần tổ chức các hoạt động học tập phong phú để tránh sự nhàm chán cho HS.

**d. Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn:** GV có thể tổ chức cho HS vận dụng kiến thức bài học vào thực tiễn hoặc đưa ra yêu cầu hoặc dự án học tập nhỏ để HS thực hiện theo cá nhân, nhóm. Một hình thức HS vô cùng yêu thích là được GV tổ chức các trò chơi học tập để HS củng cố, khắc sâu và nhớ lâu hơn kiến thức.

#### **1.1.3.4. Điều chỉnh kế hoạch bài dạy sau khi dạy học**

Bài dạy PTNL gắn bối cảnh lớp học với những nhóm HS có đặc điểm tâm lí, có hoàn cảnh sống, có trình độ nhận thức cụ thể. Do đó, sau mỗi lần triển khai bài học ở một lớp học, GV cần rút kinh nghiệm, những điều cần chú ý khi thực hiện bài học.

### **1.2. Tìm hiểu chương trình môn Toán Tiểu học 2018 và nội dung, chương trình môn Toán lớp 4**

#### **1.2.1. Mục tiêu chương trình môn Toán Tiểu học**

Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán - Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định các mục tiêu chủ yếu cho HS tiểu học cần đạt được cụ thể như sau:

a) Góp phần hình thành và phát triển năng lực toán học với yêu cầu cần đạt: thực hiện được các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản; nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề đơn giản; lựa chọn được các phép toán và công thức số học để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, cách thức giải quyết vấn đề; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản; sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán đơn giản để thực hiện các nhiệm vụ học tập toán đơn giản.

b) Có những kiến thức và kỹ năng toán học cơ bản ban đầu, thiết yếu về:

- Số và phép tính: Số tự nhiên, phân số, số thập phân và các phép tính trên những tập hợp số đó.

- Hình học và Đo lường: Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm (ở mức độ trực quan) của một số hình phẳng và hình khối trong thực tiễn; tạo lập một số mô hình hình học đơn giản; tính toán một số đại lượng hình học; phát triển trí tưởng tượng không gian; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với Hình học và Đo lường (với các đại lượng đo thông dụng).

- Thống kê và Xác suất: Một số yếu tố thống kê và xác suất đơn giản; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với một số yếu tố thống kê và xác suất.

c) Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác như: Đạo đức, Tự nhiên và xã hội, Hoạt động trải nghiệm,... góp phần giúp HS có những hiểu biết ban đầu về một số nghề nghiệp trong xã hội.

### **1.2.2. Nội dung cơ bản môn Toán tiểu học**

Theo chương trình GDPT 2018, môn Toán tiểu học được dạy xuyên suốt từ lớp 1 đến lớp 5, bao gồm các nội dung kiến thức cơ bản:

#### **1.2.2.1. Số và phép tính**

- HS có biểu tượng ban đầu về số tự nhiên, cách viết, đọc số (đến lớp triệu). So sánh, xếp thứ tự các số tự nhiên. Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số tự nhiên, một số tính chất của các phép tính, một số đặc điểm của dãy số tự nhiên (tính chẵn lẻ, chia hết, ...)

- Khái niệm ban đầu về phân số, cách đọc, cách viết phân số. Tính chất bằng nhau của phân số, rút gọn, quy đồng, so sánh phân số. Thực hành cộng, trừ, nhân chia các phân số. Một số tính chất các phép tính với phân số. Khái niệm ban đầu về tỉ số, giới thiệu về tỉ số bản đồ và một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ.

- Khái niệm ban đầu về số thập phân, cách đọc, cách viết, so sánh và xếp thứ tự các số thập phân. Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số thập phân. Khái niệm ban đầu về tỉ số phần trăm, đọc, viết tỉ số phần trăm.

Cộng, trừ, nhân, chia các tỉ số phần trăm. Mối quan hệ giữa tỉ số phần trăm với phân số thập phân, số thập phân, phân số. Làm tròn số thập phân.

- Làm quen với biểu thức chứa một, hai, ba chữ và tính được giá trị của biểu thức chứa một, hai, hoặc ba chữ (trường hợp đơn giản).

- Vận dụng được một số tính chất của phép tính trong tính giá trị của biểu thức.

- Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có một, hai hay ba bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học).

#### **1.2.2.2. Hình học và đo lường**

- HS được làm quen với các biểu tượng: Điểm, đoạn thẳng, đường gấp khúc, góc... Một số các hình học phẳng: Hình tam giác, tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật, hình tròn, hình bình hành, hình thoi, hình thang. Một số các hình khối như: Khối lập phương, khối chữ nhật, khối cầu, khối trụ.

- Có biểu tượng về chu vi, diện tích các hình. Ghi nhớ và vận dụng được quy tắc tính chu vi, diện tích, diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích một số hình.

- Có khái niệm ban đầu về các đại lượng thông dụng: Độ dài, khối lượng, dung tích, thời gian, diện tích, thể tích, tiền tệ, nhiệt độ.

- Hiểu được một số đơn vị đo đại lượng: Kí hiệu, quan hệ giữa một số đơn vị đo. Thực hành đo đại lượng, tính toán với các số đo đại lượng.

#### **1.2.2.3. Thống kê và xác suất**

- Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu. Đọc mô tả, nhận xét về các số liệu trong bảng số liệu. Biểu diễn số liệu bằng bảng thống kê đơn giản.

- Đọc mô tả và nhận xét được các số liệu trên biểu đồ. Biểu diễn số liệu bằng biểu đồ thống kê đơn giản (biểu đồ tranh, biểu đồ cột, biểu đồ hình quạt tròn).

- Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ đã cho.

- Làm quen với số trung bình cộng.

- Làm quen, nhận biết và mô tả với các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện.

#### **1.2.2.4. Hoạt động thực hành và trải nghiệm**

Hoạt động 1: Thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn với các yêu cầu cụ thể.

Hoạt động 2: Tổ chức hoạt động ngoài giờ chính khóa liên quan đến ôn tập, củng cố kiến thức cơ bản.

Hoạt động 3: Tổ chức giao lưu với học sinh có năng khiếu trong trường và trường bạn (dành cho những cơ sở giáo dục có điều kiện).

### **1.2.3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực trong dạy học Toán Tiểu học**

#### **1.2.3.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất**

Môn Toán góp phần hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

#### **1.2.3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực**

Trong Chương trình giáo dục phổ thông mới các em HS không chỉ có cơ hội phát triển các phẩm chất mà còn có cơ hội hình thành và phát triển 10 năng lực thiết yếu để từ đó phát huy và vận dụng tối đa khả năng của mình vào thực tiễn, 10 năng lực đó được chia ra thành 2 nhóm năng lực chính là năng lực chung và năng lực chuyên môn.

Năng lực chung là những năng lực cơ bản, thiết yếu hoặc cốt lõi, làm nền tảng cho mọi hoạt động của con người trong cuộc sống và lao động nghề nghiệp. Các năng lực này được hình thành và phát triển dựa trên bản năng di truyền của con người, quá trình giáo dục và trải nghiệm trong cuộc sống; đáp ứng yêu cầu của nhiều loại hình hoạt động khác nhau. Những năng lực chung sẽ được nhà trường và GV giúp các em HS phát triển trong chương trình giáo dục phổ thông là:

1. Năng lực tự chủ và tự học
2. Năng lực giao tiếp và hợp tác.
3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Năng lực chuyên môn là những năng lực được hình thành và phát triển trên cơ sở các năng lực chung theo định hướng chuyên sâu, riêng biệt trong các loại hình hoạt động, công việc hoặc tình huống, môi trường đặc thù, cần thiết cho những hoạt động chuyên biệt, đáp ứng yêu cầu hạn hẹp hơn của một hoạt động. Đây cũng được xem như một năng khiếu, giúp các em mở rộng và phát huy bản thân mình nhiều hơn. Các năng lực chuyên môn được rèn luyện và phát triển trong chương trình giáo dục phổ thông mới là:

1. Năng lực ngôn ngữ
2. Năng lực tính toán
3. Năng lực tin học
4. Năng lực thể chất
5. Năng lực thẩm mỹ
6. Năng lực công nghệ

## 7. Năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội

Các năng lực chung và năng lực chuyên môn cần được phát triển đồng thời qua quá trình dạy học các môn học mà không thể tách rời nhau. Trong đó, các năng lực chung đóng vai trò điều kiện then chốt trong việc phát triển các năng lực chuyên môn, còn các năng lực chuyên môn là cơ sở, hỗ trợ việc phát triển năng lực chung. Trong đó, năng lực toán học là năng lực đặc thù, gắn liền với môn học.

Theo Chương trình giáo dục phổ thông mới (2018), năng lực toán học bao gồm các năng lực thành tố sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán. Tùy vào từng đối tượng HS, yêu cầu cần đạt của từng khối lớp, năng lực toán học của mỗi HS được biểu hiện ở các mức độ khác nhau. Trong đó, biểu hiện cụ thể của năng lực toán học và yêu cầu cần đạt đối với cấp tiểu học được thể hiện trong bảng sau:

<b>Thành phần năng lực</b>	<b>Yêu cầu cần đạt đối với cấp tiểu học</b>
<b>Năng lực tư duy và lập luận toán học :</b>	
- Thực hiện được các thao tác tư duy như: so sánh, phân tích, tổng hợp, đặc biệt hoá, khái quát hoá, tương tự; quy nạp, diễn dịch.	- Thực hiện được các thao tác tư duy (ở mức độ đơn giản), đặc biệt biết quan sát, tìm kiếm sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống quen thuộc và mô tả được kết quả của việc quan sát.
- Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận.	- Nêu được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận.
- Giải thích hoặc điều chỉnh được cách thức giải quyết vấn đề về phương diện toán học.	- Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. Bước đầu chỉ ra được chứng cứ và lập luận có cơ sở, có lí lẽ trước khi kết luận.
<b>Năng lực mô hình hóa toán học:</b>	
- Xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng)	- Lựa chọn được các phép toán, công thức số học, sơ đồ, bảng biểu, hình vẽ để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết)

biểu, đồ thị,...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.	được các nội dung, ý tưởng của tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn đơn giản.
- Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập.	- Giải quyết được những bài toán xuất hiện từ sự lựa chọn trên.
- Thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tế và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.	- Nêu được câu trả lời cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.
<b>Năng lực giải quyết vấn đề toán học:</b>	
- Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết bằng toán học.	- Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi.
- Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề.	- Nêu được cách thức giải quyết vấn đề.
- Sử dụng được các kiến thức, kỹ năng toán học tương thích (bao gồm các công cụ và thuật toán) để giải quyết vấn đề đặt ra.	- Thực hiện và trình bày được cách thức giải quyết vấn đề ở mức độ đơn giản.
- Đánh giá được giải pháp đề ra và khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.	- Kiểm tra được giải pháp đã thực hiện.
<b>Năng lực giao tiếp toán học:</b>	
- Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép được các thông tin toán học cần thiết được trình bày dưới dạng văn bản toán học hay do người khác nói hoặc viết ra.	- Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép (tóm tắt) được các thông tin toán học trọng tâm trong nội dung văn bản hay do người khác thông báo (ở mức độ đơn giản), từ đó nhận biết được vấn đề cần giải quyết.
- Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với	- Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người

người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác).	khác (chưa yêu cầu phải diễn đạt đầy đủ, chính xác). Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề.
- Sử dụng được hiệu quả ngôn ngữ toán học (chữ số, chữ cái, kí hiệu, biểu đồ, đồ thị, các liên kết logic,...) kết hợp với ngôn ngữ thông thường hoặc động tác hình thể khi trình bày, giải thích và đánh giá các ý tưởng toán học trong sự tương tác (thảo luận, tranh luận) với người khác.	- Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.
- Thể hiện được sự tự tin khi trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng liên qua đến toán học.	- Thể hiện được sự tự tin khi trả lời câu hỏi, khi trình bày, thảo luận các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.
<b>Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán:</b>	
- Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các đồ dùng, phương tiện trực quan thông thường, phương tiện khoa học công nghệ (đặc biệt là phương tiện sử dụng công nghệ thông tin), phục vụ cho việc học Toán.	- Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các công cụ, phương tiện học toán đơn giản (que tính, thẻ số, thước, compa, êke, các mô hình hình phẳng và hình khối quen thuộc,...)
- Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán, đặc biệt là phương tiện khoa học công nghệ để tìm tòi, khám phá và giải quyết vấn đề toán học (phù hợp với đặc điểm nhận thức lứa tuổi).	- Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán để thực hiện những nhiệm vụ học tập toán đơn giản. - Làm quen với máy tính cầm tay, phương tiện công nghệ thông tin hỗ trợ học tập.

- Nhận biết được các ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lí.	- Nhận biết được (bước đầu) một số ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lí.
--	--

#### 1.2.4. Khái quát nội dung cơ bản môn Toán lớp 4

##### 1.2.4.1. Mục tiêu dạy học môn Toán lớp 4

Mục tiêu chủ yếu của môn Toán lớp 4 giúp HS đạt được các yêu cầu cơ bản sau:

##### a. Số tự nhiên

- Đọc, viết được các số có nhiều chữ số (đến lớp triệu).
- Nhận biết được cấu tạo thập phân của một số và giá trị theo vị trí của từng chữ số trong mỗi số.
- Nhận biết được số chẵn, số lẻ.
- Làm quen với dãy số tự nhiên và đặc điểm.
- Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi lớp triệu.
- Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi lớp triệu).
- Làm tròn được số đến tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn mười nghìn, tròn trăm nghìn (ví dụ: làm tròn số 12 345 đến hàng trăm thì được số 12 300).

##### b. Các phép tính với số tự nhiên

- Thực hiện được các phép cộng, phép trừ các số tự nhiên có nhiều chữ số (có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp).
- Vận dụng được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng và quan hệ giữa phép cộng và phép trừ trong thực hành tính toán.
- Tính được số trung bình cộng của hai hay nhiều số.
- Thực hiện được phép nhân với các số có không quá hai chữ số.
- Thực hiện được phép chia cho số có không quá hai chữ số.
- Thực hiện được phép nhân với 10; 100; 1000;... và phép chia cho 10; 100; 1000;...
- Vận dụng được tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép nhân và mối quan hệ giữa phép nhân với phép chia trong thực hành tính toán.
- Vận dụng được tính chất của phép tính để tính nhẩm và tính bằng cách thuận tiện nhất.



- Ước lượng được trong những tính toán đơn giản (ví dụ: chia 572 cho 21 thì được thương không thể là 30).

- Làm quen với biểu thức chứa một, hai, ba chữ và tính được giá trị của biểu thức chứa một, hai, hoặc ba chữ (trường hợp đơn giản).

- Vận dụng được tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính giá trị của biểu thức.

- Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến hai hoặc ba bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến thành phần và kết quả của phép tính; liên quan đến các mối quan hệ so sánh trực tiếp hoặc các mối quan hệ phụ thuộc trực tiếp và đơn giản (ví dụ: bài toán liên quan đến tìm số trung bình cộng của hai số; tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó; bài toán liên quan đến rút về đơn vị).

### **c. Phân số**

- Nhận biết được khái niệm ban đầu về phân số, tử số, mẫu số.

- Đọc, viết được các phân số.

- Nhận biết được tính chất cơ bản của phân số.

- Thực hiện được việc rút gọn phân số trong những trường hợp đơn giản.

- Thực hiện được việc quy đồng mẫu số hai phân số trong trường hợp có một mẫu số chia hết cho mẫu số còn lại.

- So sánh và sắp xếp được thứ tự các phân số trong những trường hợp sau: các phân số có cùng mẫu số; có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại.

- Xác định được phân số lớn nhất, bé nhất (trong một nhóm có không quá 4 phân số) trong những trường hợp sau: các phân số có cùng mẫu số; có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại.

### **d. Các phép tính với phân số**

- Thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số trong những trường hợp sau: các phân số có cùng mẫu số; có một mẫu số chia hết cho các mẫu số còn lại.

- Thực hiện được phép nhân, phép chia hai phân số.

- Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán (có đến hai hoặc ba bước tính) liên quan đến 4 phép tính với phân số (ví dụ: bài toán liên quan đến tìm phân số của một số).

### **e. Hình học trực quan**

- Nhận biết được góc nhọn, góc tù, góc bẹt.

- Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song.
- Nhận biết được hình bình hành, hình thoi.
- Thực hiện được việc vẽ đường thẳng vuông góc, đường thẳng song song bằng thước thẳng và êke.
- Thực hiện được việc đo, vẽ, lắp ghép, tạo lập một số hình phẳng và hình khối đã học.
- Giải quyết được một số vấn đề liên quan đến đo góc, vẽ hình, lắp ghép, tạo lập hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học.

#### **f. Đo lường**

- Nhận biết được các đơn vị đo khối lượng: *yến, tạ, tấn* và quan hệ giữa các đơn vị đó với *kg*.
- Nhận biết được các đơn vị đo diện tích:  $dm^2$  (đề-xi-mét vuông),  $m^2$  (mét vuông),  $mm^2$  (mi-li-mét vuông) và quan hệ giữa các đơn vị đó.
- Nhận biết được các đơn vị đo thời gian: giây, thế kỉ và quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian đã học.
- Nhận biết được đơn vị đo góc: độ ( $^\circ$ ).
- Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng để thực hành cân, đo, đong, đếm, xem thời gian với các đơn vị đo đã học.
- Sử dụng được thước đo góc để đo các góc:  $60^\circ$ ;  $90^\circ$ ;  $120^\circ$ ;  $180^\circ$ .
- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài (*mm, cm, dm, m, km*); diện tích ( $mm^2, cm^2, dm^2, m^2$ ); khối lượng (*g, kg, yến, tạ, tấn*); dung tích (*ml, l*); thời gian (giây, phút, giờ, ngày, tuần lễ, tháng, năm, thế kỉ); tiền Việt Nam đã học.
- Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ: con bò cân nặng khoảng 3 tạ,...).
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo độ dài, diện tích, khối lượng, dung tích, thời gian, tiền Việt Nam.

#### **g. Một số yếu tố thống kê và xác suất**

- Nhận biết được về dãy số liệu thống kê.
- Nhận biết được cách sắp xếp dãy số liệu thống kê theo các tiêu chí cho trước.
- Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ cột.
- Sắp xếp được số liệu vào biểu đồ cột (không yêu cầu học sinh vẽ biểu đồ).

- Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ cột.
- Tính được giá trị trung bình của các số liệu trong bảng hay biểu đồ cột.
- Làm quen với việc phát hiện vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên quan sát các số liệu từ biểu đồ cột.
- Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được từ biểu đồ cột.
- Kiểm đếm được số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện khi thực hiện (nhiều lần) thí nghiệm, trò chơi đơn giản (ví dụ: trong một vài trò chơi như tung đồng xu, lấy bóng từ hộp kín,...).

#### **1.2.4.2. Một số điểm mới về cấu trúc chương trình, nội dung môn Toán lớp 4 (2018) so với lớp 4 (2006)**

##### **a. Điểm mới về cấu trúc chương trình**

Chương trình môn Toán lớp 4 (2018) xác định 3 mạch kiến thức cơ bản:

- + Số và phép tính
- + Hình học và đo lường
- + Một số yếu tố thống kê và xác suất

Ngoài ra còn có Hoạt động thực hành và trải nghiệm. Ba mạch kiến thức *Số và phép tính, Hình học và đo lường, Một số yếu tố thống kê và xác suất* đều được thể hiện qua Hoạt động thực hành và trải nghiệm để nhằm nhấn mạnh định hướng dạy học môn Toán gắn với thực tiễn.

Mạch kiến thức giải toán có lời văn được đề cập đến trong phần thực hành giải quyết vấn đề ở cả 3 mạch kiến thức trên.

##### **b. Điểm mới về nội dung**

###### **- Một số nội dung được bổ sung vào chương trình, cụ thể:**

- + Làm tròn được số đến tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn mười nghìn, tròn trăm nghìn (ví dụ: làm tròn số 12 345 đến hàng trăm thì được số 12 300).
- + Nhận biết được các đơn vị đo diện tích:  $dm^2$  (đề-xi-mét vuông),  $m^2$  (mét vuông),  $mm^2$  (mi-li-mét vuông) và quan hệ giữa các đơn vị đó.
- + Nhận biết đơn vị đo góc: độ ( $^{\circ}$ ).
- + Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài ( $mm$ ,  $cm$ ,  $dm$ ,  $m$ ,  $km$ ); diện tích ( $mm^2$ ,  $cm^2$ ,  $dm^2$ ,  $m^2$ ); khối lượng ( $g$ ,  $kg$ , yến, tạ, tấn); dung tích ( $ml$ ,  $l$ ); thời gian (giây, phút, giờ, ngày, tuần lễ, tháng, năm, thế kỉ); tiền Việt Nam đã học.

+ Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo độ dài, diện tích, khối lượng, dung tích, thời gian, tiền Việt Nam.

+ Một số yếu tố thống kê: Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu; Đọc, mô tả biểu đồ cột. Biểu diễn số liệu vào biểu đồ cột; Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ cột đã có.

+ Một số yếu tố xác suất: Kiểm đếm số lần lặp lại của một khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện.

#### **- Một số nội dung được giảm tải như:**

+ Giảm độ khó của kĩ thuật tính viết: Phép nhân số có nhiều chữ số với số có không quá 3 chữ số, tích có không quá 6 chữ số. Phép chia số có nhiều chữ số với số có không quá 3 chữ số, thương có không quá 4 chữ số (chia hết hoặc chia có dư).

+ Dấu hiệu chia hết cho 2,3,5,9.

+ Tỉ số: Khái niệm về tỉ số; giới thiệu về tỉ lệ bản đồ và một số ứng dụng của tỉ lệ bản đồ

+ Tính diện tích hình bình hành, hình thoi.

+ Tìm hai số khi biết tổng (hiệu) và tỉ số của hai số đó.

Đặc biệt, trong chương trình môn Toán lớp 4 mới cũng như các lớp khác có thêm phần *Hoạt động thực hành và trải nghiệm*. Hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng những tri thức, kiến thức, kỹ năng, thái độ đã được tích lũy; giúp HS bước đầu xác định được năng lực, sở trường của bản thân nhằm định hướng và lựa chọn nghề nghiệp; tạo dựng một số năng lực cơ bản cho người lao động tương lai và người công dân có trách nhiệm.....

## Chương 2

### **DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC MÔN TOÁN LỚP 4 THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018**

#### **2.1. Một số nguyên tắc thiết kế bài dạy môn Toán phát triển năng lực học sinh Tiểu học**

Để thiết kế bài dạy môn Toán phát triển năng lực học sinh Tiểu học chúng ta cần tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- Xây dựng KHBD phải đảm bảo tính thống nhất: Khi xây dựng KHBD cần dựa trên các văn bản, kế hoạch khác, chẳng hạn như hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Sở giáo dục và đào tạo; KHDH của nhà trường; KHDH môn học... đảm bảo sự thống nhất trong việc thực hiện các kế hoạch theo hướng ngày càng cụ thể hóa và chi tiết hóa các kế hoạch tổng thể, các định hướng chung.

- Xây dựng KHBD đảm bảo tính khả thi và vừa sức: Căn cứ vào khối lượng nội dung dạy học và thời lượng dạy học để phân chia các nội dung dạy học sao cho đảm bảo tính khả thi và vừa sức đối với trình độ HS: Cần chú trọng đến sự phân hóa các điều kiện, đối tượng dạy học để đề xuất nội dung và thời lượng dạy học phù hợp.

- Xây dựng KHBD đảm bảo tính logic: Đảm bảo tính logic của các nội dung kiến thức, kết nối những gì HS đã biết với những gì sẽ được học trong bài dạy tiếp theo, giúp HS hiểu được mối liên hệ giữa các khái niệm và xây dựng kiến thức mới trên nền tảng đã có.

- Xây dựng KHBD đảm bảo tính tích hợp và phân hóa: Thực hiện tích hợp nội môn và liên môn thông qua các hoạt động của bài dạy – dạy học nội dung số và phép tính có tích hợp dạy học nội dung hình học và đo lường, thống kê và xác suất và ngược lại. Hay qua dạy nội dung toán học thực hiện tích hợp liên môn thông qua các nội dung, chủ đề liên quan hoặc các kiến thức toán học được khai thác, sử dụng trong các môn học khác như Vật lí, Hoá học, Sinh học, Địa lí, Tin học, Công nghệ, Lịch sử, Nghệ thuật,...; Đồng thời, KHBD bảo đảm yêu cầu phân hoá đến từng đối tượng HS, dạy học phát huy năng lực, sở trường của HS

## **2.2. Quy trình thiết kế bài dạy môn Toán phát triển năng lực học sinh Tiểu học**

Để thiết kế bài dạy môn Toán phát triển năng lực học sinh Tiểu học chúng ta cần đảm bảo quy trình sau:

### **Bước 1: Nghiên cứu bài học**

GV nghiên cứu bài học để xác định mục tiêu kế hoạch bài học về kiến thức, kĩ năng, năng lực, phẩm chất của HS được hình thành và rèn luyện. Bên cạnh đó, khi nghiên cứu bài học, GV xác định kiến thức trọng tâm của bài, mối liên hệ giữa nội dung bài học với các nội dung HS đã và sẽ được học trong chương trình để có cách định hướng các hoạt động dạy học phù hợp.

GV cần nghiên cứu kỹ bài học: Phân tích các yêu cầu cần đạt trong chương trình và SGK môn Toán để xác định xem chủ đề/ bài học này ở vị trí nào trong chương trình/ SGK; Những yêu cầu cần đạt đó được sắp xếp ở năm học/bài học trước ra sao, năm học sau thế nào. Để phân tích bài học, Giáo viên cần trả lời ba câu hỏi:

- 1) Học sinh đã được học gì về (hoặc liên quan tới) chủ đề/ kiến thức, kĩ năng này trong những năm học/ bài học trước?
- 2) Học sinh sẽ học những gì ở năm học/ bài học này?
- 3) Học sinh sẽ sử dụng những kiến thức, kĩ năng có được từ bài học này như thế nào cho những năm học/bài học tiếp theo?

Việc phân tích chủ đề/bài học giúp GV nắm chắc hơn những yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình, giúp GV đi đúng hướng và hoàn thành các mục tiêu tiến độ mà họ đặt ra vào đầu năm. Những thông tin đó cũng giúp tránh những nội dung thừa, thiếu, lặp lại trong chương trình học. Khuyến khích việc xem xét các phương pháp giảng dạy mà GV sử dụng để hoàn thành các mục tiêu, thúc đẩy việc tích hợp các chủ đề trong Chương trình giảng dạy một cách hợp lý.

### **Bước 2: Tìm hiểu đối tượng người học**

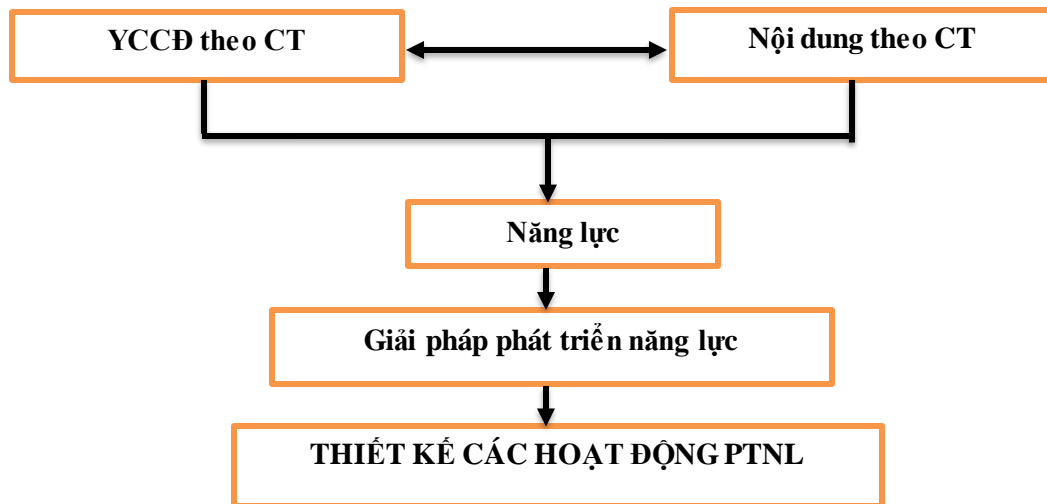
Xác định khả năng đáp ứng các nhiệm vụ nhận thức của học sinh, đảm bảo tính phân hóa, sát đối tượng. Tính khả thi của giáo án phụ thuộc vào trình độ, năng lực học tập của HS. Chính vì thế, GV nên dự kiến những khó khăn, những tình huống có thể nảy sinh và các phương án giải quyết.

### **Bước 3: Dự kiến các phương pháp, hình thức tổ chức, phương tiện dạy học**

Lựa chọn phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học thích hợp nhằm giúp HS học tập tích cực, chủ động, sáng tạo, nhằm đạt mục tiêu bài học.

#### **Bước 4: Thiết kế kế hoạch bài dạy**

Đây là bước người GV bắt tay vào thiết kế nội dung, cách thức hoạt động, thời gian và yêu cầu cần đạt cho từng hoạt động dạy của GV và hoạt động học tập của HS. Có thể được thực hiện theo quy trình như trong Hình 1 dưới đây:



*Hình 1. Quy trình thiết kế các hoạt động môn Toán nhằm phát triển năng lực cho học sinh tiểu học*

#### **Bước 5: Kiểm tra, hoàn thiện kế hoạch bài dạy.**

GV ghi những điểm cần rút kinh nghiệm sau tiết dạy để hoàn thiện phương án dạy học cho các tiết học sau: Nội dung còn bất cập, còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện tổ chức dạy học; nội dung tâm đắc tổ chức dạy học hiệu quả để trao đổi thảo luận khi tham gia sinh hoạt chuyên môn; lưu trữ kế hoạch dạy học theo hình thức phù hợp, khoa học.

### **2.3. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 4 phát triển năng lực học sinh**

Để đáp ứng yêu cầu dạy học phát triển năng lực, đòi hỏi mỗi giáo viên cần có sự nhận thức, chuyển biến qua nhiều khâu của quá trình dạy học. Bắt đầu từ khâu thiết kế kế hoạch bài dạy; thực hiện giờ dạy theo hướng mở, vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực; thực hiện dạy học tích hợp nội môn và liên môn; cho đến việc lựa chọn, sử dụng đa dạng, có hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học. Trong khuôn khổ, sau đây đề tài xin đề xuất một số kế hoạch bài dạy minh họa môn toán lớp 4.

### 2.3.1. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 4 thuộc mạch kiến thức *Số và phép tính*

**Bảng 2.1. Danh mục KHBD môn Toán lớp 4 thuộc mạch kiến thức *Số và phép tính***

STT	Tuần	Bài	Tiết	Tên bài	Bộ sách
1	5	12	1	Các số trong phạm vi lớp triệu	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	5	17	1	Bài toán liên quan đến rút về đơn vị	Cánh diều
3	11	22	1	Phép cộng các số có nhiều chữ số	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	26	55	1	Tính chất cơ bản của phân số	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	30	68	1	Cộng hai phân số có cùng mẫu số	Chân trời sáng tạo

## **KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN LỚP 4**

### **Tuần 5 – Bài 12: Các số trong phạm vi lớp triệu (Tiết 1)**

*(Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)*

#### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau khi bài học này, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:

##### **1. Kiến thức, kĩ năng**

- Phân tích được cấu tạo số của các số trong phạm vi lớp triệu
- Đọc, viết được các số trong phạm vi lớp triệu.

##### **2. Phẩm chất, năng lực**

- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.
- Góp phần phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học.

#### **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

##### **1. Giáo viên**

- Các phiếu câu hỏi, phiếu bài tập
- Tranh ảnh có trong SGK

##### **2. Học sinh**



- Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><b>1. Khởi động và kết nối (5 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học.</li> <li>- Ôn tập đọc, viết, phân tích cấu tạo số trong phạm vi lớp nghìn.</li> </ul> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP trò chơi học tập.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bước 1: Giới thiệu trò chơi</b> GV giới thiệu tên trò chơi “<b>Hỏi nhanh, đáp đúng</b>”.</p> <p><b>Bước 2: Hướng dẫn chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức 2 đội chơi.</li> <li>- Phương tiện, đồ dùng: Phiếu ghi số: <i>Phiếu 1: Đọc số: 207 492</i> <i>Phiếu 2: Đọc số: 50 000 000</i> <i>Phiếu 3: Đọc số: 231 000 000</i> <i>Phiếu 4: Đọc số: 3 000 000</i></li> <li>- Cách chơi: + Nhiệm vụ hai đội oẳn tù tì giành lượt chơi trước và bốc phiếu trả lời. + Mỗi đội chơi có thời gian 30 giây để thảo luận và đưa ra câu trả lời. + Kết thúc đội nào trả lời đúng nhiều sẽ chiến thắng. Hết 4 phiếu mà hai đội có kết quả bằng nhau GV sẽ đưa ra 1 câu hỏi phụ để tìm ra đội thắng cuộc.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Thực hiện trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đội tham gia chơi.</li> <li>- GV theo dõi, hỗ trợ đội chơi, đảm bảo chơi đúng luật.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Tổng kết, đánh giá</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét phần chơi của các đội, hướng dẫn HS rút ra bài học, ý nghĩa giáo dục của trò chơi.</li> <li>- GV dẫn vào bài mới, GV viết đề bài lên bảng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe.</li> <li>- HS tìm hiểu cách chơi.</li> <li>- HS thực hiện chơi.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>

## 2. Khám phá kiến thức (12 phút)

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết cách đọc, cách viết, cấu tạo số của các số trong phạm vi lớp triệu.

**b. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:** PP quan sát, PP hợp tác, KT chia nhóm, KT đặt câu hỏi.

**c. Cách tiến hành:**

a)

- GV chiếu hình ảnh SGK.



- GV yêu cầu HS mô tả hình ảnh trong tranh.

- **GV đặt vấn đề:** Để biết trái đất cách mặt trời khoảng bao nhiêu ki-lô-mét? Các em hãy thảo luận và hoàn thành phiếu bài tập sau:

*Hãy phân tích cấu thập thập phân của số: 149 597 876*

Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng Chục	Đơn vị
?	?	?	?	?	?	?	?	?

- GV chia lớp thành 4 nhóm ( mỗi nhóm là 1 tổ), các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu bài tập.

- GV mời đại nhóm 2 nhóm lên báo cáo kết quả, mời 2 nhóm còn lại nhận xét.



- GV chiếu bảng cấu tạo, cho HS đối chiếu kết quả, nhận xét và tuyên dương những đội làm bài đúng.

- GV thực hiện và yêu cầu HS thực hiện nhắc lại cấu tạo số, đọc số 149 597 876.

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Có tàu du hành vũ trụ, mặt trời và trái đất.

- HS lắng nghe.

- HS thực hiện.

<p>- GV: Vậy bạn nào trả lời cho cô và cả lớp biết Trái đất của chúng ta cách mặt trời khoảng bao nhiêu ki – lô – mét?</p> <p>b) GV chiếu chục tiêu số và yêu cầu HS quan sát</p> <p>b) </p> <p>- GV giới thiệu cho HS số liền sau của số 999 999 999 đọc là 1 000 000 000 , đọc là 1 tỉ.</p>	<p>- HS trả lời: Trái đất của chúng ta cách mặt trời khoảng một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi sáu.</p> <p>- HS quan sát.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p><b>3. Hoạt động (15 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Rèn kĩ năng đọc, viết số, phân tích cấu tạo số trong phạm vi lớp triệu.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP thảo luận nhóm, PP thực hành - luyện tập, KT chia nhóm, KT đặt câu hỏi.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 1:</b> GV yêu cầu HS đọc đề bài 1.</p> <p></p> <p>- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập.</p> <p>- GV cho HS làm vở cá nhân.</p>	<p>- HS đọc đề bài.</p> <p>- HS nêu yêu cầu.</p> <p>- HS làm việc cá nhân, viết tên nước, số dân, cách đọc vào vở.</p> <p>- HS đọc bài làm.</p> <p>+ Nhật Bản: <i>Một trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi sáu</i></p>

- GV chiếu bài HS.
- GV nhận xét, chốt đáp án.
- Em có tự tin vào câu trả lời của mình không?
- GV mời HS khác nhận xét bạn.
- GV cho HS nêu cách đọc số.
- **GV chốt:** *Đọc các số trong phạm vi lớp triệu đọc từ trái sang phải, từ lớp triệu, lớp nghìn, lớp đơn vị*

**Bài 2.** Viết số thành tổng (theo mẫu):

- GV cho HS đọc đề bài 2.

2. Viết số thành tổng (theo mẫu).

- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập.
- GV cho HS quan sát tranh, đọc mẫu, phân tích cách làm.
- GV cho HS làm vở.
- GV yêu cầu HS đọc kết quả.


nghìn bốn trăm sáu mươi một người.

+ Việt Nam: *Chín mươi bảy triệu ba trăm ba mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi chín người.*

+ In-đô-nê-xi-a: *Hai trăm bảy mươi ba triệu năm trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm mười lăm người.*

- HS trả lời: có
- HS khác nhận xét bổ sung.
- HS trả lời.
- HS lắng nghe.
- HS đọc đề bài.

- HS nêu yêu cầu bài.
- HS nêu cách làm: viết số thành tổng các hàng.
- HS làm cá nhân vào vở.
- HS đọc bài.

<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, chốt đáp án.</li> <li>- GV hỏi: Khi viết số thành tổng mà số có hàng bằng 0 cần chú ý điều gì?</li> <li>- GV cho HS đổi vở KT bài làm lớp.</li>   <li>- <b>GV chốt:</b> Cần ghi nhớ cấu tạo các hàng, lớp của số tự nhiên để nắm vững cấu tạo số.</li> </ul> <p><b>Bài 3. Các chữ số được gạch chân thuộc hàng nào? lớp nào?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS đọc đề bài.</li> </ul> <div style="text-align: center;">  </div> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS nêu yêu cầu</li> <li>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi làm vào SGK bằng bút chì.</li>   <li>- GV cho HS nêu kết quả thảo luận nhóm.</li> <li>- GV nhận xét, yêu cầu HS giải thích cách làm, chốt câu trả lời.</li> <li>- <b>GV chốt:</b> Qua bài tập trên các em được củng cố về cấu tạo số, hàng và lớp của số tự nhiên trong phạm vi lớp triệu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét, chữa bài.</li> <li>- HS trả lời</li> <li>- HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài làm.</li>   <li>- HS lắng nghe.</li>   <li>- HS đọc đề bài 3.</li>   <li>- HS nêu yêu cầu bài.</li> <li>- HS làm việc nhóm đôi ghi kết quả vào SGK bằng bút chì.</li> <li>- Đại diện nhóm trình bày kết quả.</li> <li>- HS lắng nghe.</li>   <li>- HS lắng nghe .</li> </ul>
<p><b>4. Vận dụng, củng cố (3 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Củng cố đọc, viết, phân tích cấu tạo số trong phạm vi lớp triệu.</li> <li>- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</li> </ul> <p><b>b. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:</b> KT trình bày 1 phút</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đặt câu hỏi và cho HS trình bày các câu trả lời nhanh vào giấy trong 1 phút:</li> <li>+ Em cảm thấy tiết học ngày hôm nay thế nào?</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>

<p>+ Qua tiết học ngày hôm nay các em đã học được điều gì?</p> <p>+ Có điều gì các em muốn giải đáp thêm?</p> <p>- HS suy nghĩ, viết ra giấy ý kiến của cá nhân</p> <p>- GV mời 1 học sinh đại diện trình bày.</p> <p>- GV nhận xét, dặn dò học sinh, tuyên dương những học sinh tích cực và yêu cầu về nhà, các em tìm hiểu :</p> <p>+ Khoảng cách từ Trái đất đến sao hỏa?</p> <p>+ Khoảng cách từ trái đất đến sao kim?</p> <p>Sau đó hãy phân tích cấu số của các số liệu đó.</p> <p>- GV nhận xét tiết học và dặn dò.</p>	<p>- HS thực hiện.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
--	---

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

.....

**Phân tích một số năng lực được phát triển qua dạy học Bài Các số trong phạm vi lớp triệu (Tiết 1) cho học sinh.**

Năng lực tư duy và lập luận toán học	<p>- Học sinh quan sát tranh trong hoạt động <i>Khám phá</i> và mô tả được kết quả của việc quan sát.</p> <p>- Biết lập luận hợp lí giải thích về cách làm bài của mình.</p>
Năng lực giao tiếp toán học	<p>Thông qua hoạt động <i>Khởi động</i>, học sinh tham gia trò chơi “ Hỏi nhanh đáp đúng”, học sinh trong mỗi đội chơi trao đổi, đọc được số ghi trên phiếu trong sự tương tác với bạn trong nhóm. Thể hiện được sự tự tin khi trả lời câu hỏi, khi trình bày, thảo luận nội dung toán học.</p>

### KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN 4

#### Tuần 5- Bài 17: Bài toán liên quan đến rút về đơn vị (Tiết 1)

(Bộ sách: Cánh diều)

## I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau khi học bài này, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:

### 1. Kiến thức, kĩ năng

- Nhận dạng và giải được “ Bài toán liên quan đến rút về đơn vị” .
- Vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản.

### 2. Phẩm chất, năng lực

- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực
- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC


### 1. Giáo viên

- Tranh ảnh liên quan đến bài học

### 2. Học sinh

- Vở ghi, SGK, giấy nháp.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<b>1. Khởi động và kết nối (3 phút)</b> <b>a. Mục tiêu:</b> Tạo không khí vui vẻ trước khi vào bài mới. <b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP quan sát <b>c. Cách tiến hành:</b>	
<p>- GV yêu cầu HS quan sát tranh và yêu cầu HS cho biết tranh vẽ gì? Hai bạn trao đổi với nhau điều gì?</p>  <p>- Theo em giá tiền 1 chiếc bút là bao nhiêu ?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS quan sát tranh và trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Tranh vẽ hai bạn đang ở trong cửa hàng bán sách vở, đồ dùng học tập.</li><li>+ Bạn trai nói: 5 chiếc bút giá 30 000 đồng</li><li>+ Bạn gái: Giá tiền 1 chiếc bút là bao nhiêu ?</li></ul> <p>- HS trả lời.</p>

<p>*<i>Giới thiệu bài:</i> Như vậy là các em đã trả lời đúng câu hỏi của bạn gái. Giá tiền 1 chiếc bút là 6000 đồng. Vậy muốn mua 8 chiếc bút như thế cần bao nhiêu tiền. Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay <b><i>Bài 17: Bài toán liên quan đến rút về đơn vị. (Tiết 1)</i></b></p> <p>- GV ghi bảng.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p><b>2. Khám phá kiến thức (12 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Nhận dạng và giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP hợp tác, KT đặt câu hỏi, KT chia nhóm</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc bài toán trong sách.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi phân tích bài toán.</p> <p>- GV mời HS chia sẻ trước lớp.</p> <p> </p> <p>- Như vậy muốn biết 8 chiếc bút phải trả bao nhiêu tiền thì chúng ta phải biết 1 chiếc bút giá bao nhiêu. Đi tìm giá của 1 chiếc bút được gọi là “Rút về đơn vị” Hay “tìm giá trị 1 phần”. Tìm số tiền phải trả cho 8 chiếc bút gọi là “tìm giá trị nhiều phần”.</p>	<p>- HS đọc bài toán.</p> <p>- HS phân tích bài toán.</p> <p>+ Bài toán cho biết gì ? (bài toán cho biết: cửa hàng bán 5 chiếc bút chì giá 30 000 đồng)</p> <p>+ Bài toán hỏi gì? (Bình muốn mua 8 chiếc bút chì như thế phải trả bao nhiêu tiền)</p> <p>+ Làm thế nào để biết được Bình phải trả bao nhiêu tiền? (Tính giá tiền 1 chiếc bút rồi tính số tiền 8 chiếc bút)</p> <p>- HS lắng nghe</p>



<p>- GV yêu cầu HS giải bài toán</p> <p>- Đây là Bài toán liên quan đến rút về đơn vị. Khi giải bài toán, chúng ta thực hiện theo mấy bước?</p> <p>- GV kết luận: Hôm nay các em đã biết thêm một dạng toán đó là gì?</p> <p>- GV hỏi: Muốn giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị chúng ta thực hiện theo mấy bước? Đó là những bước nào?</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi nêu ví dụ bài toán liên quan đến rút về đơn vị.</p>	<p style="text-align: center;"><b>Bài giải</b></p> <p>Giá tiền một chiếc bút chì là:</p> $30\ 000 \div 5 = 6000 \text{ (đồng)}$ <p>Mua 8 chiếc bút chì phải trả số tiền là:</p> $6000 \times 8 = 48\ 000 \text{ (đồng)}$ <p>Đáp số: 8000 đồng</p> <p>- HS trả lời: + Thực hiện 2 bước</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>* Bước 1: Tìm giá trị 1 phần (thực hiện phép chia.) * Bước 2: Tìm giá trị nhiều phần (thực hiện phép nhân)</p> <p>- HS nêu ví dụ cho nhau nghe.</p> <p>+ 3 nhóm có 12 người. Hỏi 4 nhóm có bao nhiêu người. + 5 can chứa 10 lít nước. Hỏi 6 can chứa bao nhiêu lít nước.</p>
<p><b>3. Hoạt động (15 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Hình thành kỹ năng giải các bài toán liên quan đến rút về đơn vị.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:</b> PP vấn đáp, PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 1:</b></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc bài 1a</p> <p>- GV yêu cầu 2 HS phân tích bài toán</p>	<p>- HS đọc bài.</p> <p>- 2 HS phân tích trước lớp</p>

<p>- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở BTT - Trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ trước lớp.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc bài 1b</p> <p>- GV yêu cầu 2 HS phân tích bài toán</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở BTT - Trao đổi nhóm đôi – Chia sẻ trước lớp.</p> <p>- GV nhận xét:</p> <p>+ Em có nhận xét gì về ý a và b trong bài tập 1 ?</p> <p>+ Tại sao em không lấy <math>16\ 000 \times 1</math> ? Mà lấy <math>16\ 000 \times 5</math></p>	<p>- Cá nhân làm bài vào vở BTT</p> <p>- Nhóm đôi trao đổi, sửa sai cho nhau nếu có.</p> <p>- HS chia sẻ bài trước lớp. Mời các bạn nhận xét.</p> <p>Bài giải</p> <p>Mua 1 hộp sữa chua hết số tiền là: <math>32\ 000 : 4 = 8\ 000</math> (đồng)</p> <p>Mua 6 hộp sữa chua hết số tiền là: <math>8\ 000 \times 6 = 48\ 000</math> (đồng)</p> <p>Đáp số: 48 000 đồng</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS đọc bài</p> <p>- 2 HS phân tích trước lớp</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>Bài giải</p> <p>Một ki-lô-gam dưa hấu có giá tiền là: <math>48\ 000 \div 3 = 16\ 000</math> (đồng)</p> <p>Mua 1 quả dưa hấu nặng 5 ki-lô-gam hết số tiền là: <math>16\ 000 \times 5 = 80\ 000</math> (đồng)</p> <p>Đáp số: 80 000 đồng.</p> <p>- Ý b khác ý a ở chỗ bài toán hỏi mua 1 quả dưa hấu hết bao nhiêu tiền.</p> <p>- Vì 16 000 là giá tiền của 1kg dưa không phải 1 quả dưa.</p>
---	---

<p>*<i>Chốt</i>: Bài tập 1 giúp em củng cố lại kiến thức nào đã học ?</p> <p>- GV yêu cầu HS: Em hãy nhắc lại cách giải Bài toán liên quan đến rút về đơn vị.</p>	<p>- HS trả lời: Giải Bài toán liên quan đến rút về đơn vị.</p> <p>- HS nhắc lại.</p>
<p><b>4. Vận dụng, củng cố (5 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <p>- Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP trò chơi học tập.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bước 1: Giới thiệu trò chơi</b></p> <p>- GV giới thiệu tên trò chơi “<b>Đi chợ</b>”</p> <p>Bước 2: Hướng dẫn chơi</p> <p>- Cách chơi: Trên màn hình GV chiếu 4 chiếc giỏ đựng đồ.</p> <p>+ Giỏ thứ nhất gồm 7 quả táo và 1 quả cam.</p> <p>+ Giỏ thứ 2 gồm 3 quả táo và 7 quả cam</p> <p>+ Giỏ thứ 3 gồm 5 quả táo và 3 quả cam</p> <p>+ Giỏ thứ 4 gồm 4 quả táo và 5 quả cam</p> <p>Với số tiền là 45 000 đồng em sẽ mang về được giỏ đồ nào. Biết 3 quả cam có giá 15 000 đồng và 4 quả táo có giá 20 000 đồng.</p> <p>- Luật chơi: HS phải đi chợ trong vòng 2 phút và tiêu hết số tiền.</p> <p><b>Bước 3: Thực hiện trò chơi</b></p> <p>- GV tổ chức cho HS tham gia chơi.</p> <p>- GV quan sát, hướng dẫn HS.</p> <p><b>Bước 4: Tổng kết trò chơi</b></p> <p>- GV nhận xét trò chơi</p> <p>- GV công bố kết quả</p> <p>- GV nhận xét:</p> <p>+ Em có tự tin vào câu trả lời của mình không?</p> <p>+ Mời một bạn khác nhận xét bạn.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS trả lời</p> <p>+ giỏ 1, giỏ 2,...</p> <p>+ giỏ 4 vì giá của một quả cam bằng giá của một quả táo là 5000 đồng. Mà <math>5000 \times 4 + 5000 \times 5 = 45000</math> đồng.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>

- GV chốt đáp án và tuyên dương HS - GV dặn dò HS về làm bài tập và chuẩn bị bài mới.	+ Có ạ  - HS thực hiện.
--	-------------------------------

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....  
 .....  
 .....  
**Phân tích một số năng lực được phát triển trong quá trình tổ chức bài học *Bài toán liên quan đến rút về đơn vị (Tiết 1)* cho học sinh.**

Năng lực giải quyết vấn đề toán học	Thông qua việc giải quyết các bài tập ở phần <i>Hoạt động</i> học sinh đưa ra được hướng giải quyết của mình dựa trên sự giúp đỡ của giáo viên.
Năng lực tư duy và lập luận toán học	Qua phân suy luận để tìm ra đáp án của trò chơi “Đi chợ” trong phần <i>Vận dụng, củng cố</i> đã giúp học sinh thể hiện khả năng tư duy thông minh của mình. Hay ở việc phân tích bài toán học sinh chia nhỏ dữ kiện bài toán ra để dễ hình dung hơn.
Năng lực giao tiếp toán học	Thông qua hoạt động trao đổi nhóm đôi, học sinh tự tin đưa ra ý kiến của mình. Cũng như việc trả lời các câu hỏi thêm mà giáo viên đưa ra sẽ giúp học sinh tự tin hơn trong việc thể hiện bản thân mình.

### KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN 4

#### Tuần 11- Bài 22: Phép cộng các số có nhiều chữ số ( Tiết 1)

(Bộ sách: *Kết nối tri thức với cuộc sống*)

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau khi học bài này, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:

##### 1. Kiến thức, kĩ năng

- Thực hiện được phép cộng các số tự nhiên có nhiều chữ số (có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp).
- Vận dụng kiến thức vào giải các bài toán thực tiễn.

## 2. Phẩm chất, năng lực

- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.
- Góp phần phát triển năng lực tư duy toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

### 1. Giáo viên


- Tranh ảnh trên slide như SGK, các câu hỏi của phần trò chơi

### 2. Học sinh

- Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><b>1. Khởi động và kết nối (3 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</li> <li>- Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở thế kỉ</li> </ul> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP trò chơi học tập.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bước 1: giới thiệu trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giới thiệu tên trò chơi “<b>Đố bạn</b>”.</li> </ul> <p><b>Bước 2: Hướng dẫn chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương tiện: Các câu hỏi GV chuẩn bị trước.</li> <li>+ <i>Câu 1: 3 thế kỷ = ..... năm</i></li> <li>+ <i>Câu 2: 600 năm = ..... thế kỷ</i></li> <li>+ <i>Câu 3: 4 phút 30 giây = .....giây</i></li> <li>+ <i>Câu 4: 4 năm = ..... tháng</i></li> <li>- Cách chơi: GV đưa ra câu đố cho HS trả lời</li> <li>+ HS được đố có thời gian 30 giây để đưa ra đáp án.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe.</li> <li>- HS trả lời:</li> <li>+ Câu 1: 300</li> <li>+ Câu 2: 6</li> <li>+ Câu 3: 270</li> <li>+ Câu 4: 48</li> </ul>

<p>+ Nếu HS nhận được câu đó mà trả lời sai sẽ phải nhường lại lượt trả lời cho bạn may mắn khác.</p> <p><b>Bước 3: Thực hiện trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi.</li> <li>- GV quan sát, hướng dẫn HS.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Tổng kết trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV công bố phần thưởng cho các bạn trả lời đúng câu đố.</li> <li>- GV nhận xét trò chơi.</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới, ghi đề lên bảng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện chơi.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>
<p><b>2. Khám phá kiến thức (12 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Thực hiện được các phép cộng các số tự nhiên có nhiều chữ số (có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp).</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP quan sát, PP đóng vai.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p>a) GV chiếu tình huống như SGK lên bảng cho HS quan sát.</p>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi 2 học sinh đóng vai Rôbot và Mai diễn lại tình huống.</li> <li>- GV hỏi: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngày thứ nhất, trang trại thu được bao nhiêu lít sữa?</li> <li>+ Ngày thứ hai, trang trại thu được bao nhiêu lít sữa?</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát.</li> <li>- HS thực hiện.</li> <li>- HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngày thứ nhất thu được: 180 510 l sữa.</li> <li>+ Ngày thứ hai thu được: 210 365 l sữa.</li> <li>+ Ta thực hiện phép tính cộng: <math>180\ 510 + 210\ 365 = ?</math></li> </ul> </li> </ul>

<p>+ Đề biết cả 2 ngày, trang trại thu bao nhiêu lít sữa ta làm thế nào?</p> <p>- GV nhận xét, ghi phép tính lên bảng.</p> <p>- Để tìm kết quả của phép cộng này thì ta thực hiện các bước tương tự như phép cộng đã học.</p> <p>- GV gọi HS lên bảng thực hiện, lớp làm vào vở.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS thực hiện phép tính tốt.</p> <p>- GV hỏi:</p> <p>+ <math>180\ 510 + 210\ 365 = ?</math></p> <p>+ Vậy để tìm kết quả của phép tính cộng ta thực hiện mấy bước?</p> <p>+ Ta tính như thế nào?</p> <p>- Gọi HS lần lượt trình bày cách cộng như SGK.</p> <p><b>GV lưu ý:</b> Khi đặt tính các hàng trong 2 số hạng phải thẳng cột với nhau. Đây là phép cộng không nhớ.</p> <p>b) <math>327\ 456 + 190\ 835 = ?</math></p> <p>- GV hướng dẫn HS thực hiện tương tự như ví dụ a.</p> <p>- GV theo dõi hướng dẫn thêm (nếu HS thực hiện chưa đúng).</p> <p>- GV gọi HS nêu lại cách tính như SGK.</p> <p>- <b>GV lưu ý</b> cho học sinh về phép cộng có nhớ.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS thực hiện và trình bày cách tính.</p> $\begin{array}{r} 180510 \\ + 210365 \\ \hline 390875 \end{array}$ <p>- HS dưới lớp đối chiếu kết quả với phép tính trên bảng và nhận xét.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p><math>+180\ 510 + 210\ 365 = 390\ 876</math></p> <p>+ Thực hiện 2 bước: đặt tính, tính.</p> <p>+ Tính theo thứ tự từ phải sang trái.</p> <p>- HS trình bày</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p><math>- 327\ 456 + 190\ 835 = 518\ 291</math></p> <p>- HS thực hiện.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p><b>3. Hoạt động (15 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p>	

<p>- Thực hiện được các phép cộng các số tự nhiên có nhiều chữ số (có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp).</p> <p>- Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến hai hoặc ba bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học).</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP hợp tác, PP thực hành - luyện tập, KT chia nhóm, KT đặt câu hỏi</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>																									
<p><b>Bài 1:</b></p> <p>- GV gọi HS đọc đề bài.</p> <p>- GV yêu cầu học sinh chia sẻ cách thực hiện bài toán.</p> <p>- GV tổ chức cho HS làm bài cá nhân vào vở, nêu kết quả trước lớp.</p> <p>- GV theo dõi giúp đỡ các em HS chậm.</p> <p>- GV nhận xét một số bài làm dưới vở.</p> <p>- GV yêu cầu HS trình bày bài làm.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các bạn làm nhanh, đúng.</p> <p>Bài 2: Đặt tính rồi tính:</p> $\begin{array}{r} 3\ 246 + 4\ 721 \\ 47\ 282 + 2\ 534 \\ 139\ 820 + 240\ 134 \\ 482\ 824 + 420\ 546 \end{array}$	<p>- HS đọc đề bài</p> <p>- HS nêu cách thực hiện: Lần lượt tính kết quả của 3 phép tính cộng trên mỗi xô, sau đó tìm xô chứa nhiều sữa, xô chứa ít sữa.</p> <p>- HS làm</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: right;">11000</td> <td style="text-align: right;">9360</td> <td style="text-align: right;">10072</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">+ 3000</td> <td style="text-align: right;">+ 5460</td> <td style="text-align: right;">+ 3580</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right; border-top: 1px solid black;">14000</td> <td style="text-align: right; border-top: 1px solid black;">14820</td> <td style="text-align: right; border-top: 1px solid black;">13652</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Xô A</td> <td style="text-align: center;">Xô B</td> <td style="text-align: center;">Xô C</td> </tr> </table> <p>+ Xô B chứa nhiều sữa nhất. Xô C chứa ít sữa nhất.</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS thực hiện:</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: right;">3246</td> <td style="text-align: right;">47282</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">+ 4721</td> <td style="text-align: right;">+ 2514</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right; border-top: 1px solid black;">7967</td> <td style="text-align: right; border-top: 1px solid black;">49826</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">139820</td> <td style="text-align: right;">482824</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">+ 240134</td> <td style="text-align: right;">+ 420546</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right; border-top: 1px solid black;">379954</td> <td style="text-align: right; border-top: 1px solid black;">903370</td> </tr> </table> <p>- HS đối vở, nhận xét bài làm của bạn, báo cáo kết quả.</p>	11000	9360	10072	+ 3000	+ 5460	+ 3580	14000	14820	13652	Xô A	Xô B	Xô C	3246	47282	+ 4721	+ 2514	7967	49826	139820	482824	+ 240134	+ 420546	379954	903370
11000	9360	10072																							
+ 3000	+ 5460	+ 3580																							
14000	14820	13652																							
Xô A	Xô B	Xô C																							
3246	47282																								
+ 4721	+ 2514																								
7967	49826																								
139820	482824																								
+ 240134	+ 420546																								
379954	903370																								



<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đôi chéo vở kiểm tra</li> <li>- GV nhận xét bài trên bảng.</li> </ul> <p><b>Bài 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc đề ở SGK, phân tích đề toán, thảo luận tìm cách giải. (1 phút)</li> <li>- GV hỏi:</li> </ul> <p>+ Đề cho biết gì?</p> <p>+ Cần tính gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày hướng giải bài toán trước lớp.</li> <li>- GV lưu ý cho HS về đơn vị đo trong bài toán: Đổi 201 km về mét rồi mới tính được.</li> <li>- GV tổ chức cho HS làm bài vào vở.</li> <li>- GV nhận xét một số bài ở vở HS.</li> <li>- GV yêu cầu HS trình bày bài giải trước lớp.</li> <li>- GV yêu cầu học sinh nhận xét bài trên bảng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul> <p>- HS thực hiện.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ Đề cho biết: Trong 1 phút: Vệ tinh màu xanh bay được quãng đường dài 474 000 m. Vệ tinh màu đỏ bay được quãng đường dài hơn vệ tinh màu xanh 201km .</p> <p>+ Trong 1 phút: Vệ tinh màu đỏ bay được quãng đường dài bao nhiêu mét?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trình bày.</li> <li>- HS làm bài vào vở, HS giải trên bảng.</li> </ul> <p>Bài giải</p> <p>Đổi 201km = 201 000 m</p> <p>Trong 1 phút, quãng đường vệ tinh màu đỏ bay được là:</p> $474\ 000 + 201\ 000 = 675\ 000\ (m)$ <p style="text-align: center;">Đáp số: 675 000 m</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe.</li> <li>- HS trình bày.</li> <li>- HS nhận xét.</li> </ul>
<p><b>4. Vận dụng, củng cố (5 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</li> <li>- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</li> </ul>	

<b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> KT tia chớp.													
<b>c. Cách tiến hành:</b>													
<p>- GV mời một số học sinh lần lượt nói nhanh suy nghĩ của mình các câu hỏi:</p> <p>+ <i>Em hãy cho biết hôm nay chúng ta học gì?</i></p> <p>+ <i>Các bước thực hiện phép cộng các số có nhiều chữ số?</i></p> <p>+ <i>GV lần lượt chiếu từng phép tính và Yêu cầu HS nêu Đúng, sai vào ô trống:</i></p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;"><math display="block">\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 87274 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math display="block">\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 130096 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math display="block">\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 87264 \end{array}</math></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> </tr> </table> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS.</p>	$\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 87274 \end{array}$	$\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 130096 \end{array}$	$\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 87264 \end{array}$	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<p>- HS thực hiện.</p> <p>- HS trả lời.</p> <p>- HS trả lời.</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;"><math display="block">\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 87274 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math display="block">\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 130096 \end{array}</math></td> <td style="text-align: center;"><math display="block">\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 87264 \end{array}</math></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/> Đ</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/> S</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/> S</td> </tr> </table> <p>- HS lắng nghe.</p>	$\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 87274 \end{array}$	$\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 130096 \end{array}$	$\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 87264 \end{array}$	<input type="checkbox"/> Đ	<input type="checkbox"/> S	<input type="checkbox"/> S
$\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 87274 \end{array}$	$\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 130096 \end{array}$	$\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 87264 \end{array}$											
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>											
$\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 87274 \end{array}$	$\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 130096 \end{array}$	$\begin{array}{r} 82516 \\ + 4758 \\ \hline 87264 \end{array}$											
<input type="checkbox"/> Đ	<input type="checkbox"/> S	<input type="checkbox"/> S											

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

.....

**Phân tích một số năng lực được phát triển trong quá trình tổ chức bài học *Phép cộng các số có nhiều chữ số (Tiết 1)* cho học sinh.**

Năng lực tư duy và lập luận toán học	Học sinh có những thao tác tư duy ở mức độ đơn giản. Qua tình huống ở phần <i>Khám phá</i> học sinh giải đáp được những câu hỏi mà giáo viên đưa ra, đặt được phép tính và thực hiện được.
Năng lực giải quyết vấn đề	Thông qua trò chơi “Đô bạn” phân <i>Khởi động</i> , học sinh biết cách áp dụng kiến thức đã học để giải các câu đố từ giáo viên và nhận được phần thưởng.
Năng lực giao tiếp toán học	Qua việc trao đổi với giáo viên về những thắc mắc sẽ giúp học sinh tự tin

hơn khi giao tiếp. Tự tin trình bày kết quả của mình trước cả lớp.

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN LỚP 4**  
**Tuần 26 – Bài 55: Tính chất cơ bản của phân số (Tiết 1)**  
(Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau khi học bài này, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nhận biết được tính chất cơ bản của phân số.
- Vận dụng giải bài tập, bài toán thực tế có liên quan.

**2. Phẩm chất, năng lực**

- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, yêu nước.
- Góp phần phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán, năng lực giao tiếp toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**


**1. Giáo viên**

- Hộp đựng thăm, lá thăm.

**2. Học sinh**

- Giấy màu, thước kẻ, màu tô theo yêu cầu của GV

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><b>1. Khởi động, kết nối (3 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tạo không khí vui vẻ, kết nối vào bài mới một cách tự nhiên.</li><li>- Ôn lại cách viết phân số.</li></ul> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP vấn đáp.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
	

<p>- GV: Nhân dịp Trung thu, mẹ mua các loại bánh để cả nhà cùng nhau phá cỗ. Mẹ chia chiếc bánh nướng thứ nhất thành 4 phần bằng nhau và lấy ra hai phần. Mẹ chia chiếc bánh nướng thứ 2 ra thành 2 phần và lấy ra 1 phần. Mẹ đó em:</p> <p>+ Nêu phân số biểu thị số phần bánh được lấy ra ở lần chia chiếc bánh nướng thứ nhất.</p> <p>+ Nêu phân số biểu thị số phần bánh được lấy ra ở lần chia chiếc bánh nướng thứ hai.</p> <p>- GV: Các em hãy cùng nhau giúp bạn nhỏ trả lời câu hỏi của mẹ bạn?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới: Vậy số phần bánh mẹ bạn nhỏ đã lấy ra ở hai lần chia liệu có bằng nhau hay không? Hay hai phân số <math>\frac{2}{4}</math> và <math>\frac{1}{2}</math> có bằng nhau hay không? Để giải đáp điều đó, hôm nay cô sẽ cùng các em đi tìm hiểu thêm về tính chất của phân số thông qua <b>bài 55: Tính chất cơ bản của phân số (Tiết 1)</b></p>	<p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS nêu phân số: <math>\frac{2}{4}</math> và <math>\frac{1}{2}</math></p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p><b>2. Khám phá kiến thức (12 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> HS nhận biết được tính chất cơ bản của phân số.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP trực quan, PP phát hiện và giải quyết vấn đề, KT đặt câu hỏi.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p>- GV yêu cầu HS chuẩn bị đồ dùng theo nhóm tổ và thực hiện theo yêu cầu của cô:</p> <p>+ Chia băng giấy thứ nhất thành 3 phần bằng nhau tô màu 2 phần.</p> <p>+ Chia băng giấy thứ hai thành 6 phần bằng nhau tô màu 4 phần.</p>	<p>- HS chuẩn bị đồ dùng lên bàn.</p> <p>- HS thực hiện làm việc nhóm theo yêu cầu của cô giáo trên băng giấy.</p> <p>- HS nêu phân số biểu diễn số phần đã tô màu của mỗi băng giấy?</p>

+ Viết phân số biểu diễn số phần đã tô màu ở băng giấy 1? phân số biểu diễn số phần đã tô màu ở băng giấy 2?

- GV bao quát các nhóm thực hiện nhiệm vụ, hết thời gian giáo viên gọi đại diện 1 nhóm lên bảng dán sản phẩm và trình bày bài làm.

- GV tổ chức cho HS trong lớp nhận xét, GV nhận xét phần hoạt động của các nhóm.

- GV yêu cầu so sánh phần tô màu của hai băng giấy.

- GV hỏi: Nhìn vào hình vẽ, hãy so sánh phần tô màu của hai băng giấy?

- GV kết luận: Nhìn hình vẽ ta thấy:

$\frac{2}{3}$  băng giấy bằng  $\frac{4}{6}$  băng giấy .

- Hay ta có thể nói phân số  $\frac{2}{3}$  bằng phân số

$\frac{4}{6}$ , ta viết  $\frac{2}{3} = \frac{4}{6}$ .

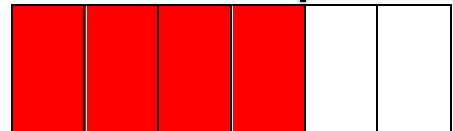
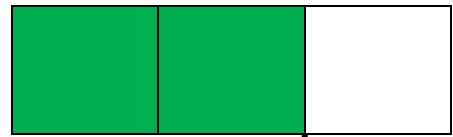
b) GV: Gấp cả tử số và mẫu số của phân số  $\frac{2}{3}$  lên mấy lần ta được phân số  $\frac{4}{6}$ .

- GV viết:

$$\frac{2}{3} = \frac{2 \times 2}{3 \times 2} = \frac{4}{6}$$

- GV kết luận: Nếu nhân cả tử số và mẫu số của một phân số với một số tự nhiên khác 0 ta được phân số mới bằng phân số ban đầu.

Tô màu  $\frac{2}{3}$  băng giấy



Tô màu  $\frac{4}{6}$  băng giấy

- HS thực hiện.

- HS trả lời:

+ Phần tô màu của 2 băng giấy bằng nhau:  $\frac{2}{3}$  băng giấy

bằng  $\frac{4}{6}$  băng giấy.

- HS lắng nghe.

- HS đọc  $\frac{2}{3} = \frac{4}{6}$

- HS trả lời: Gấp cả tử số và mẫu số của phân số  $\frac{2}{3}$  lên 2 lần ta được phân số  $\frac{4}{6}$ .

- HS nhắc lại: Nếu nhân cả tử số và mẫu số của một phân số với một số tự nhiên khác 0 ta được phân số mới bằng phân số ban đầu.

<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV: Giảm tử số và mẫu số của phân số <math>\frac{4}{6}</math> đi mấy lần ta được phân số <math>\frac{2}{3}</math>.</li> <li>- GV viết: <math>\frac{4}{6} = \frac{4:2}{6:2} = \frac{2}{3}</math>.</li> <li>- GV kết luận: Nếu chia hết cả tử số và mẫu số của một phân số cho một số tự nhiên khác 0 thì được một phân số bằng phân số ban đầu.</li> <li>- GV kết luận, đọc nhận xét SGK.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời giảm tử số và mẫu số của phân số <math>\frac{4}{6}</math> đi 2 lần ta được phân số <math>\frac{2}{3}</math>.</li> <li>- HS nhắc lại.</li> <li>- HS nhắc lại.</li> </ul>
<p><b>3. Hoạt động (15 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Vận dụng tính chất cơ bản của phân số vào giải bài tập, bài toán thực tế có liên quan.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP thực hành - luyện tập, PP Thảo luận nhóm, PP vấn đáp.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 1. Số?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời HS nêu yêu cầu bài tập 1</li> <li>- GV yêu cầu HS làm bài vào vở.</li> <li>- GV cho HS nêu yêu cầu đề bài</li> <li>- GV mời 2 HS lên bảng làm bài, một bạn làm phần a một bạn làm phần b.</li> <li>- GV bao quát, hướng dẫn làm bài, tổ chức cho HS trong lớp nhận xét bài làm trên bảng.</li> <li>- GV nhấn mạnh lại tính chất bằng nhau của phân số.</li> </ul> <p><b>Bài 2: Số?</b></p> <p><b>2</b> Số ?</p> <p>a) <math>\frac{2}{5} = \frac{2 \times ?}{5 \times ?} = \frac{10}{25}</math>      <math>\frac{4}{7} = \frac{4 \times 7}{7 \times ?} = \frac{?}{?}</math></p> <p>b) <math>\frac{36}{40} = \frac{36 : ?}{40 : ?} = \frac{9}{10}</math>      <math>\frac{24}{32} = \frac{24 : ?}{32 : 8} = \frac{?}{?}</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS nêu yêu cầu đề bài và hướng dẫn HS cách làm bài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS vận dụng bài học để làm.</li> <li>- HS thực hiện.</li> <li>- HS quan sát yêu cầu bài 2.</li> <li>- HS làm việc theo phân công.</li> </ul>

<p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, các nhóm làm vào vở.</p> <p>- Mời đại diện 2 nhóm lên trình bày bài làm và yêu cầu các nhóm trong cùng bàn kiểm tra chéo bài.</p> <p>- GV hỏi: Vì sao trong phép tính đầu tử số bạn lấy <math>2 \times 5</math> và mẫu số <math>5 \times 5</math>?</p> <p>- GV chiếu bài làm đúng, yêu cầu HS đối chiếu.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p><b>Bài 3: Chọn câu trả lời đúng?</b></p> <p>- GV cho HS làm theo nhóm.</p> <p>- GV mời các nhóm trình bày.</p> <p>- GV nhận xét chung, tuyên dương.</p>	<p>- HS chia sẻ bài làm, nhận xét.</p> <p>a) <math>\frac{2}{5} = \frac{2 \times 5}{5 \times 5} = \frac{10}{25}</math> ;</p> <p><math>\frac{4}{7} = \frac{4 \times 7}{7 \times 7} = \frac{28}{49}</math></p> <p>b) <math>\frac{36}{40} = \frac{36 : 4}{40 : 4} = \frac{9}{10}</math> ;</p> <p><math>\frac{24}{32} = \frac{24 : 8}{32 : 8} = \frac{3}{4}</math></p> <p>- HS trả lời: Em quan sát tử số <math>2 \times 5 = 10</math>, mẫu số <math>5 \times 5 = 25</math>. Vậy em lấy cả tử và mẫu nhân 5.</p> <p>- HS đối chiếu, sửa sai, đối vở kiểm tra, nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.</p> <p>- Các nhóm làm việc theo phân công.</p> <p>- HS nêu và giải thích</p> <p>C. <math>\frac{2}{3}</math></p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p><b>4. Vận dụng, củng cố (5 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Củng cố tính chất cơ bản của phân số.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP trò chơi học tập.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bước 1: Giới thiệu trò chơi</b></p> <p>- GV giới thiệu tên trò chơi “ <b>Hái hoa</b>”</p> <p><b>Bước 2: Hướng dẫn chơi</b></p> <p>- Phương tiện: Những bông hoa ghi câu hỏi:</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>

<p><i>Câu 1. Nhân cả tử và mẫu của phân số <math>\frac{1}{3}</math> với 4 ta được phân số nào?</i></p> <p>A. <math>\frac{1}{3}</math>                      B. <math>\frac{4}{12}</math>                      C. <math>\frac{1}{12}</math></p> <p><i>Câu 2: Chia cả tử và mẫu của phân số <math>\frac{4}{12}</math> với 4 ta được phân số nào?</i></p> <p>A. <math>\frac{1}{3}</math>                      B. <math>\frac{4}{12}</math>                      C. <math>\frac{1}{12}</math></p> <p><i>Câu 3: Cùng giảm 3 lần tử số và mẫu số của phân số M ta được phân số mới bằng <math>\frac{9}{6}</math>. Tìm phân số M.</i></p> <p>A. <math>\frac{3}{2}</math>                      B. <math>\frac{9}{12}</math>                      C. <math>\frac{27}{18}</math></p> <p><i>Câu 4: Phân số nào dưới đây bằng phân số <math>\frac{5}{3}</math></i></p> <p>A. <math>\frac{3}{5}</math>                      B. <math>\frac{10}{6}</math>                      C. <math>\frac{15}{3}</math></p> <p>- Cách chơi: GV sẽ chọn ra bạn may mắn giao tay nhanh nhất trả lời câu hỏi. Mỗi HS trả lời đúng sẽ nhận được một món quà nhỏ.</p> <p><b>Bước 3: Thực hiện trò chơi</b></p> <p>- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi. - GV quan sát, hướng dẫn HS.</p> <p><b>Bước 4: Tổng kết trò chơi</b></p> <p>- GV công bố phần thưởng. - GV nhận xét trò chơi.</p>	<p>- HS thực hiện. - HS lắng nghe.</p>
--	--

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

.....

.....

.....

**Phân tích một số năng lực được phát triển trong quá trình tổ chức bài học *Tính chất cơ bản của phân số (Tiết 1)* cho học sinh.**



Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học	Thông qua hoạt động <i>Khám phá</i> khi giáo viên yêu cầu học sinh chia các tờ giấy thành các phần bằng nhau, tô màu cho những tờ giấy. Học sinh đã biết sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán là giấy, thước, bút màu để thực hiện những nhiệm vụ học tập toán đơn giản.
Năng lực tư duy và lập luận toán học	Thực hiện được các thao tác tư duy (ở mức độ đơn giản), đặc biệt biết quan sát, so sánh những tình huống quen thuộc và mô tả được kết quả của việc quan sát: - Trong hoạt động <i>Khởi động</i> , học sinh quan sát và nêu được phân số phù hợp. - Trong hoạt động <i>Khám phá</i> học sinh nêu được phân số biểu diễn cho số phần đã tô màu ở mỗi băng giấy. Biết so sánh phân số ban đầu và phân số lúc sau khi đã nhân (chia) với một số khác 0. Rút ra được tính chất cơ bản của phân số sau khi thực hành ở hoạt động <i>Khám phá</i> .

## **KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN 4**

### **Tuần 30 – Bài 68: Cộng hai phân số cùng mẫu (Tiết 1)**

*(Bộ sách: Chân trời sáng tạo)*

#### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau khi học bài này, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:

##### **1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nêu và thực hiện được quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu số
- Vận dụng giải quyết các bài tập liên quan đến phép cộng phân số cùng mẫu số.

##### **2. Phẩm chất, năng lực**

- Rèn luyện phẩm chất trách nhiệm và chăm chỉ.
- Góp phần phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC


### 1. Giáo viên



- Trò chơi Powerpoint.

### 2. Học sinh

- Dụng cụ học tập theo yêu cầu của giáo viên.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><b>1. Khởi động, kết nối (5 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Tạo không khí thoải mái khi bước vào tiết học, kết nối vào bài học mới.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP quan sát.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p>- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm.</p> <p>- GV chiếu hình ảnh lên:</p>  <p>- GV hỏi:</p> <p>+ Băng giấy được chia thành mấy phần bằng nhau?</p> <p>+ Nêu phân số biểu thị phần tô màu đỏ ?</p> <p>+ Nêu phân số biểu thị phần tô màu xanh ?</p> <p>+ Vây đã tô màu mấy phần băng giấy ?</p> <p>- GV nêu: Phép tính: <math>\frac{3}{8} + \frac{1}{8} = ?</math></p> <p>- GV hỏi: Ta đã dựa vào hình vẽ để tính tổng các phân số, nếu không dựa vào hình ảnh trực quan thì ta cộng hai phân số thế nào?</p> <p>- GV giới thiệu bài mới: Muốn biết được ta sẽ cộng hai phân số thế nào để cho kết quả nhanh nhất thì cô trò mình cùng nhau tìm hiểu qua <b>bài 68: Cộng hai phân số</b></p>	<p>Các nhóm thực hiện theo các yêu cầu sau:</p> <p>- HS quan sát hình ảnh.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ 8 phần</p> <p>+ Phân số: <math>\frac{3}{8}</math></p> <p>+ Phân số: <math>\frac{1}{8}</math></p> <p>+ Đã tô màu <math>\frac{4}{8}</math> băng giấy.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>

<b>cùng mẫu số (Tiết 1)</b>	
<b>2. Khám phá kiến thức (7 phút)</b>	
<p><b>a. Mục tiêu:</b> Hình thành quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu số</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP vấn đáp</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p>- GV hỏi: Em có nhận xét gì về mẫu số của hai phân số trên?</p> <p>- GV hướng dẫn HS thực hiện phép tính:</p> $\frac{3}{8} + \frac{1}{8} = \frac{3+1}{8} = \frac{4}{8} = \frac{1}{2}$ <p>- GV nói: Muốn cộng hai phân số cùng mẫu số, ta cộng hai tử số với nhau và giữ nguyên mẫu số.</p>	<p>- HS trả lời: Hai phân số có cùng mẫu số.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS nhắc lại quy tắc.</p>
<b>3. Hoạt động (18 phút)</b>	
<p><b>a. Mục tiêu:</b> HS nhận biết cách cộng hai phân số cùng mẫu số.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP thực hành – luyện tập, PP vấn đáp</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<b>Bài 1: (Phần thực hành)</b>	
<p> <b>Tính.</b></p> <p>a) <math>\frac{1}{10} + \frac{3}{10}</math>      b) <math>\frac{5}{12} + \frac{1}{12}</math>      c) <math>\frac{3}{2} + \frac{1}{2}</math></p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài vào vở.</p> <p>- GV quan sát, giúp đỡ HS.</p> <p>- GV chiếu bài HS, yêu cầu các bạn quan sát nhận xét.</p> <p>- GV chiếu kết quả cho HS đối chiếu.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS.</p>	<p>- HS thực hiện.</p> <p>a) <math>\frac{1}{10} + \frac{3}{10} = \frac{4}{10} = \frac{2}{5}</math></p> <p>b) <math>\frac{5}{12} + \frac{1}{12} = \frac{6}{12} = \frac{1}{2}</math></p> <p>c) <math>\frac{3}{2} + \frac{1}{2} = \frac{4}{2} = \frac{2}{1} = 2</math></p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<b>Bài 1: (Phần luyện tập)</b>	
<p> <b>Viết các số hạng là số tự nhiên dưới dạng phân số rồi tính.</b></p> <p>a) <math>\frac{1}{3} + 1</math>      b) <math>\frac{2}{5} + 2</math>      c) <math>7 + \frac{1}{2}</math></p> <p>- GV yêu cầu 3 HS lên bảng trình bày các bạn còn lại làm vào vở.</p> <p>- GV quan sát, giúp đỡ HS.</p>	<p>- HS thực hiện:</p> <p>a) <math>\frac{1}{3} + 1 = \frac{1}{3} + \frac{3}{3} = \frac{4}{3}</math></p>

<p>- GV yêu cầu HS quan sát bài làm của bạn rồi nhận xét.</p> <p>- GV chiếu kết quả cho HS đối chiếu.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS.</p> <p><b>Bài 2: Các biểu thức nào có giá trị bằng nhau?</b></p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát và nói các ý ở ô màu vàng với ô màu xanh lá để cho hai biểu thức có giá trị bằng nhau.</p> <p>- GV gợi ý HS có thể tính các giá trị các ô sau đó nói.</p> <p>- GV hỏi: Phép cộng của phân số có tính chất giao hoán và kết hợp không?</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc phần nhận xét trong SGK.</p>	<p>b) <math>\frac{2}{5} + 2 = \frac{2}{5} + \frac{10}{5} = \frac{12}{5}</math></p> <p>c) <math>7 + \frac{1}{2} = \frac{14}{2} + \frac{1}{2} = \frac{15}{2}</math></p> <p>- HS nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS nói: A-L; B-M; C-K.</p> <p>- HS trả lời: có ạ</p> <p>- HS đọc nhận xét:</p> <p>+ Phép cộng các phân số có tính chất giao hoán và kết hợp.</p> <p>+ Một phân số cộng với 0 bằng phân số đó.</p>
<p><b>4. Vận dụng, củng cố (5 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <p>- Củng cố lại kiến thức đã học cho HS.</p> <p>- Thư giãn sau tiết học.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP trò chơi học tập.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bước 1: Giới thiệu trò chơi</b></p> <p>- GV giới thiệu tên trò chơi “<b>Chiếc nón kì diệu</b>”.</p> <p><b>Bước 2: Hướng dẫn chơi</b></p> <p>- Phương tiện: Chiếc nón chia thành 5 phần (ô) như sau:</p> <p>+ Ô thứ nhất: <math>\frac{5}{8} + \frac{2}{8} = ?</math></p> <p>+ Ô thứ hai: Bạn bị mất lượt chơi.</p> <p>+ Ô thứ ba: Phần thưởng <math>\times 2</math>.</p> <p>+ Ô thứ tư: Nêu quy tắc cộng 2 phân số</p>	<p>- HS thực hiện.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ ) <math>\frac{5}{8} + \frac{2}{8} = \frac{7}{8}</math></p> <p>+ ) Muốn cộng hai phân số cùng mẫu số, ta cộng hai tử số với nhau và giữ nguyên mẫu số.</p>

<p>cùng mẫu số.</p> <p>+ Ô thứ năm: <math>\frac{1}{12} + \frac{3}{12} + \frac{8}{12} = \dots</math></p> <p>- Cách chơi: HS lần lượt lên quay nón, kim chỉ dừng ở ô nào thì HS phải trả lời câu đó. Mỗi người tham gia chỉ được quay một. Mỗi người chơi có 20 giây để đưa ra câu trả lời.</p> <p><b>Bước 3: Thực hiện trò chơi</b></p> <p>- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi.</p> <p>- GV quan sát, hướng dẫn HS.</p> <p><b>Bước 4: Tổng kết trò chơi</b></p> <p>- GV nhận xét trò chơi.</p> <p>- GV dặn dò HS về làm bài tập và chuẩn bị bài mới.</p>	<p>+)<math display="block">\frac{1}{12} + \frac{3}{12} + \frac{8}{12} = \frac{12}{12} = 1</math></p> <p>- HS thực hiện.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
---	--

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

.....

**Phân tích một số năng lực được phát triển trong quá trình tổ chức dạy học bài *Cộng hai phân số cùng mẫu số (Tiết 1)* cho học sinh.**

<p>Năng lực giao tiếp toán học</p>	<p>Tự tin hơn trong việc trao đổi ý kiến của bản thân ở phần thảo luận nhóm, phần trò chơi học tập. Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề.</p>
<p>Năng lực mô hình hoá toán học</p>	<p>Lựa chọn được các phép toán để diễn đạt được các nội dung, ý tưởng của tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn đơn giản: Qua các ô vuông được tô màu học sinh có thể hình thành nên phép cộng hai phân số cùng mẫu số. Từ đó học sinh dễ dàng hơn trong việc hình thành kiến thức của mình.</p>

### 2.3.2. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 4 thuộc mạch kiến thức *Hình học và đo lường*

**Bảng 2.2. Danh mục KHBD môn Toán lớp 4 thuộc mạch kiến thức *Hình học và đo lường***

STT	Tuần	Bài	Tiết	Tên bài	Bộ sách
1	4	8	1	Góc nhọn, góc tù, góc bẹt	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	5	14	1	Yến, tạ, tấn	Cánh diều
3	10	20	1	Thực hành và trải nghiệm sử dụng một số đơn vị đo đại lượng	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	14	29	1	Hai đường thẳng song song	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	14	33	1	Em làm được những gì	Chân trời sáng tạo
6	23	65	1	Hình bình hành	Cánh diều
7	25	57	1	Mi-li-mét vuông	Chân trời sáng tạo

## KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TOÁN 4

### Tuần 4 – Bài 8: Góc nhọn, góc tù, góc bẹt (Tiết 1)

(Bộ sách: *Kết nối tri thức với cuộc sống*)

#### I. Yêu cầu cần đạt

Sau khi bài học này, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:

##### 1. Kiến thức, kĩ năng

- Làm quen và nhận biết được góc nhọn, góc tù và góc bẹt.
- Giải quyết được một số bài toán, tính huống liên quan đến góc nhọn, góc tù và góc bẹt.

##### 2. Phẩm chất, năng lực

- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.
- Góp phần phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC


##### 1. Giáo viên


- Các hình phóng to như trong SGK
- Chuẩn bị mặt đồng hồ 2 kim bằng gỗ, nhựa hoặc giấy bìa, cái quạt nan, thước gấp hoặc compa để minh họa cho các góc.

## 2. Học sinh

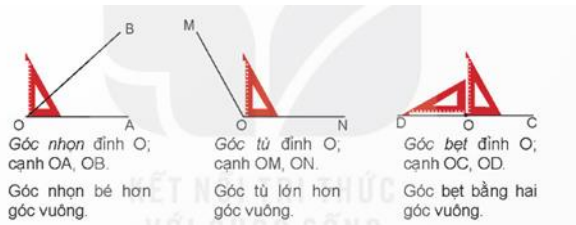
- Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><b>1. Khởi động và kết nối (3 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</li> <li>- Ôn tập kiến thức về đo góc, đơn vị góc.</li> </ul> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP vấn đáp.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p>- GV tổ chức kiểm tra bài cũ HS bằng các câu hỏi sau.</p> <p>+ Câu 1: Hình dưới đây có mấy góc vuông?</p> <div style="text-align: center;">  </div> <p>+ Câu 2: Nêu cách kiểm tra góc vuông hay góc không vuông?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới: Ở lớp 3 các em đã được biết về góc vuông và góc không vuông. Mỗi góc không vuông có tên gọi như</p>	<p>- HS thực hiện yêu cầu.</p> <p>+ Có 3 góc vuông</p> <p>+ Đặt đỉnh góc vuông của thước trùng với đỉnh của góc cần đo và một cạnh góc vuông của thước trùng với cạnh góc cần đo. Nếu:</p> <p>+ Nếu cạnh góc vuông của thước trùng với cạnh còn lại của góc cần đo thì đó là góc vuông.</p> <p>+ Nếu cạnh góc vuông của thước không trùng với cạnh còn lại của góc cần đo thì đó là góc không vuông.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>

<p>thê nào? Ngày hôm nay cô sẽ cùng các em tìm hiểu qua <b>bài 8: Góc nhọn, góc tù, góc bẹt (Tiết 1)</b>.</p> <p>- GV ghi bảng.</p>	
<p><b>2. Khám phá kiến thức (12 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Làm quen và nhận biết được góc nhọn, góc tù, góc bẹt.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP Quan sát, PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, KT chia nhóm.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p>- GV giới thiệu tình huống: Bạn Rô bốt xếp hoặc mở thước gấp để làm góc nhọn, góc tù và góc bẹt.</p>  <p>- GV hướng dẫn HS làm các thao tác đó trên những đồ dùng đã chuẩn bị trước.</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi về đặc điểm của từng góc so với góc vuông</p> <p>- Qua hoạt động vừa rồi, HS nhận biết được góc nhọn, góc tù và góc bẹt qua quan sát.</p> <p>* Với các góc gần bằng góc vuông hoặc gần bằng góc bẹt thì ta phải dụng eke để phân biệt.</p>	<p>- HS quan sát.</p> <p>- HS làm trên quạt nan hoặc thước gấp...</p> <p>- HS thảo luận nhóm và nêu ý kiến về góc tù, góc nhọn, góc bẹt</p> <p>- HS kết luận:</p> <p>+ Góc nhọn: bé hơn góc vuông.</p> <p>+ Góc tù: lớn hơn góc vuông.</p> <p>+ Góc bẹt: bằng hai góc vuông.</p>





- GV cho HS sử dụng eke hướng dẫn HS cách nhận biết góc nhọn, góc tù, góc bẹt.

- Sau đó GV cho HS nhận xét về số đo của góc nhọn, góc tù, góc bẹt với góc vuông qua việc sử dụng thước đo độ.

- GV củng cố, nhận xét đưa ra kết luận về góc nhọn, góc tù, góc bẹt: Như vậy trong số các góc không vuông mà các em được học ở lớp 3, người ta gọi tên là các góc nhọn, góc tù, góc bẹt mà cô vừa giới thiệu với cả lớp mình.

- HS thực hành:

Đặt đỉnh góc vuông của thước trùng với đỉnh của góc cần đo; một cạnh góc vuông của thước với một cạnh của của góc cần đo. Nếu:

+ Cạnh còn lại của góc cần đo nằm ngoài hai cạnh góc vuông của thước thì đó là góc tù.

+ Cạnh còn lại của góc cần đo nằm giữa hai cạnh góc vuông của thước thì đó là góc nhọn.

+ Cạnh còn lại trùng với cạnh đáy của thước thì đó là góc bẹt.

- HS lắng nghe.

### 3. Hoạt động (15 phút)

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được góc nhọn, góc tù, góc bẹt trong các vật dụng thực tế.

**b. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:** PP thảo luận nhóm, PP vấn đáp, PP quan sát, KT đặt câu hỏi, KT chia nhóm.

**c. Cách tiến hành:**

<p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc đề bài 1.</li> <li>- GV yêu cầu HS gọi tên góc; nhận biết các góc nhọn, góc tù và góc bẹt và viết câu trả lời vào vở.</li>   <li>- GV nhận xét, tuyên dương.</li> <li>- GV củng cố lại cho HS cách nhận biết về góc nhọn, góc tù, góc bẹt.</li> <li>- GV hỏi: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tại sao góc MON là góc nhọn?</li>   <li>+ Vậy để biết góc đó là góc nhọn, góc tù hay góc bẹt em làm như thế nào?</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Bài 2: Xác định góc nhọn, góc tù được tạo bởi hai lưỡi kéo.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS dùng e ke để nhận biết được hình nào có hai lưỡi kéo tạo thành góc nhọn, góc tù.</li>   <li>- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân sau đó thảo luận nhóm đôi trả lời.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc đề bài 1.</li> <li>- HS thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Góc nhọn đỉnh O; cạnh OM, ON</li> <li>+ Góc tù đỉnh B; cạnh BP, BQ</li> <li>+ Góc vuông đỉnh C; cạnh CI, CK</li> <li>+ Góc bẹt đỉnh E; cạnh EX, EY</li> <li>+ Góc nhọn đỉnh D; cạnh DU, DV</li> <li>+ Góc tù đỉnh A; cạnh AG, AH</li> </ul> </li> <li>- HS lắng nghe.</li>   <li>- HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ vì em kiểm tra bằng êke thấy góc MON bé hơn góc vuông của êke nên góc MON là góc nhọn.</li> <li>+ dùng eke để kiểm tra ạ.</li> </ul> </li>   <li>- HS thực hành rồi báo cáo kết quả.</li> <li>- HS trình bày. <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kéo màu xanh có hai lưỡi kéo tạo thành góc nhọn.</li> <li>+ Kéo màu đỏ có hai lưỡi kéo tạo thành góc tù.</li> </ul> </li> </ul>
--	--

+ Vì sao em xác định kéo màu xanh có lưỡi kéo là góc nhọn?

+ Vì sao em xác định kéo màu đỏ có lưỡi kéo là góc tù?

- Các em ạ! Trong toán học để kiểm tra các góc: góc nhọn, góc tù, góc bẹt ta phải dùng ê-ke. Xong nhiều khi cũng có thể bằng trực giác của mình chúng ta cũng phân biệt được các loại góc trên đúng không nào.

- GV nhận xét, tuyên dương.

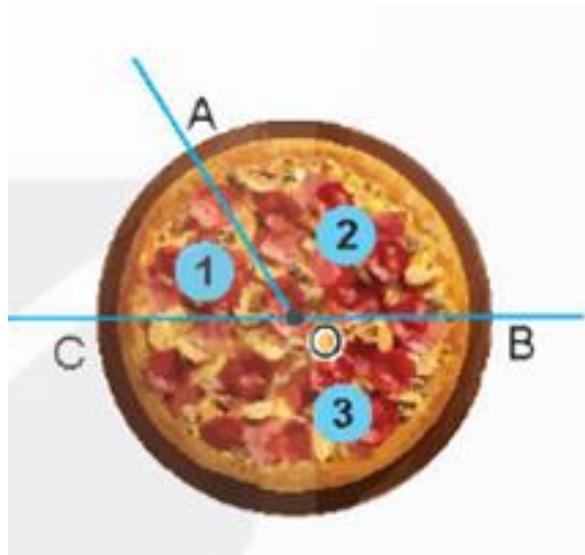
### **Bài 3: Nhận diện góc nhọn, góc tù, góc bẹt trong tình huống thực tế.**

- GV cho HS làm theo nhóm.

- GV nêu yêu cầu để HS thảo luận nhóm:

+ Học sinh đọc đề bài và gọi tên các góc trên miếng bánh.

+ HS nhận diện góc nhọn, góc tù, góc bẹt.



- GV yêu cầu các nhóm trình bày, trao đổi và phản biện lẫn nhau

- GV đặt câu hỏi:

+ Vì sao em chọn miếng bánh thứ hai là miếng bánh của bạn An đã chọn?

- HS trả lời: em sử dụng ê-ke để đo ạ.

- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe.





- Các nhóm làm việc theo phân công.

+ Miếng bánh 1 (góc số 1) là góc nhọn đỉnh O; cạnh OA, OC

+ Miếng bánh 2 (góc số 2) là góc tù đỉnh O; cạnh OA, OB

+ Miếng bánh 3 (góc số 3) là góc bẹt đỉnh O; cạnh OC, OB

- HS trả lời : miếng bánh mà bạn An chọn là miếng bánh thứ 2. Vì miếng bánh của An chọn không phải là miếng bánh bé nhất mà miếng bánh thứ nhất là

<p>- GV hỏi: Em có tự tin vào câu trả lời của mình không?</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.</p>	<p>góc nhọn nên bạn An không chọn. Và miếng bánh thứ ba là góc bẹt nên bạn An không chọn. Vậy miếng bánh thứ 2 là miếng bánh còn lại nên bạn An chọn ạ.</p> <p>- HS: Có ạ.</p> <p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>
<p><b>4. Vận dụng, củng cố (5 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Củng cố những kiến thức về góc nhọn, góc tù, góc bẹt đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</li> <li>- Vận dụng kiến thức về góc nhọn, góc tù, góc bẹt đã học vào thực tiễn.</li> <li>- Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.</li> </ul> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP quan sát.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p>- GV tổ chức cho HS quan sát các hình ảnh đồng hồ trên màn hình và yêu cầu HS gọi tên các góc mà kim giờ và kim phút tạo thành.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  <p>1)</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>2)</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>3)</p> </div> <div style="text-align: center;">  <p>4)</p> </div> </div> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- HS quan sát rồi trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hình 1 là góc tù</li> <li>+ Hình 2 là góc vuông</li> <li>+ Hình 3 là góc bẹt</li> <li>+ Hình 4 là góc nhọn</li> </ul> <p>- HS lắng nghe.</p>

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

.....

**Phân tích một số năng lực được phát triển trong quá trình tổ chức bài học Góc nhọn, góc tù, góc bẹt (Tiết 1) cho học sinh.**

Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học	Thông qua hoạt động <i>Khám phá</i> , học sinh sử dụng các vật dụng chuẩn bị trước để tạo các góc theo yêu cầu của giáo viên, từ đó học sinh sử dụng được phương tiện học toán để giải quyết nhiệm vụ học đơn giản.
Năng lực mô hình hóa toán học	Qua việc giáo viên sử dụng thanh nan quạt để tạo góc cho học sinh hình dung ra các góc nhọn, góc tù, góc bẹt.
Năng lực tư duy và lập luận toán học	Học sinh xử lý được những câu hỏi mà giáo viên đưa ra bằng những lập luận thuyết phục. Qua phần <i>Vận dụng, củng cố</i> học sinh có thể áp dụng ngay kiến thức vừa học để nhận ra các góc mà kim giờ và kim phút tạo thành ở các đồng hồ mà giáo viên đưa ra.

## KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN 4

### Tuần 5 – Bài 14: Yến, tạ, tấn

(Bộ sách: Cánh diều)

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau khi bài học này, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:

##### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Nhận biết được các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn.
- Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo khối lượng.

##### 2. Phẩm chất, năng lực:

- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, nhân ái, trách nhiệm.
- Góp phần phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực giải quyết vấn đề.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

##### 1. Giáo viên


- Thẻ ghi các đơn vị đo khối lượng đã học, cân đồng hồ trên 10 kg, 1 túi gạo 10 kg.

## 2. Học sinh

- Tìm hiểu trước ở nhà thông tin về cân nặng của một số vật có khối lượng lớn (VD: cân nặng của một chiếc xe máy, cân nặng của một con bò...).

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><b>1. Khởi động và kết nối (3 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo cảm xúc vui tươi cho HS trước khi vào bài học mới.</li> <li>- Ôn tập kiến thức ước lượng đồ vật.</li> </ul> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP trò chơi học tập.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p>GV tổ chức cho HS trò chơi “<b>Ghép thẻ</b>”.</p> <p><b>Bước 1: Giới thiệu trò chơi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trò chơi mang tên “<b>Ghép thẻ</b>”.</li> <li>- Mục đích: HS quan sát ước lượng nhanh được khối lượng của các đồ vật.</li> </ul> <p><b>Bước 2: Hướng dẫn chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổ chức 2 đội chơi.</li> <li>+ Phương tiện, đồ dùng: Các thẻ in hình xe tải, xe máy, xe đạp và các thẻ in số 1000 kg, 100 kg, 10 kg.</li> <li>- Cách chơi: Ghép các đồ vật có khối lượng thích hợp với nó trong thời gian 30s.</li> <li>- Luật chơi: Mỗi thành viên tham gia chơi chỉ được ghép 1 lần.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Thực hiện trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ HS tham gia chơi.</li> <li>+ GV quan sát, giúp đỡ HS.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Tổng kết trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV công bố kết quả.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe.</li> <li>- HS lắng nghe cách chơi.</li> <li>- HS tham gia chơi: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xe ô tô – 1000 kg</li> <li>+ Xe máy – 100 kg</li> <li>+ Xe đạp – 10 kg</li> </ul> </li> <li>- HS lắng nghe kết quả.</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét trò chơi.</li> <li>- GV cho HS lên bảng thực hành cân túi gạo 10kg và một số đồ vật có trong lớp.</li> <li>- GV giới thiệu bài: Các em đã học đơn vị đo khối lượng là ki-lô-gam (kg) ở lớp 2. Để xác định cân nặng của các vật nặng hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn ki-lô-gam, người ta còn dùng các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn. Trong tiết toán hôm nay, các em sẽ học về ba đơn vị đo khối lượng này qua <b>bài 14: Yến, tạ, tấn</b></li> <li>- GV ghi bảng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện, đọc cho các bạn nghe kết quả mình đã cân được.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>						
<p><b>2. Khám phá kiến thức (12 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Nhận biết được đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP quan sát, PP vấn đáp, PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, KT chia nhóm.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>							
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS mở SGK trang 35, làm việc nhóm đôi: Quan sát tranh và đọc cho nhau nghe thông tin trong sách.</li> </ul> <div style="text-align: center; margin: 10px 0;">  </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin: 10px 0;"> <div style="text-align: center;"> <p>10 kg</p> <p>1 yến</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>100 kg</p> <p>1 tạ</p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>1 000 kg</p> <p>1 tấn</p> </div> </div> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV hỏi: Hãy kể tên các vật sử dụng đơn vị đo khối lượng là yến, tạ, tấn mà em biết. Thực hiện nhóm 4.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS: đọc 10 kg là 1 yến, 100 kg là 1 tạ, 1 000 kg là 1 tấn.</li> <li>Để đo khối lượng các vật nặng hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn ki-lô-gam, người ta còn dùng các đơn vị: yến, tạ, tấn.</li> </ul> <table border="1" style="width: 100%; margin: 10px 0;"> <tr> <td style="padding: 5px;">1 yến = 10 kg</td> <td style="padding: 5px;">1 tạ = 10 yến</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;">1 tạ = 100 kg</td> <td style="padding: 5px;">1 tấn = 10 tạ</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;">1 tấn = 1 000 kg</td> <td></td> </tr> </table> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện: Con chó nặng 1 yến, con heo nặng 1 tạ, con bò nặng 3 tạ, ô tô nặng 2 tấn...</li> </ul>	1 yến = 10 kg	1 tạ = 10 yến	1 tạ = 100 kg	1 tấn = 10 tạ	1 tấn = 1 000 kg	
1 yến = 10 kg	1 tạ = 10 yến						
1 tạ = 100 kg	1 tấn = 10 tạ						
1 tấn = 1 000 kg							

<p>- GV yêu cầu HS đọc và nhận xét bảng con của một số HS.</p> <p>- GV cho HS tự đổ nhau trả lời các câu hỏi về các đơn vị đo khối lượng yến, tạ, tấn.</p> <p>- GV nhận xét:</p> <p>+ Trong các đơn vị đo khối lượng Tấn, tạ, yến, kg . Đơn vị đo nào lớn nhất, đơn vị đo nào nhỏ nhất?</p> <p>+ Em có nhận xét gì về các đơn vị đo khối lượng theo thứ tự từ lớn đến bé ? Tấn, tạ, yến, kg.</p> <p>*Chốt: Em đã biết những đơn vị đo khối lượng nào ?</p> <p>- <b>GV kết luận:</b> Yến, tạ, tấn là đơn vị đo khối lượng. Người ta dùng để cân các vật nặng hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn ki-lô-gam.</p>	<p>- HS đọc và nhận xét. (bạn viết đúng/sai)</p> <p>- 1 HS điều khiển, cả lớp cùng chơi</p> <p>1 yến=...kg            1 tạ=...kg</p> <p>10 kg=...yến        100 kg=... tạ</p> <p>1 tạ=...yến            1 tấn=...kg</p> <p>10 yến=...tạ        1000 kg=...tấn</p> <p>1 tấn=... tạ</p> <p>10 tạ=...tấn</p> <p>- HS lắng nghe và trả lời:</p> <p>+ Tấn lớn nhất, kg nhỏ nhất.</p> <p>+ Hai đơn vị đứng liền nhau hơn kém nhau 10 lần.</p> <p>+ kg, yến, tạ, tấn.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p><b>3. Hoạt động (15 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> HS vận dụng cách đổi đại lượng vào giải các bài toán</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP thảo luận nhóm, PP vấn đáp, PP trò chơi học tập, KT đặt câu hỏi, KT chia nhóm.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 1.</b></p> <p>- GV gọi HS đọc đề bài 1.</p> <p>- GV dán hình ảnh các con vật lên trên bảng.</p> <p>- GV yêu cầu HS lên bảng dán các thẻ ghi cân nặng tương ứng.</p>	<p>- HS đọc đề.</p> <p>- HS quan sát.</p> <p>- HS thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>● Con mèo cân nặng 2 kg</li> <li>● Con chó cân nặng 1 yến.</li> </ul>



<p>- GV nhận xét kết quả, tuyên dương. *Chốt: Bài tập 1 giúp em biết điều gì?</p> <p><b>Bài 2:</b></p> <p>a) Số?</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận với bạn cùng bàn sau đó làm vào vở. - GV quan sát, hướng dẫn HS. - GV mời đại diện các bàn trình bày kết quả thảo luận. - GV nhận xét, tuyên dương HS. *Chốt: Em dựa vào kiến thức nào đã học để làm Bài 2a ?</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc Bài 2b. - GV quan sát, theo dõi giúp đỡ HS, chấm vở một số HS.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương. *Chốt: Khi thực hiện các phép tính có kèm theo đơn vị đo khối lượng, em cần lưu ý điều gì?</p> <p><b>Bài 3.</b></p> <p>- GV gọi HS đọc bài 3. - GV yêu cầu HS chia sẻ ý a trước lớp.</p> <p>- GV hỏi:</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Con voi cân nặng 5 tấn.</li> <li>• Con hươu cao cổ cân nặng 9 tạ.</li> </ul> <p>- Em biết ước lượng khối lượng của các con vật.</p> <p>- HS thực hiện: + 1 yến = 10 kg; 2 tạ = 200 kg; 8 yến = 80 kg; 5 tấn = 5000 kg; 1 tấn = 10 tạ; 1 tấn = 100 yến; 20 yến = 2 tạ; 30 tạ = 3 tấn; 40 kg = 4 yến; 600kg = 6 tạ; 7000 kg = 7 tấn; 100 tạ = 10 tấn.</p> <p>- HS trả lời: Em dựa vào mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng tấn, tạ, yến, kg.</p> <p>- HS đọc.</p> <p>- HS làm bài: + 1 358 tấn + 416 tấn = 1 774 tấn + 7 850 yến – 1 940 yến = 5 910 yến + 416 tạ × 4 = 1 664 tạ + 8 472 tấn ÷ 6 = 1 412 tấn</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS trả lời: Thực hiện tính vào vở nháp, viết đơn vị đo khối lượng vào kết quả.</p> <p>- HS đọc</p> <p>- HS chia sẻ: + 1 tấn = 10 tạ                   = 1000 kg + 1 tạ = 10 yến                   = 100 kg + 1 yến = 10 kg + 1 kg</p> <p>- HS trả lời:</p>
--	---

<p>+ Em có nhận xét gì về các đơn vị đo khối lượng: tấn, tạ, yến, kg ?</p> <p>- GV yêu cầu HS chia sẻ ý b trước lớp.</p> <p>- GV yêu cầu HS nêu cách làm.</p>   <p>*Chốt: Bài tập 3 giúp em biết thêm điều gì?</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương.</p>	<p>+ Hai đơn vị đứng gần nhau hơn kém nhau 10 lần.</p> <p>- HS chia sẻ:</p> <table border="1" data-bbox="884 318 1428 542"> <tbody> <tr> <td>1 yến 8 kg = 18 kg</td> <td>1 tấn 25kg = 1025kg</td> </tr> <tr> <td>4 tạ 2kg = 402 kg</td> <td>7 tấn 450kg = 7450 kg</td> </tr> </tbody> </table> <p>- HS nêu cách làm:</p> <p>+ 1 yến 8 kg = 10 kg + 8 kg = 18 kg</p> <p>+ 4 tạ 2 kg = 400 kg + 2 kg = 402 kg</p> <p>+ 1 tấn 25 kg = 1 000 kg + 25 kg = 1 025 kg</p> <p>+ 7 tấn 450 kg = 7000 kg + 450 kg = 7 450 kg</p> <p>- HS trả lời: Đổi 2 đơn vị đo khối lượng về cùng 1 đơn vị đo khối lượng.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>	1 yến 8 kg = 18 kg	1 tấn 25kg = 1025kg	4 tạ 2kg = 402 kg	7 tấn 450kg = 7450 kg
1 yến 8 kg = 18 kg	1 tấn 25kg = 1025kg				
4 tạ 2kg = 402 kg	7 tấn 450kg = 7450 kg				
<p><b>4. Vận dụng, củng cố (5 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> HS vận dụng các kiến thức đã học vào làm bài toán thực tế.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP trò chơi học tập</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>					
<p>GV tổ chức cho HS trò chơi: “<b>Ai nhanh, ai đúng</b>”.</p> <p><b>Bước 1: Giới thiệu trò chơi</b></p> <p>- GV giới thiệu tên trò chơi “ <b>Ai nhanh, ai đúng</b>”.</p> <p>- Mục đích: HS củng cố lại kiến thức đã học, xử lí các tình huống nhan phát triển tư duy toán học.</p> <p><b>Bước 2: Hướng dẫn chơi</b></p> <p>- Cách chơi: GV ghi lên bảng các câu sau, HS lần lượt giơ tay để phát biểu.</p>	<p>- HS thực hiện.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>   <p>- HS lắng nghe cách chơi và luật chơi.</p>				

<p>1 yên = ...kg  1 tấn =.... kg  40 kg = .. yên  2 tạ = .... kg  1 tấn =... yên  600 kg = .... tạ</p> <p>- Luật chơi:  + Ai nhanh tay nhất sẽ được gọi trả lời.  + Nếu được gọi mà trả lời đúng sẽ có quà, còn trả lời sai sẽ nhường quyền chơi cho bạn khác. Mỗi học sinh cho 15 giây để suy nghĩ trả lời.</p> <p><b>Bước 3: Thực hiện trò chơi:</b>  + GV tổ chức cho HS tham gia chơi.  + GV quan sát, hỗ trợ HS.</p> <p><b>Bước 4: Tổng kết trò chơi</b>  - GV nhận xét trò chơi.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.</p>	<p>- HS trả lời:  + 1 yên = 10 kg  + 1 tấn = 1000 kg  + 40 kg = 4 yên  + 2 tạ = 20 kg  + 1 tấn = 1000 kg  + 600 kg= 6 tạ  - HS lắng nghe.</p>
--	---

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....  
.....  
.....

**Phân tích một số năng lực được phát triển trong quá trình tổ chức bài học Yên, tạ, tấn (Tiết 1) cho học sinh.**

Năng lực tư duy và lập luận toán học	Thông qua hoạt động <i>Khám phá</i> , đề trả lời các câu hỏi gắn với thực tiễn của giáo viên, học sinh đã có bước phân tích, tổng hợp tìm ra câu trả lời, giúp học sinh có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.
Năng lực giải quyết vấn đề toán học	Qua phân <i>Hoạt động</i> học sinh giải quyết các câu hỏi mà giáo viên đưa ra sau đó lĩnh hội kiến thức so sánh đại

	lượng đề ứng dụng vào xử lí các yêu cầu mà giáo viên đưa ra.
Năng lực giao tiếp toán học	Thông qua việc trình bày kết quả thực hiện được khi so sánh các vật hay dự đoán cân nặng các con vật qua câu hỏi của giáo viên. Học sinh có cơ hội phát triển năng lực giao tiếp toán học.

## KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN 4

### Tuần 10 – Bài 20: Thực hành và trải nghiệm một số đơn vị đo đại lượng (Tiết 1)

*(Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống)*

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau khi học bài này, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:

##### 1. Kiến thức, kĩ năng

- Nhận biết cách chuyển đổi các đơn vị đo khối lượng, diện tích và thời gian trong các tình huống thực tế.
- Ước lượng và tính diện tích của bề mặt một số đồ vật trong thực tế.

##### 2. Phẩm chất, năng lực

- Rèn luyện phẩm chất trung thực, trách nhiệm
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

##### 1. Giáo viên:

- Các lá thăm, tranh ảnh trên slie


##### 2. Học sinh:

- Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<b>1. Khởi động và kết nối (5 phút)</b> <b>a. Mục tiêu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</li> <li>- Ôn tập kiến thức về giây, thế kỉ.</li> </ul> <b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP trò chơi học tập.	

<b>c. Cách tiến hành:</b>	
<p><b>Bước 1: Giới thiệu trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giới thiệu tên trò chơi: “ <b>Lá thăm may mắn</b>”.</li> <li>- Mục đích: Kiểm tra kiến thức bài trước qua các lá thăm để HS tăng thêm hứng thú học bài.</li> </ul> <p><b>Bước 2: Hướng dẫn chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cả lớp.</li> <li>- Phương tiện: Hộp kín chứa các lá thăm có câu hỏi như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Câu 1: 6 ngày = ? giờ</i></li> <li>+ <i>Câu 2: 3 tuần = ? ngày</i></li> <li>+ <i>Câu 3: Phần thưởng</i></li> <li>+ <i>Câu 4: 5 giờ 15 phút = ? phút</i></li> <li>+ <i>Câu 5: 42 ngày = ? tuần</i></li> <li>+ <i>Câu 6: Phần thưởng</i></li> </ul> </li> <li>- Cách chơi: GV sẽ bật một đoạn nhạc bất kì và hộp thăm sẽ truyền từ bàn này qua bàn khác. Sau đó khi GV dừng nhạc đúng chỗ bạn nào bạn đó sẽ được quyền bốc thăm để trả lời: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nếu bốc vào lá thăm chứa câu hỏi, HS sẽ phải trả lời đúng mới được nhận quà.</li> <li>+ Nếu bốc vào lá thăm may mắn HS sẽ nhận được quà luôn.</li> </ul> </li> </ul> <p><b>Bước 3: Thực hiện trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS tham gia chơi.</li> <li>- GV quan sát, hướng dẫn HS chơi.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Tổng kết trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét trò chơi, rút ra bài học.</li> <li>- GV nhận xét, tuyên dương.</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe.</li> <li>- HS lắng nghe cách chơi và luật chơi.</li> <li>- HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Câu 1: 144 giờ</li> <li>+ Câu 2: 21 ngày</li> <li>+ Câu 4: 315 phút</li> <li>+ Câu 5: 6 tuần</li> </ul> </li> <li>- HS thực hiện chơi</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>
<b>2. Hoạt động (15 phút)</b>	

<p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết cách chuyển đổi các đơn vị đo khối lượng, diện tích và thời gian trong các tình huống thực tế.</li> <li>- Ước lượng và tính diện tích của bề mặt một số đồ vật trong thực tế.</li> </ul> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP thảo luận nhóm, PP vấn đáp, PP quan sát, KT chia nhóm, KT đặt câu hỏi.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giới thiệu về các vật liệu dùng để làm các lớp lọc trong chai lọc nước xuất hiện trong bài.</li> <li>- GV chia nhóm, yêu cầu HS quan sát, thảo luận đọc số đo cân nặng của mỗi hộp vật liệu theo ki – lô – gam.</li> </ul>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, tuyên dương.</li> <li>- Lưu ý: GV có thể chiếu video về cách sử dụng cân đồng hồ hoặc minh họa bằng cân đồng hồ thật. Khi minh họa, GV chọn những vật có cân nặng trên 1 yến như chồng sách, cặp sách đựng đầy sách vở,...</li> </ul> <p><b>Bài 2: Chọn câu trả lời đúng.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chia nhóm 2.</li> <li>- GV gọi các nhóm nhận xét.</li> <li>- GV nhận xét, tuyên dương.</li> </ul> <p><b>Bài 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS đọc và nêu yêu cầu của đề bài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát và lắng nghe.</li> <li>- HS làm việc theo yêu cầu.</li> <li>- Trả lời: <ul style="list-style-type: none"> <li>a. C. 5 yến</li> <li>b. Không, lớn hơn 1 tạ</li> </ul> </li> <li>- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.</li> <li>- Các nhóm làm việc theo phân công.</li> <li>- Chia sẻ kết quả trước lớp.</li> <li>C. 9 dm<sup>2</sup></li> <li>- Đại diện các nhóm nhận xét.</li> <li>- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.</li> <li>- HS làm việc theo yêu cầu.</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho HS làm cá nhân và trình bày bài vào vở.</li> <li>- GV mời HS chia sẻ kết quả.</li> <li>- GV nhận xét chung, tuyên dương.</li> <li>- GV có thể cho HS thực hành bằng cách tập căn giờ với đồng hồ bấm giờ, chẳng hạn yêu cầu HS bấm đúng 20 giây hoặc 30 giây. Với hoạt động này HS có thể thực hành theo nhóm để tự điều chỉnh và đánh giá kết quả của nhau.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS làm bài cá nhân và trình bày bài vào vở.</li> <li>- HS trả lời: Chai C: 3 phút 50 giây.</li> <li>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</li> </ul>
<p><b>3. Vận dụng, củng cố (15 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</li> <li>- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</li> <li>- Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyện sau khi học sinh bài học.</li> </ul> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP hợp tác, KT chia nhóm, KT đặt câu hỏi.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 4:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời HS nêu yêu cầu của bài.</li> <li>- GV yêu cầu HS quan sát lại hình ảnh ở bài tập 2 và trả lời câu hỏi:</li> <li>+ Có những nguyên liệu nào được sử dụng để lọc nước?</li> <li>+ Thứ tự của các nguyên liệu đó được sắp xếp như thế nào?</li> <li>- GV chia lớp thành các nhóm 4 thực hành làm bình lọc nước.</li> <li>- GV quan sát, hướng dẫn HS.</li> <li>- Sau khi HS làm xong bình lọc nước, GV yêu cầu HS thử lọc 100ml nước và bấm giờ xem hết bao nhiêu giây.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc yêu cầu.</li> <li>- HS thực hiện.</li> <li>+ Có những nguyên liệu sau sử dụng để lọc nước: Cát mịn, than hoạt tính, sỏi, cát hạt lớn.</li> <li>+ Thứ tự các nguyên liệu được sắp xếp như sau: Cát mịn, sỏi, than hoạt tính, cát hạt lớn.</li> <li>- HS thực hành.</li> <li>- HS thực hiện.</li> </ul>

- GV nhận xét, tuyên dương HS.	
--------------------------------	--

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....  
 .....  
 .....

**Phân tích một số năng lực được phát triển trong quá trình tổ chức bài học *Thực hành và trải nghiệm một số đơn vị đo đại lượng (Tiết 1)* cho học sinh.**

Năng lực giao tiếp toán học	Thông qua hoạt động <i>Khởi động</i> , học sinh tham gia trò chơi “ Lá thăm may mắn” học sinh quy đổi đúng đơn vị thời gian, nêu và lập luận được những câu hỏi có vấn đề.
Năng lực giải quyết vấn đề toán học	Thông qua hoạt động <i>Vận dụng, củng cố</i> học sinh được thực hành làm chai lọc nước biết quan sát tranh trong sách và nhận biết được lớp nguyên liệu nào được sử dụng đầu tiên. Từ đó giải quyết được vấn đề mà bài toán đưa ra.

### KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN 4

#### Tuần 14 – Bài 29: Hai đường thẳng song song (Tiết 1 )

(Bộ sách: *Kết nối tri thức với cuộc sống*)

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau khi học bài này, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:

##### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết được 2 đường thẳng song song.
- Vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

##### 2. Phẩm chất, năng lực:

- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm
- Góp phần phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp toán học

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC



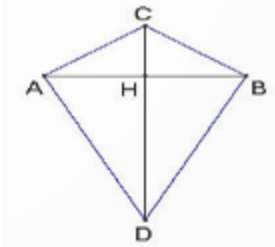
## 1. Giáo viên

- Các hình ảnh trực quan về hai đường thẳng song song

## 2. Học sinh

- Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<b>1. Khởi động và kết nối (3 phút)</b>	
<b>a. Mục tiêu:</b>	
- Tạo không khí thoải mái trước khi vào tiết học.	
- Ôn tập kiến thức về hai đường thẳng vuông góc.	
<b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP vấn đáp	
<b>c. Cách tiến hành:</b>	
<p>- GV tổ chức cho HS quan sát hình sau và trả lời câu hỏi để khởi động bài học.</p>  <p>+ Câu 1: Cạnh CD vuông góc với cạnh nào?</p> <p>+ Câu 2: Các góc ở đỉnh H là góc gì?</p> <p>+ Câu 3: Chúng ta dùng cái gì để kiểm tra hai đường thẳng vuông góc với nhau?</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới: Hôm nay cô trò mình sẽ cùng nhau đi tìm hiểu về một tính chất nữa của hai đường thẳng qua <b>bài 29: Hai đường thẳng song song (Tiết 1)</b>.</p>	<p>- HS thực hiện</p> <p>- HS quan sát hình và trả lời:</p> <p>+ Câu 1: Cạnh CD vuông góc với cạnh AB.</p> <p>+ Câu 2: Góc vuông.</p> <p>+ Câu 3: Ê ke.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<b>2. Khám phá kiến thức (12 phút)</b>	
<b>a. Mục tiêu:</b> Nhận biết được hai đường thẳng song song.	
<b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP quan sát, PP vấn đáp.	
<b>c. Cách tiến hành:</b>	

- GV giới thiệu tình huống:

Mai nói với Nam: Hai đường thẳng màu đỏ hình như không bao giờ cắt nhau.



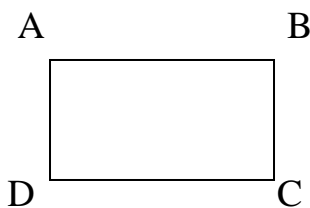
- GV hỏi: Hai đường thẳng màu đỏ mà Mai nói là hai đường thẳng nào?

- GV gọi HS lên chỉ hai đường thẳng màu đỏ mà Mai nói.

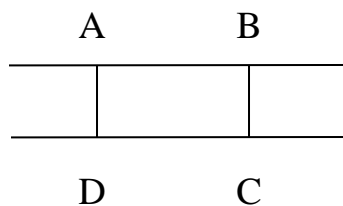
- GV nói: Chúng có gì đặc biệt?

+ Bạn Nam nói: Hai đường thẳng đó là hai đường thẳng song song.

- GV vẽ lên bảng hình chữ nhật ABCD và yêu cầu HS nêu tên hình.



- GV dùng phấn màu kéo dài hai cạnh đối diện AB và DC về hai phía và nêu: Kéo dài hai cạnh AB và DC của hình chữ nhật ABCD ta được hai đường thẳng song song với nhau.



- HS lắng nghe GV giới thiệu.

- HS quan sát và trả lời:

+ Hai đường thẳng màu đỏ là hai bên đường ray của đường sắt.


- HS lên chỉ 2 đường thẳng màu đỏ mà Mai nói.

- HS lắng nghe và quan sát.

- Hình chữ nhật ABCD.

- HS theo dõi thao tác của GV.

<p>- GV yêu cầu HS tự kéo dài hai cạnh đối còn lại của hình chữ nhật là AD và BC và hỏi: Kéo dài hai cạnh AC và BD của hình chữ nhật ABCD chúng ta có được hai đường thẳng song song không?</p> <p>- GV rút ra kết luận:</p> <p>+ Kéo dài hai cạnh đối diện của hình chữ nhật ta được hai đường thẳng song song với nhau.</p> <p>+ Hai đường thẳng song song với nhau không bao giờ cắt nhau.</p> <p>- GV gọi HS nhắc lại kết luận.</p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát đồ dùng học tập, quan sát lớp học để tìm hai đường thẳng song song có trong thực tế cuộc sống.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS thao tác</p> <p>+ Kéo dài hai cạnh AD và BC của hình chữ nhật ABCD chúng ta cũng được hai đường thẳng song song.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS tìm và nêu. Ví dụ: 2 mép đối diện của quyển sách hình chữ nhật, 2 cạnh đối diện của bảng đen, của cửa sổ, cửa chính, khung ảnh, ...</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p><b>3. Hoạt động (15 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Vận dụng kiến thức về hai đường thẳng song song đã học vào làm bài tập.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP thảo luận nhóm, PP vấn đáp, PP quan sát, KT đặt câu hỏi, KT chia nhóm.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 1:</b></p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu.</p> <p>- HS lên bảng vẽ hình chữ nhật ABCD.</p> <p>- GV hỏi:</p> <p>a. Ngoài cặp cạnh AB và DC trong hình chữ nhật ABCD còn có cặp cạnh nào song song với nhau?</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài tập.</p> <p>- HS vẽ lên bảng hình chữ nhật ABCD, sau đó chỉ rõ hai cạnh AB và DC là một cặp cạnh song song với nhau.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>a, Trong hình chữ nhật ABCD, có: cạnh AD song song BC.</p>

<p>b. GV vẽ lên bảng hình vuông MNPQ và yêu cầu HS tìm các cặp cạnh song song với nhau có trong hình vuông MNPQ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, kết luận.</li> </ul> <p><b>Bài 2</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS đọc đề bài.</li> <li>- GV chia lớp thảo luận nhóm đôi và phát phiếu học tập cho từng nhóm. HS làm bài vào phiếu.</li> <li>- GV yêu cầu HS quan sát hình thật kỹ và nêu các cạnh song song với cạnh MN.</li> <li>- GV gọi HS nêu, HS khác nhận xét, bổ sung, chữa bài.</li> <li>- GV có thể yêu cầu HS tìm các cạnh song song với AD (hoặc BC, AM, NC).</li> <li>- GV nhận xét, tuyên dương.</li> </ul> <p><b>Bài 3</b></p> <p>Tìm hình ảnh một cặp đường thẳng song song có trong bức tranh.</p>  <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>GV lưu ý:</b> Các đường thẳng song song không gắn với hình chữ nhật hay hình vuông như 2 bài tập trước.</li> <li>- GV cho HS thảo luận theo nhóm 4 rồi đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả.</li> <li>- GV nhận xét, tuyên dương.</li> </ul>	<p>b, Trong hình vuông MNPQ, có: Cạnh MN song song QP, cạnh MQ song song NP.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</li> <li>- HS đọc yêu cầu.</li> <li>- HS thảo luận nhóm đôi.</li> <li>- HS chia sẻ kết quả nhóm mình.</li> </ul> <p>Trong hình đã cho ta có: + Các cạnh song song với MN là AD, BC.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện yêu cầu.</li> <li>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</li> <li>- HS đọc yêu cầu bài tập 3.</li> <li>- HS quan sát hình ảnh.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> <li>- HS đại diện các nhóm lên báo cáo.</li> <li>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</li> </ul>
<p><b>4. Vận dụng, củng cố (5 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p>	

<p>- Cùng cô những kiến thức về hai đường thẳng song song đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>- Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> KT tia chớp.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p>- GV sử dụng kĩ thuật <i>Tia chớp</i> để củng cố bài học, GV lần lượt mời một số học sinh lần lượt nói nhanh theo yêu cầu:</p> <p>+ Quan sát xung quanh lớp cho biết các vật chứa đường thẳng song song?</p> <p>- Xem trước các bài tập ở phần luyện tập. Tìm kiếm các đồ vật, hình ảnh thực tế có hai đường thẳng song song.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- HS thực hiện.</p> <p>Ví dụ: 2 mép đối diện của quyển sách hình chữ nhật, 2 cạnh đối diện của bảng đen, cửa cửa sổ, cửa chính, khung ảnh, ...</p> <p>- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.</p>

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

.....

**Phân tích một số năng lực được phát triển trong quá trình tổ chức bài học *Hai đường thẳng song song (Tiết 1)* cho học sinh.**

Năng lực mô hình hóa toán học	Thông qua các hình ảnh mà giáo viên cung cấp học sinh sẽ dễ dàng hơn trong việc nhận biết hai đường thẳng song song, dễ dàng chỉ ra được hai đường thẳng song song ngoài thực tiễn.
Năng lực giao tiếp toán học	Cùng với các hoạt động trên, qua hoạt động diễn đạt, trả lời câu hỏi mà giáo viên đặt ra sẽ giúp học sinh phát triển khả năng giao tiếp của mình.

### KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN 4

## Tuần 14- Bài 33: Em làm được những gì (Tiết 1)

(Bộ sách: Chân trời sáng tạo)

### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau khi học xong bài này, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:

#### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Xác định các loại góc (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt), hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song qua các trường hợp cụ thể.
- Vận dụng vẽ các đường thẳng vuông góc, đường thẳng song song trên giấy kẻ ô vuông để tạo hình trang trí.

#### 2. Phẩm chất, năng lực

- Rèn luyện phẩm chất nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.
- Góp phần phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

#### 1. Giáo viên




- Thước thẳng, thước đo góc, eke, mô hình đồng hồ có kim phút và kim giờ, các hình ảnh trong bài (nếu cần).

#### 2. Học sinh

- Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC


Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<b>1. Khởi động kết nối (3 phút)</b> <b>a. Mục tiêu:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</li><li>- Ôn tập kiến thức về góc nhọn, góc tù, góc bẹt.</li></ul> <b>b. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:</b> PP Trò chơi học tập. <b>c. Cách tiến hành:</b>	
<b>Bước 1: Giới thiệu trò chơi</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV giới thiệu tên trò chơi “<b>Tạo hình</b>”.</li></ul> <b>Bước 2: Hướng dẫn chơi</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cách chơi: Học sinh làm các động tác tay để tạo thành các góc theo động lệnh</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS lắng nghe.</li></ul>

<p>của GV trong thời gian 2 phút. GV vừa đọc lệnh vừa quan sát HS để giúp đỡ các bạn còn làm sai. HS phải tạo hình ngay lập tức khi nhận được lệnh của GV.</p> <p><b>Bước 3: Thực hiện trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi.</li> <li>- GV quan sát, giúp đỡ HS.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Tổng kết trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét trò chơi.</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>
<p><b>2. Hoạt động (25 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS xác định các loại góc (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt), hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song qua các trường hợp cụ thể.</li> </ul> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP quan sát, PP vấn đáp, PP thực hành – luyện tập</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gắn hình ảnh ba đồng hồ trên bảng.</li> <li>- GV gọi HS đọc yêu cầu của bài.</li> </ul> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;">    </div> <p style="text-align: center;">A                      B                      C</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xác định góc cần thực hành ở mỗi hình.</li> <li>- HS làm việc cá nhân theo mẫu của GV: Dùng đầu ngón tay kéo từ cạnh này sang cạnh kia → Dự đoán số đo mỗi góc.</li> <li>- GV giúp HS nhắc lại cách sử dụng thước đo góc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát.</li> <li>- HS đọc yêu cầu.</li> <li>- HS thực hành đo góc bằng thước đo góc để kiểm tra kết quả dự đoán.</li> <li>- HS dự đoán: Hình A: <math>90^\circ</math>; Hình B: <math>120^\circ</math>; Hình C: <math>180^\circ</math></li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>

<p>+ Bước 1: Đặt tâm của thước trùng với đỉnh của góc.</p> <p>+ Bước 2: Vạch <math>0^\circ</math> của thước nằm trên một cạnh của góc.</p> <p>+ Bước 3: Đọc số đo của góc tại vạch của thước nằm trên cạnh còn lại của góc.</p> <p>- GV sửa bài, HS dùng thước đo góc thực hiện các thao tác đo với hình ảnh trên bảng.</p> <p><b>Bài 2:</b></p> <p>- GV cho HS đọc yêu cầu.</p> <p>- GV giúp HS giải thích.</p> <p>Chẳng hạn:</p> <p>a) Đ (góc vuông có số đo bằng <math>90^\circ</math>).</p> <p>b) Đ (góc nhọn có số đo bé hơn <math>90^\circ</math>).</p> <p>c) Đ (góc tù có số đo lớn hơn <math>90</math> nhưng bé hơn <math>180^\circ</math>).</p> <p>d) S (góc bẹt có số đo bằng <math>180^\circ</math>, góc vuông có số đo bằng <math>90</math>). Dự đoán, nếu phân vân thì dùng thước đo độ để kiểm tra.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p><b>Bài 3:</b></p> <p>- GV cho HS đọc yêu cầu.</p> <p>- GV yêu cầu HS sử dụng đồng hồ đã chuẩn bị sẵn tạo các giờ như đề bài yêu cầu sau đó ghi các góc dự đoán ra giấy nháp.</p> <p>Kim giờ, kim phút của đồng hồ trong mỗi câu sau tạo thành góc nhọn, góc vuông, góc tù hay góc bẹt?</p> <p>a) Đồng hồ chỉ 9 giờ.</p> <p>b) Đồng hồ chỉ 18 giờ.</p>	<p>- HS lắng nghe cách sửa bài.</p> <p>- HS đọc yêu cầu.</p> <p>- HS nhận biết việc cần làm: Xác định câu đúng – câu sai.</p> <p>- HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn bên cạnh: a) Đ; b) Đ; c) Đ; d) S.</p> <p>- HS thử lại bằng thước đo độ.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS đọc yêu cầu.</p> <p>- HS lắng nghe và thực hiện.</p> <p>- HS sử dụng đồng hồ đã chuẩn bị sẵn để tạo các giờ như đề bài yêu cầu. Sau đó gọi tên các góc.</p> <p>a) góc vuông</p> <p>b) góc bẹt</p>
---	--



<p>c) Đồng hồ chỉ 5 giờ kém 15 phút. d) Đồng hồ chỉ 11 giờ 5 phút. - GV gọi HS trình bày. - GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p><b>Bài 4:</b> - GV cho HS đọc và nhận biết yêu cầu của bài. - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn bên cạnh: Tìm các cặp cạnh vuông góc, các cặp cạnh song song trong mỗi hình. - GV sửa bài, HS lần lượt nêu các cặp cạnh vuông góc, các cặp cạnh song song.</p> <p><b>Lưu ý:</b> HS nhận biết qua trực giác, không yêu cầu HS giải thích.</p> <p><b>Bài 5:</b> - GV yêu cầu HS vẽ và trang trí trên giấy kẻ ô vuông. - GV đưa ra yêu cầu như sau: HS có thể thay đổi màu sắc cho sinh động tuy nhiên phải giữ đúng bố cục của bài vẽ.</p>	<p>c) góc tù d) góc nhọn - HS lắng nghe.</p> <p>- HS nêu yêu cầu của bài. - HS lắng nghe và thực hiện. + Hình 1: AB vuông góc với BC và song song với DC; AD vuông góc với DC và song song với BC. + Hình 2: MQ vuông góc với QP và song song với NP; NP vuông góc với PQ và song song với MQ. - HS lắng nghe.</p> <p>- HS thực hiện. - HS lắng nghe.</p>
<p><b>3. Vận dụng, củng cố (7 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> - Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. - Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP quan sát.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p>- GV yêu cầu HS đưa ra các tranh ảnh đã chuẩn bị trước có hình ảnh các loại góc đã học hoặc hình ảnh hai đường thẳng song song; hai đường thẳng vuông góc.</p>	<p>- HS lần lượt đưa ra các tranh ảnh mà mình chuẩn bị và chỉ ra các loại góc đã học hay hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc.</p>

<p>- GV chiếu ảnh về Cánh đồng điện gió trong SGK trang 75 sau đó giới thiệu cho HS biết thêm. GV yêu cầu HS dự đoán xem hai cánh quạt của trụ điện gió tạo thành góc bao nhiêu độ.</p>  <p style="text-align: center;">Cánh đồng điện gió</p> <p>- GV yêu cầu HS kiểm tra lại bằng thước đo độ. - GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS dự đoán là <math>120^\circ</math>.</p> <p>- HS quan sát.</p> <p>- HS thực hiện.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
---	--

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

**Phân tích một số năng lực được phát triển trong quá trình tổ chức bài học *Em làm được những gì cho học sinh.***

Năng lực tư duy và lập luận toán học	Xử lý được những câu hỏi, biết cách chỉ ra những lí lẽ hợp lí, thuyết phục các bạn trong lớp.
Năng lực giải quyết vấn đề toán học	Thông qua việc dự đoán số đo các góc hoặc các loại góc khi chưa sử dụng đến dụng cụ học tập ở các bài tập.
Năng lực giao tiếp toán học	Nêu và trả lời được các câu hỏi khi lập luận và giải quyết vấn đề. Tự tin phát biểu ý kiến của mình trước tập thể lớp.

### KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN 4

#### Tuần 23 – Bài 65: Hình bình hành

(Bộ sách: Cánh diều)

## I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau khi học bài này, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:

### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Nêu được một số đặc điểm của hình bình hành
- Phân biệt được hình bình hành với một số hình đã học.

### 2. Phẩm chất, năng lực

- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.
- Góp phần phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực mô hình hóa toán học.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

### 1. Giáo viên

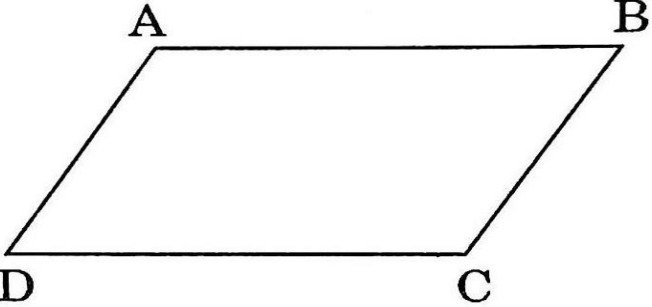
- Mô hình có dạng hình bình hành, giấy thủ công, kéo, bộ đồ dùng dạy học Toán 4.

### 2. Học sinh

- Đồ dùng theo yêu cầu của GV.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<b>1. Khởi động và kết nối (3 phút)</b> <b>a. Mục tiêu:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Ôn tập kiến thức về các hình học đã được học.</li><li>- Tạo tâm thế vui vẻ, tích cực trước bài học.</li></ul> <b>b. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:</b> PP quan sát, KT đặt câu hỏi. <b>c. Cách tiến hành:</b>	
<ul style="list-style-type: none"><li>- GV chiếu cho HS quan sát video về bài hát hình dạng từ 0.05s đến 0.58s. Sau khi quan sát video xong cho HS trả lời các câu hỏi sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Có bao nhiêu hình được xuất hiện trong video?</li><li>+ Kể tên các hình đó.</li></ul></li><li>- GV đặt vấn đề:<ul style="list-style-type: none"><li>+ GV cho HS quan sát hình bình hành</li></ul></li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS quan sát video</li><li>- HS trả lời:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Có 4 hình</li><li>+ Đó là hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.</li></ul></li><li>- HS lắng nghe.</li></ul>

<p>+ GV dẫn dắt vào bài học: Đê cùng tìm hiểu xem đây là hình gì, chúng ta sẽ bắt đầu bài học hôm nay. <b>Bài 65: Hình bình hành.</b></p>	
<p><b>2. Khám phá kiến thức (12 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được đặc điểm cơ bản của hình bình hành.</li> <li>- Phân biệt được hình bình hành với một số hình đã học.</li> </ul> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP quan sát, PP vấn đáp, PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, KT chia nhóm.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Hoạt động 1: Hai cạnh đối diện song song</b></p> <p>- GV dán lên bảng hình bình hành ABCD và giới thiệu.</p>  <p>- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xác định các cặp cạnh đối diện của hình bình hành</li> <li>+ Các cặp cạnh đối diện của hình bình hành có đặc điểm gì?</li> </ul> <p>- GV hướng dẫn HS kiểm nghiệm:</p> <p>* Cạnh AB và DC</p> <p>+ <i>Khi kéo dài cặp cạnh AB và DC về hai phía, hai đường thẳng AB và DC không cắt nhau. Vậy ta nói AB song song với DC.</i></p>	<p>- HS quan sát hình bình hành.</p> <p>- HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ AB đối diện với DC. AD đối diện với BC.</li> <li>+ Các cặp cạnh đối diện của hình bình hành song song với nhau.</li> </ul> <p>- HS quan sát và lắng nghe.</p>

<p>+ Để xác định hai đường thẳng có thật sự song song ta có các cách sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cách 1: Khoảng cách AB và DC không đổi</li> <li>• Cách 2 : AB và DC cùng vuông góc với 1 đường thẳng</li> </ul> <p>* Cạnh AD và BC: tương tự</p> <p>- GV tổ chức cho HS thực hiện tương tự trên bảng =&gt; <b>Tổng kết:</b> Hình bình hành ABCD có 2 cặp cạnh đối diện và song song với nhau.</p> <p><b>Hoạt động 2: Hai cạnh đối diện bằng nhau</b></p> <p>- GV cho HS thực hành đo độ dài của 2 cặp cạnh đối diện của hình bình hành trên bảng và nêu nhận xét.</p> <p>- GV tổng kết lại đặc điểm của hình bình hành: <i>Hình bình hành có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện tương tự giáo viên hướng dẫn.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hành đo độ dài 2 cặp cạnh đối diện</li> <li>- HS nêu nhận xét: Độ dài 2 cạnh đối diện của hình bình hành bằng nhau.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>
<p><b>3. Hoạt động (15 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Phân biệt được hình bình hành với một số hình đã học.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP vấn đáp, PP trò chơi học tập, PP thảo luận nhóm.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS xác định yêu cầu.</li> <li>- GV tổ chức cho HS làm bài tập cá nhân.</li> </ul> <p>- GV tổng kết: Ta dựa vào những đặc điểm nào để nhận biết hình bình hành?</p> <p><b>Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS trò chơi “ <b>Tiếp sức</b>”.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc đề bài.</li> <li>- HS trả lời câu hỏi : Hình ABCD và STUR là hình bình hành.</li> <li>- HS tổng kết: Ta dựa vào hai cặp cạnh đối diện, chúng song song và bằng nhau.</li> </ul>

<p><b>Bước 1: Giới thiệu trò chơi:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giới thiệu tên trò chơi “<b>Tiếp sức</b>”.</li> <li>- Mục đích: giúp HS ôn lại các tính chất của hình bình hành, tăng tính đoàn kết giữa các thành viên trong lớp.</li> </ul> <p><b>Bước 2: Hướng dẫn chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chia lớp thành 2 đội chơi, mỗi đội sẽ gồm 5 thành viên.</li> <li>- Cách chơi:</li> <li>+ GV sẽ phát cho mỗi đội 1 viên phấn.</li> <li>+ Mỗi thành viên trong đội sẽ lần lượt lên bảng viết tên các cặp cạnh song song và bằng nhau có trong mỗi hình ở bài tập 2.</li> <li>+ Nếu viết xong mới được truyền phấn cho thành viên tiếp theo.</li> <li>+ Mỗi đội có thời gian 2 phút để hoàn thành.</li> <li>+ Nếu hết thời gian mà kết quả hai đội bằng nhau GV sẽ đưa ra câu hỏi phụ để tìm ra đội chơi chiến thắng.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Thực hiện trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các đội tham gia chơi.</li> <li>- GV quan sát hỗ trợ HS.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Tổng kết trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổng kết trò chơi.</li> <li>- GV công bố đội thắng cuộc.</li> <li>- GV nhận xét phần chơi của mỗi đội, GV hướng dẫn HS rút ra bài học, ý nghĩa giáo dục của trò chơi.</li> </ul> <p><b>Bài 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức thảo luận nhóm đôi.</li> <li>- GV mời hai nhóm lên bảng thực hành vẽ (a+b).</li> <li>- GV kết luận.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện các yêu cầu.</li> <li>- HS nghe hướng dẫn.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> <li>- HS tham gia trò chơi.</li> <li>- HS thực hiện.</li> <li>- HS thực hiện.</li> <li>- HS thực hiện.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>
<p><b>4. Vận dụng, củng cố (5 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Vận dụng kiến thức về hình bình hành đã học để giải quyết các tình huống trong thực tế.</p>	

<b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP thảo luận nhóm, PP vân đáp. <b>c. Cách tiến hành:</b>	
<b>Bài 4</b> - GV chia nhóm 4. - GV yêu cầu HS sử dụng que tính tạo thành các hình bình hành và từ các hình bình hành sắp xếp tạo 1 đồ vật. - GV quan sát, giúp đỡ HS.	- HS thực hiện.
<b>Bài 5:</b> - GV tổ chức cho HS chia sẻ một số đồ vật, hình ảnh có dạng hình bình hành trong thực tế.	- HS quan sát. - HS chia sẻ: lan can cầu thang, các ô ngăn cách trong hầm chứa xe.

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

.....

**Phân tích một số năng lực được phát triển trong quá trình tổ chức bài học *Hình bình hành* cho học sinh.**

Năng lực giao tiếp toán học	Thông qua hoạt động nhóm đôi sẽ giúp học sinh tự tin hơn, chia sẻ kinh nghiệm với các bạn trong nhóm giúp nhau hoàn thiện. Hay qua trò chơi “Tiếp sức” ở phần <i>Hoạt động</i> sẽ giúp học sinh đoàn kết với nhau để hoàn thành nhiệm vụ.
Năng lực tư duy và lập luận toán học	Thông qua việc học sinh biết dự đoán kết quả, tổng hợp vấn đề để đưa ra kết luận.

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN 4**  
**Tuần 25 – Bài 57: Mi-li-mét vuông (Tiết 1)**  
*(Bộ sách: Chân trời sáng tạo)*

## I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau khi học xong bài này, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:

### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết độ lớn  $1 \text{ mm}^2$  (diện tích hình vuông có cạnh dài 1 mm); tên gọi, kí hiệu, quan hệ giữa mi-li-mét vuông và xăng-ti-mét vuông.
- Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong trường hợp đơn giản, thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích mi-li-mét vuông, xăng-ti-mét vuông.
- Vận dụng giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến đơn vị đo diện tích, biểu đồ cột.

### 2. Phẩm chất, năng lực

- Rèn luyện phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ
- Góp phần phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

### 1. Giáo viên

- Giấy kẻ ô vuông, mỗi cạnh 10 ô vuông dùng cho nội dung bài học, hình ảnh bài Thực hành 3, giáo án điện tử.

### 2. Học sinh

- Giấy kẻ ô vuông, cạnh mỗi ô vuông dài 1mm dùng cho mục Giới thiệu.

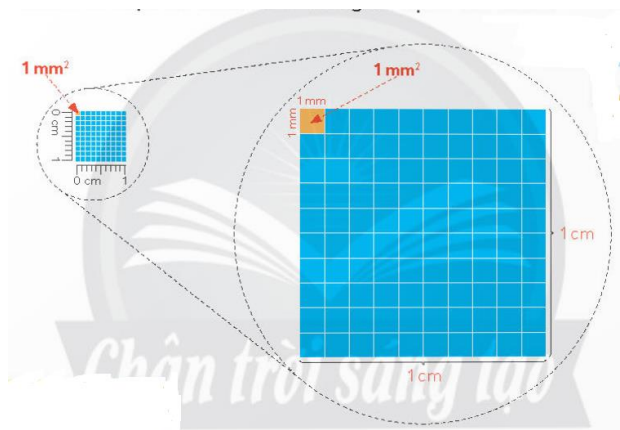
## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<b>1. Khởi động kết nối (3 phút)</b> <b>a. Mục tiêu:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</li><li>- Giúp học sinh củng cố đơn vị đo diện tích đã học.</li></ul> <b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP trò chơi học tập. <b>c. Cách tiến hành:</b>	
<b>Bước 1: Giới thiệu trò chơi</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV giới thiệu tên trò chơi “ <b>Đố bạn</b>”.</li><li>- Mục đích: Kể tên các đơn vị đo diện tích đã học.</li></ul> <b>Bước 2: Hướng dẫn chơi</b>	- HS lắng nghe



<p>- Cách chơi: GV là người đưa ra câu đố và HS trả lời. GV đố : + Kể tên các đơn vị đo diện tích em đã học. + <math>1 \text{ cm}^2</math> là diện tích của hình vuông có cạnh dài bao nhiêu? - Khi GV đưa ra câu đố nếu HS trả lời đúng HS có quyền đưa ra câu đố cho bạn của mình hoặc đưa ngược lại cho GV. Cứ như thế cho đến khi hết 2 phút. - Nếu HS trả lời sai lượt đố sẽ nhường bạn may mắn tiếp theo.</p> <p><b>Bước 3: Thực hiện trò chơi</b></p> <p>- GV tổ chức cho HS tham gia chơi. - GV quan sát, hướng dẫn HS.</p> <p><b>Bước 4: Tổng kết trò chơi</b></p> <p>- GV nhận xét tuyên dương HS. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Hôm nay cô trò mình sẽ cùng nhau đi tìm hiểu về một đơn vị đo diện tích nữa thông qua <b>bài 57: Mi-li-mét vuông</b>. - GV ghi bảng.</p>	<p>- HS lắng nghe. - HS: Xăng-ti-mét vuông, đề-xi-mét vuông, mét vuông. - HS: 1 cm.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe.</p>
<p><b>2. Khám phá kiến thức (12 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <p>- Nhận biết độ lớn <math>1 \text{ mm}^2</math> (diện tích hình vuông có cạnh dài 1 mm). - Nhận biết tên gọi, kí hiệu, quan hệ giữa mi-li-mét vuông và xăng-ti-mét vuông, viết các số đo theo đơn vị mi-li-mét vuông.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP thảo luận nhóm, PP vấn đáp, PP quan sát, KT đặt câu hỏi, KT chia nhóm.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Hoạt động 1: Giới thiệu mi-li-mét vuông.</b></p>	<p>- HS quan sát.</p>

- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh bên trái SGK theo nhóm đôi.



- GV hỏi:

+ Hình vuông bé xíu, màu vàng có cạnh dài bao nhiêu?

- GV nói: Diện tích hình vuông này là một mi-li-mét vuông.

+ Mi-li-mét vuông là đơn vị đo đại lượng nào?

+ GV giới thiệu cách viết tắt mi-li-mét vuông.

- GV viết:  $\text{mm}^2$

- GV hỏi:  $1 \text{ mm}^2$  là diện tích hình vuông có cạnh dài bao nhiêu?

- GV yêu cầu HS nhận biết độ lớn của  $\text{mm}^2$ , thực hành đọc, viết mi-li-mét vuông.

+ Viết theo mẫu rồi đọc.

### **Hoạt động 2: Quan hệ giữa mi-li-mét vuông với xăng-ti-mét vuông**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, nhận biết quan hệ giữa mi-li-mét vuông với xăng-ti-mét vuông.

- GV cho HS quan sát hình ảnh ở SGK

- GV hỏi:

- HS trả lời:

+ 1mm

- Mi-li-mét vuông là đơn vị đo diện tích.

- HS quan sát.

-  $1 \text{ mm}^2$  là diện tích hình vuông có cạnh dài 1mm.

- HS thực hiện.

- HS lắng nghe.

- HS thực hiện.

- HS quan sát.

- HS trả lời:

<p>+ Hình vuông màu xanh có bao nhiêu ô vuông nhỏ?</p> <p>+ Mỗi ô vuông nhỏ có diện tích là bao nhiêu?</p> <p>+ Hình vuông màu xanh lớn có diện tích là bao nhiêu?</p> <p>+ Độ dài cạnh của hình vuông lớn là bao nhiêu xăng-ti-mét?</p> <p>- GV nói: <math>1 \text{ cm}^2</math> là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 cm.</p> <p>- Tương tự như vậy chúng ta có:</p> <p>+ <math>1 \text{ cm}^2 = 100 \text{ mm}^2</math></p> <p>+ <math>100 \text{ mm}^2 = 1 \text{ cm}^2</math></p>	<p>+ Hình vuông màu xanh có 100 ô vuông nhỏ.</p> <p>+ Mỗi ô vuông nhỏ có diện tích 1 <math>\text{mm}^2</math>.</p> <p>+ Hình vuông màu xanh lớn có diện tích 100 <math>\text{mm}^2</math>.</p> <p>+ Độ dài cạnh hình vuông lớn là 1 cm.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p><b>3. Hoạt động (15 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích mi-li-mét vuông, xăng-ti-mét vuông.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP vấn đáp, PP quan sát</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 1:</b></p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài vào vở.</p> <p>- GV quan sát hướng dẫn HS: ở ý a và b HS thực hiện đổi như bình thường.</p> <p>- GV hướng dẫn HS ý c</p> <p>Ví dụ: <math>3 \text{ cm}^2 5 \text{ mm}^2 = \dots \text{mm}^2</math></p> <p style="padding-left: 40px;"><math>3 \text{ cm}^2 = 300 \text{ mm}^2</math></p> <p>+ <math>300 \text{ mm}^2 + 5 \text{ mm}^2 = 305 \text{ mm}^2</math></p> <p>+ <math>3 \text{ cm}^2 5 \text{ mm}^2 = 305 \text{ mm}^2</math></p>	<p>- HS quan sát làm theo.</p> <p>a)</p> <p>+ <math>1 \text{ cm}^2 = 100 \text{ mm}^2</math></p> <p>+ <math>4 \text{ cm}^2 = 400 \text{ mm}^2</math></p> <p>+ <math>10 \text{ cm}^2 = 1000 \text{ mm}^2</math></p> <p>b)</p> <p>+ <math>200 \text{ mm}^2 = 2 \text{ cm}^2</math></p> <p>+ <math>700 \text{ mm}^2 = 7 \text{ cm}^2</math></p> <p>+ <math>12\ 000 \text{ mm}^2 = 120 \text{ cm}^2</math></p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>c)</p> <p>+ <math>3 \text{ cm}^2 5 \text{ mm}^2 = 305 \text{ mm}^2</math></p> <p>+ <math>2 \text{ cm}^2 8 \text{ mm}^2 = 208 \text{ mm}^2</math></p> <p>+ <math>10 \text{ cm}^2 10 \text{ mm}^2 = 1010 \text{ mm}^2</math></p>

<p><b>Bài 2:</b></p> <p>- GV nêu những gì HS cần làm:</p> <p>a) Thực hiện phép tính cộng, trừ và chia với các số đo cùng đại lượng.</p> <p>b) Thực hiện phép tính cộng với các số đo khác đại lượng.</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.</p> <p>- GV hướng dẫn HS cách làm.</p> <p>Ví dụ: a) <math>28 \text{ mm}^2 + 15 \text{ mm}^2 = 43 \text{ mm}^2</math></p> <p>Em đặt tính như phép cộng các số tự nhiên, rồi điền kết quả vào bà toán ( hoặc em cộng nhẩm,...).</p> <p>b) Đổi: <math>3 \text{ cm}^2 = 300 \text{ mm}^2</math></p> $3 \text{ cm}^2 + 15 \text{ mm}^2$ $= 300 \text{ mm}^2 + 15 \text{ mm}^2$ $= 315 \text{ mm}^2$ <p><b>GV lưu ý:</b> HS có thể giải thích bằng nhiều cách, nếu phù hợp thì công nhận.</p> <p><b>Bài 3:</b></p> <p><b>GV lưu ý:</b> Khi so sánh diện tích hai hình, HS có thể sử dụng một trong các từ: “lớn hơn”, “bé hơn” hay “bằng”, không bắt buộc chỉ dùng một từ “lớn hơn”. Khi trình bày, HS chỉ cần thông báo cách làm.</p> <p>Ví dụ: a) Đặt đầu ngón tay trở vào hình để ước lượng: Diện tích hai hình bằng nhau, bằng khoảng <math>4 \text{ cm}^2</math>.</p> <p>b) Đo rồi tính.</p> <p>+ Hình chữ nhật A có chiều dài đo được là <math>4 \text{ cm}</math> và chiều rộng đo được là <math>1 \text{ cm}</math>.</p> $4 \times 1 = 4$ <p>Diện tích hình chữ nhật A là <math>4 \text{ cm}^2</math>.</p> <p>+ Hình vuông B có cạnh đo được là <math>2 \text{ cm}</math>.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS thực hiện:</p> <p>a)</p> <p>+ <math>28 \text{ mm}^2 + 15 \text{ mm}^2 = 43 \text{ mm}^2</math></p> <p>+ <math>65 \text{ mm}^2 - 17 \text{ mm}^2 = 48 \text{ mm}^2</math></p> <p>+ <math>100 \text{ mm}^2 \div 4 \text{ mm}^2 = 25 \text{ mm}^2</math></p> <p>b) Đổi: <math>3 \text{ cm}^2 = 300 \text{ mm}^2</math></p> $3 \text{ cm}^2 + 15 \text{ mm}^2$ $= 300 \text{ mm}^2 + 15 \text{ mm}^2$ $= 315 \text{ mm}^2.$ <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS đọc đề bài, nhận biết được vấn đề cần giải quyết:</p> <p>a) ước lượng</p> <p>b) đo và tính diện tích</p> <p>Sau đó mới so sánh.</p> <p>- HS thảo luận nhóm 4 tìm cách làm:</p> <p>a) - Diện tích hình A khoảng <math>4 \text{ cm}^2</math> hay <math>400 \text{ mm}^2</math>.</p>
--	--

<p style="text-align: center;"><math>2 \times 2 = 4</math></p> <p>Diện tích hình vuông B là <math>4 \text{ cm}^2</math>.</p> <p>=) Hai hình có diện tích bằng nhau (hoặc: không hình nào có diện tích lớn hơn).</p> <p>- GV giúp HS nhận xét:</p> <p>+ So sánh kết quả tính diện tích hai hình với kết quả ước lượng bằng nhau, không chênh lệch.</p> <p>+ So với nhận xét ban đầu của các nhóm.</p>	<p>- Diện tích hình B khoảng <math>4 \text{ cm}^2</math> hay <math>400 \text{ mm}^2</math>.</p> <p>b) - Diện tích hình A <math>4 \text{ cm}^2</math> hay <math>400 \text{ mm}^2</math>.</p> <p>- Diện tích hình B <math>4 \text{ cm}^2</math> hay <math>400 \text{ mm}^2</math>.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p><b>4. Vận dụng, củng cố (5 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> HS ôn lại các kiến thức, kỹ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:</b> PP trò chơi học tập.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p>- GV tổ chức cho HS trò chơi “ <b>Ai khéo tay hơn</b>”.</p> <p><b>Bước 1: Giới thiệu trò chơi</b></p> <p>- GV giới thiệu tên trò chơi “ <b>Ai khéo tay hơn</b>”.</p> <p>- Mục đích: giúp HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề của mình qua việc tìm số đo các cạnh khi cho biết diện tích.</p> <p><b>Bước 2: Hướng dẫn chơi</b></p> <p>- Tổ chức chơi theo nhóm 4.</p> <p>- Phương tiện: giấy thủ công của HS, GV đưa cho các nhóm về số đo diện tích.</p> <p>- Cách chơi:</p> <p>+ GV yêu cầu HS mang giấy thủ công ra và cắt các hình vuông, hình chữ nhật có diện tích lần lượt là <math>300 \text{ mm}^2</math>; <math>500 \text{ mm}^2</math>; <math>1000 \text{ mm}^2</math>; <math>900 \text{ mm}^2</math>.</p> <p>- Luật chơi: Trong thời gian 2 phút nhóm nào cắt được nhiều hình chính xác hơn sẽ giành chiến thắng.</p>	<p>- HS tham gia trò chơi.</p> <p>- HS thực hiện.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS lắng nghe cách chơi và luật chơi.</p>

<p><b>Bước 3: Thực hiện trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi.</li> <li>- GV quan sát, hướng dẫn HS.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Tổng kết trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét trò chơi, công bố nhóm thắng cuộc.</li> <li>- GV nhận xét tiết học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>
---	--

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

.....

.....

**Phân tích một số năng lực được phát triển trong quá trình tổ chức bài học *Mi-li-mét vuông (Tiết 1)* cho học sinh.**

Năng lực tư duy và lập luận toán học	Học sinh quan sát giáo viên viết và đọc mi-li-mét vuông sau đó tri giác lại và làm theo. Hay như trò chơi “Ai khéo tay hơn” ở phần <i>Vận dụng, củng cố</i> học sinh có thể thỏa sức sáng tạo các hình vuông và hình chữ nhật sao cho có diện tích như giáo viên yêu cầu.
Năng lực giao tiếp toán học	Thông qua việc trao đổi với giáo viên, học sinh tự tin hơn và hình thành năng lực giao tiếp.
Năng lực giải quyết vấn đề toán học	Thông qua việc giải các bài toán học sinh thực hiện và trình bày được cách giải quyết vấn đề. Giáo viên đưa ra những ví dụ minh họa gắn liền với bài học giúp học sinh giải quyết vấn đề tốt hơn.

#### 2.3.3. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 4 thuộc mạch kiến thức *Thống kê và xác suất*

**Bảng 2.3. Danh mục KHBD môn Toán lớp 4  
thuộc mạch kiến thức *Thống kê và xác suất***

STT	Tuần	Bài	Tiết	Tên bài	Bộ sách
1	8	18	1	Số lần lặp lại của một sự kiện	Chân trời sáng tạo
2	24	50	1	Biểu đồ cột	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	31	87	1	Dãy số liệu thống kê	Cánh diều

### KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN 4

#### Tuần 8 – Bài 18: Số lần lặp lại của một sự kiện (Tiết 1)

*(Bộ sách: Chân trời sáng tạo)*

#### I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau khi học bài này, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:

##### 1. Kiến thức, kĩ năng

- HS làm quen và kiểm đếm được số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện khi thực hiện thí nghiệm nhiều lần.
- Sử dụng được các thuật ngữ để mô tả số lần lặp lại của một sự kiện.

##### 2. Phẩm chất, năng lực

- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.
- Góp phần phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ phương tiện học toán.

#### II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

##### 1. Giáo viên



- 2 viên bi khác màu nhau, hình vẽ các bảng biểu, biểu đồ theo nội dung bài học.

##### 2. Học sinh

- 1 túi vải, 2 viên bi khác màu nhau (hay nút áo 2 mặt có 2 màu khác nhau).

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<b>1. Khởi động và kết nối (5 phút)</b> <b>a. Mục tiêu:</b> Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học. <b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP trò chơi học tập.	

<b>c. Cách tiến hành:</b>	
<p><b>Bước 1: Giới thiệu trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giới thiệu tên trò chơi “<b>Tập tầm vông</b>”</li> <li>- Mục đích: giúp HS làm quen với việc kiểm đếm các lần xuất hiện của một sự kiện.</li> </ul> <p><b>Bước 2: Hướng dẫn chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức nhóm đôi</li> <li>- Phương tiện: que tính, giấy nháp.</li> <li>- Cách chơi:</li> </ul> <p>+ Người đố giấu một vật nhỏ trong lòng một bàn tay và nắm cả hai tay lại rồi hát: Tập tầm vông.</p> <p>Tay không tay có. Tập tầm vó. Tay có tay không. Tay nào có, tay nào không?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người đoán chỉ một tay của người đố. Nếu đoán đúng, người đoán trở thành người đố, trò chơi lại tiếp tục.</li> <li>- Khi chơi, HS ghi nhận lại kết quả ra giấy nháp.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Thực hiện trò chơi</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV tổ chức cho HS tham gia chơi</li> <li>- GV quan sát, hướng dẫn HS.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Tổng kết trò chơi.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, hướng dẫn HS rút ra bài học.</li> <li>- GV dẫn dắt vào bài mới: Giới thiệu <b>bài 18: Số lần lặp lại của một sự kiện (Tiết 1)</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ</li> </ul> <p>Ví dụ: Sau 10 lần chơi, các bạn ghi nhận lại kết quả như sau:</p> <p></p> <p></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện</li> </ul> <p>- HS lắng nghe.</p>
<b>2. Khám phá kiến thức (12 phút)</b>	
<p><b>a. Mục tiêu:</b> HS làm quen và kiểm đếm được số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện khi thực hiện thí nghiệm nhiều lần.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:</b> PP vấn đáp</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nêu tình huống, trình chiếu (hoặc treo bảng) cho HS quan sát.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS quan sát:</li> </ul>



Kết quả sau 100 lần ném bóng

Họ tên cầu thủ	Số lần ném bóng vào rổ
Đỗ Minh An	69
Vũ Thái	54
Trần Khoa	75



- GV đặt vấn đề:  
+ Khi ném bóng, có mấy sự kiện có thể xảy ra?

+ Các bạn ném bóng mấy lần?  
+ Mỗi bạn đã ném bóng vào rổ mấy lần?

- GV sửa bài, khuyến khích HS thao tác trên bảng.

- GV kết luận:

+ Khi cầu thủ ném bóng, có hai sự kiện xảy ra là: ném vào rổ hoặc ném không vào rổ.

+ Ném bóng nhiều lần, ta kiểm đếm được điều gì?

- HS trả lời:

+ Có 2 sự kiện có thể xảy ra: sự kiện *ném bóng vào rổ* có thể xảy ra và sự kiện *ném bóng không vào rổ* cũng có thể xảy ra.

+ Các bạn ném bóng 100 lần.

+ Bạn Minh An ném được vào rổ 69 lần; Bạn Vũ Thái ném được vào rổ 54 lần; Bạn Minh Khôi ném được vào rổ 75 lần.

- HS vừa nói vừa chỉ vào bảng.

- HS lắng nghe.

+ Ném bóng nhiều lần, ta kiểm đếm được số lần lặp lại của một sự kiện.

### 3. Hoạt động (15 phút)

**a. Mục tiêu:** HS sử dụng được các thuật ngữ để mô tả số lần lặp lại của một sự kiện.

**b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:** PP trực quan, PP vấn đáp, PP thảo luận nhóm, KT chia nhóm, KT đặt câu hỏi.

**c. Cách tiến hành:**

#### Bài 1:

Nếu có thể, nên dùng vật thật để HS thực hành.

- GV yêu cầu HS tìm hiểu mẫu, nhận biết:

+ Có mấy viên bi ở trong túi? Viên bi màu gì?

Ví dụ: Sau 100 lần thực hiện, bạn An ném bóng vào rổ được 69 lần.

- HS thực hành theo nhóm đôi.

+ Có hai viên bi (đỏ và xanh) ở

- GV: Không nhìn vào túi, em lấy ra một viên bi, xem màu và đặt lại vào túi. Ghi nhận số lần lấy được bi đỏ.

- GV sửa bài, khuyến khích HS giải thích.
- GV kẻ khung ghi nhận lại.

Số lần lấy được viên bi màu đỏ	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Số học sinh											

- GV hướng dẫn HS hoàn thành bảng.

### Bài 1: (Phần luyện tập)

- GV giới thiệu ý nghĩa của tín hiệu đèn giao thông cho HS

- + Tín hiệu màu đỏ: dừng lại.
- + Tín hiệu màu vàng: đi chậm lại.
- + Tín hiệu màu xanh: cho phép đi.

- **GV lưu ý:** Tại cùng một thời điểm, trên cùng một bộ đèn tín hiệu chỉ được sáng một trong ba màu: đỏ, vàng, xanh.

a) GV cho HS thảo luận nhóm 4 để giải quyết yêu cầu của bài.

- GV quan sát, hướng dẫn HS.
- GV mời các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- GV mời HS nhận xét bài của bạn.

trong túi.

- HS thực hiện (làm mẫu) lấy một viên bi, xem màu và đặt lại vào túi.

- HS luân phiên lấy bi rồi nói cho bạn nghe, và ghi nhận lại.

Ví dụ: Sau 10 lần lấy bi, lấy được bi đỏ mấy lần?

- HS giải thích: “Khi lấy một viên bi ra, xảy ra một trong hai sự kiện: viên bi lấy ra màu đỏ hoặc màu xanh”. HS (lần lượt từng nhóm) trình bày số lần lấy được bi đỏ hay bi xanh của mỗi bạn.

Ví dụ: Sau 10 lần chơi, Minh Anh lấy được bi đỏ 7 lần. Ngọc Hoa lấy được bi đỏ 5 lần.

- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe.

- HS thực hiện.

- HS trình bày: Khi đến ngã tư đó, tín hiệu đèn giao thông có thể là màu đỏ, xanh, vàng.

<p>- GV nhận xét, tuyên dương HS.</p> <p>b) GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập vào vở ghi.</p> <p>- GV quan sát, hướng dẫn HS.</p> <p>- GV mời HS trình bày kết quả trước lớp.</p> <p>- GV nhận xét tuyên dương HS.</p> <p><b>Bài 2:</b></p> <p>a)</p> <p>- GV yêu cầu HS quan sát kĩ bảng kết quả trong SGK.</p> <p>- GV hỏi:</p> <p>+ Có bao nhiêu bạn tham gia kiểm tra kĩ năng ném bóng?</p> <p>+ Hãy nêu số lần ném bóng vào rổ của mỗi bạn.</p> <p>+ Bạn nào ném bóng vào rổ nhiều nhất? Bạn nào ném bóng vào rổ ít nhất?</p> <p>- GV gọi HS trình bày ý kiến của mình.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS.</p> <p>b)</p> <p>- GV hỏi :</p> <p>+ Quan sát bảng kết quả một lần nữa và cho cô biết có bao nhiêu bạn ném được nhiều hơn 3 quả?</p> <p>- GV nhận xét:</p> <p>+ Em có tự tin vào câu trả lời của mình không?</p> <p>- GV kết luận: Những bạn ném được nhiều hơn 3 quả bóng cũng là những bạn đạt yêu cầu.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS thực hiện.</p> <p>- HS trình bày: không thể; chắc chắn; có thể.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS thực hiện.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ 6 bạn.</p> <p>+ Thúy: 4 lần; Hà: 3 lần; Phước: 4 lần; Dương: 3 lần; Bách: 2 lần; Hiếu: 5 lần.</p> <p>+ Bạn Hiếu ném nhiều bóng vào rổ nhất. Bạn Bách ném ít bóng vào rổ nhất.</p> <p>- HS trình bày.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ 3 bạn.</p> <p>+ Có ạ.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
--	---

<b>4. Vận dụng, củng cố (3 phút)</b>	
<b>a. Mục tiêu:</b> Ôn tập, củng cố lại kiến thức.	
<b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP vấn đáp.	
<b>c. Cách tiến hành:</b>	
- GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài. - Lấy ví dụ về số lần lặp lại của 1 sự kiện. - GV nhận xét, tuyên dương HS.	- HS nhắc lại. - HS lấy VD: Số lần kim phút chỉ vào số 5 trong 1 giờ ,...

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....  
 .....  
 .....

**Phân tích một số năng lực được phát triển trong quá trình tổ chức bài học *Số lần lặp lại của một sự kiện (Tiết 1)* cho học sinh.**

Năng lực tư duy và lập luận toán học	Thông qua trò chơi dân gian ở hoạt động <i>Khám phá</i> , học sinh có thể ghi lại số lần lặp lại của que tính và lập luận được số lần lặp lại của các que tính đó.
Năng lực giao tiếp toán học	Thông qua phần <i>Hoạt động</i> , các nhóm học sinh thảo luận trao đổi, trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên. Từ đó học sinh tự tin hơn trong việc nêu lên suy nghĩ của mình trước các bạn trong lớp.
Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.	Thông qua hoạt động học sinh sử dụng công cụ chuẩn bị để làm theo yêu cầu của giáo viên, học sinh nhận thấy những ưu điểm, hạn chế của phương tiện hỗ trợ học toán.

### KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN 4

#### Tuần 24 – Bài 50: Biểu đồ cột (Tiết 1)

(Bộ sách: *Kết nối tri thức với cuộc sống*)

## I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau khi học bài này, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:

### 1. Kiến thức, kĩ năng

- Hình thành kĩ năng đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ cột
- Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ cột
- Tính được giá trị trung bình của các số liệu trong bảng hay biểu đồ cột

### 2. Phẩm chất, năng lực

- Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm
- Góp phần phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

## II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

### 1. Giáo viên

- Tranh ảnh trên slide, bản nhạc

### 2. Học sinh

- Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS												
<p><b>1. Khởi động và kết nối (3 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học.</li><li>- Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</li></ul> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP quan sát, PP vấn đáp, KT đặt câu hỏi.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>													
<ul style="list-style-type: none"><li>- GV cho HS khởi động theo bài nhảy sôi động mang tên “lalala”.</li><li>- Sau đó GV chiếu bảng số liệu mà bạn Mai thống kê được.</li></ul> <table border="1"><thead><tr><th>Môn thể thao</th><th>Bóng đá</th><th>Bóng rổ</th><th>Bơi</th></tr></thead><tbody><tr><td>Kiểm đếm</td><td><input type="checkbox"/></td><td><input checked="" type="checkbox"/></td><td><input type="checkbox"/></td></tr><tr><td>Số bạn</td><td>4</td><td>6</td><td>2</td></tr></tbody></table> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV đặt câu hỏi:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Có bao nhiêu môn thể thao?</li><li>+ Mỗi môn thể thao có bao nhiêu bạn yêu thích?</li></ul></li></ul>	Môn thể thao	Bóng đá	Bóng rổ	Bơi	Kiểm đếm	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Số bạn	4	6	2	<ul style="list-style-type: none"><li>- HS thực hiện.</li><li>- HS trả lời:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Có 3 môn thể thao.</li><li>+ Bóng rổ: 6 bạn; bóng đá: 4 bạn; bơi: 2 bạn.</li></ul></li></ul>
Môn thể thao	Bóng đá	Bóng rổ	Bơi										
Kiểm đếm	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>										
Số bạn	4	6	2										

<p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới: Còn có một cách khác để giúp bạn Mai biểu diễn các số liệu đã thu thập được và bạn Robot đã dùng cách vẽ biểu đồ cột. Vậy mục đích của biểu đồ cột dùng để làm gì? Cô và các em cùng tìm hiểu qua bài ngày hôm nay <b>Bài 50: Biểu đồ cột (Tiết 1)</b>.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>								
<p><b>2. Khám phá kiến thức (12 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <p>- Hình thành kỹ năng đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ cột</p> <p><b>b. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:</b> PP quan sát, PP hợp tác, , KT đặt câu hỏi, KT chia nhóm.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>									
<p>- GV chiếu biểu đồ cột và nêu: Đây là biểu đồ cột.</p> <table border="1"> <caption>SỐ BẠN YÊU THÍCH MỖI MÔN THỂ THAO</caption> <thead> <tr> <th>Môn thể thao</th> <th>Số bạn</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Bóng đá</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>Bóng rổ</td> <td>6</td> </tr> <tr> <td>Bơi (Môn thể thao)</td> <td>2</td> </tr> </tbody> </table> <p>- GV cùng HS quan sát biểu đồ cột mà Rô-bốt vẽ và phân tích cấu tạo của biểu đồ cột đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Em hãy nêu tên biểu đồ?</li> <li>+ Hàng dưới biểu thị điều gì?</li> <li>+ Cột dọc bên trái biểu thị điều gì?</li> <li>+ Các cột tô màu cho biết điều gì?</li> <li>+ Các số ghi trên đỉnh mỗi cột cho biết gì?</li> </ul>	Môn thể thao	Số bạn	Bóng đá	4	Bóng rổ	6	Bơi (Môn thể thao)	2	<p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS quan sát và phân tích:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tên của biểu đồ là : Số bạn yêu thích mỗi môn thể thao.</li> <li>+ Hàng ngang bên dưới biểu thị các môn thể thao.</li> <li>+ Cột dọc bên trái biểu thị số bạn.</li> <li>+ Các cột tô màu cho biết số bạn yêu thích của mỗi môn.</li> <li>+ Số ghi ở đỉnh cột chỉ số bạn biểu diễn ở cột đó.</li> </ul>
Môn thể thao	Số bạn								
Bóng đá	4								
Bóng rổ	6								
Bơi (Môn thể thao)	2								

<p>+ Các cột cao thấp trong biểu đồ biểu thị điều gì?</p> <p>- GV chốt:</p> <p>+ Biểu đồ có tên là: Số bạn yêu thích mỗi môn thể thao</p> <p>+ Chiều cao của cột biểu thị số liệu thống kê</p> <p>+ Tên các số liệu thống kê được viết ở phía dưới mỗi cột</p> <p>Sau đó GV gọi mở để HS đưa ra một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ:</p> <p>+ Trong biểu đồ này có mấy môn thể thao?</p> <p>+ Mỗi môn thể thao có bao nhiêu bạn yêu thích?</p> <p>+ Môn thể thao nào có nhiều bạn yêu thích nhất?</p> <p>+ Môn thể thao nào có ít bạn yêu thích nhất?</p> <p>+ Môn bóng đá ít hơn môn bóng rổ bao nhiêu bạn?</p> <p>+ Môn bóng rổ nhiều hơn môn bơi bao nhiêu bạn?</p> <p>+ Có bao nhiêu môn được nhiều hơn 5 bạn yêu thích?</p> <p>+ Trung bình mỗi môn có bao nhiêu bạn yêu thích?</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>- GV mời các nhóm khác nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét chung, tuyên dương.</p>	<p>+ Cột cao hơn biểu diễn số bạn nhiều hơn, cột thấp hơn biểu diễn số bạn ít hơn.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ 3 môn đó là: bóng đá, bóng rổ, bơi</p> <p>+ Số bạn yêu thích bóng đá là 4 bạn; Số bạn yêu thích bóng rổ là 6 bạn; Số bạn yêu thích bơi là 2 bạn.</p> <p>+ Môn thể thao có nhiều bạn yêu thích nhất là môn bóng rổ.</p> <p>+ Môn thể thao có ít bạn yêu thích nhất là môn bơi.</p> <p>+ Môn bóng đá ít hơn môn bóng rổ 2 bạn.</p> <p>+ Môn bóng rổ nhiều hơn môn bơi 4 bạn.</p> <p>+ Có 1 môn được nhiều hơn 5 bạn yêu thích.</p> <p>+ Trung bình mỗi môn có 3 bạn yêu thích.</p> <p>- Các nhóm trình bày.</p> <p>- Các nhóm khác nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
--	--

<p>- <b>GV chốt:</b> Vậy chúng ta đã biết được mục đích của biểu đồ cột là minh họa dữ liệu trực quan hơn, chi tiết hơn; dễ so sánh số liệu, dễ dự đoán xu thế tăng hay giảm của các số liệu.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p>												
<p><b>3. Hoạt động (15 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <p>- Làm quen với việc đọc và mô tả, sắp xếp được các số liệu ở dạng biểu đồ cột, nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ cột; tính được giá trị trung bình của các số liệu trong biểu đồ cột.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP hợp tác, PP quan sát, KT chia nhóm, KT đặt câu hỏi.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>													
<p><b>Bài 1:(Làm việc cá nhân) Quan sát biểu đồ và trả lời câu hỏi</b></p> <p>- GV giới thiệu: Biểu đồ dưới đây cho biết số cuốn sách khối lớp 4 đã đóng góp cho thư viện của nhà trường.</p> <div data-bbox="284 1167 895 1554" data-label="Figure"> <p style="text-align: center;">SỐ CUỐN SÁCH KHỐI LỚP 4 ĐÃ ĐÓNG GÓP</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lớp</th> <th>Số cuốn sách</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>4A</td> <td>60</td> </tr> <tr> <td>4B</td> <td>52</td> </tr> <tr> <td>4C</td> <td>80</td> </tr> <tr> <td>4D</td> <td>68</td> </tr> <tr> <td>4E</td> <td>40</td> </tr> </tbody> </table> </div> <p>Quan sát biểu đồ trên và trả lời câu hỏi</p> <p>a, Có những lớp nào đóng góp sách vào thư viện? Mỗi lớp đóng góp bao nhiêu cuốn sách?</p> <p>b, Lớp nào đóng góp nhiều sách nhất? Lớp nào đóng góp ít sách nhất?</p>	Lớp	Số cuốn sách	4A	60	4B	52	4C	80	4D	68	4E	40	<p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS quan sát biểu đồ, tìm hiểu nội dung biểu đồ.</p> <p>- HS làm bài theo yêu cầu:</p> <p>a, Có 5 lớp : 4A, 4B, 4C, 4D, 4E</p> <p>Lớp 4A đóng góp 60 cuốn sách</p> <p>Lớp 4B đóng góp 52 cuốn sách</p> <p>Lớp 4C đóng góp 80 cuốn sách</p> <p>Lớp 4D đóng góp 68 cuốn sách</p> <p>Lớp 4E đóng góp 40 cuốn sách</p>
Lớp	Số cuốn sách												
4A	60												
4B	52												
4C	80												
4D	68												
4E	40												



c, Có bao nhiêu lớp đóng góp nhiều hơn 50 cuốn sách?

- GV hỏi thêm:

+ Trung bình mỗi lớp đóng góp bao nhiêu cuốn sách cho thư viện?

+ Làm cách nào em tìm được kết quả?

- GV nhận xét HS:

+ Em có tự tin vào câu trả lời của mình không?

- GV chốt đáp án cho HS.

- GV nhận xét tuyên dương.

### Bài 2:(Làm việc nhóm 2)

Cho biết số HS đến thư viện trường mượn sách vào mỗi ngày trong tuần vừa qua như sau

Ngày	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Số HS	35	50	50	70	115

a, Hoàn thành biểu đồ.

b. Những ngày nào có số học sinh đến thư viện mượn sách bằng nhau.

b, Lớp 4C đóng góp nhiều sách nhất, lớp 4E đóng góp ít sách nhất

c, Có 4 lớp đóng góp nhiều hơn 50 cuốn sách.

- HS trả lời:

+ Trung bình mỗi lớp đóng góp số sách cho thư viện là:

$$(60 + 52 + 80 + 68 + 40) : 5 = 60 \text{ (cuốn sách)}$$

+ Em tính tổng số sách của 5 lớp rồi đem chia cho 5.

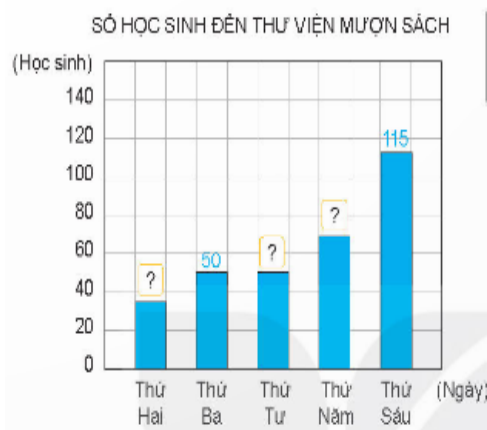
- HS trả lời: Có ạ.

- HS lắng nghe rút kinh nghiệm.

- HS đọc yêu cầu, lớp đọc thầm.

- HS đọc thông tin và trả lời.

- HS thảo luận theo yêu cầu.



b, Ngày thứ Ba và thứ Tư có số HS đến mượn sách bằng nhau.

<p>c, Trung bình mỗi ngày có bao nhiêu học sinh đến thư viện mượn sách.</p> <p>- GV mở rộng: Tại sao trong ngày thứ Sáu số HS đến thư viện mượn sách lại tăng vọt như vậy?</p> <p>- GV giới thiệu thêm cho HS: Trung bình một người Việt Nam chỉ đọc 4 cuốn sách/năm, trong đó 2,8 cuốn sách là SGK còn lại 1,2 cuốn sách là sách khác. Vì vậy các em cần chăm chỉ đọc sách hơn mỗi ngày để bổ sung thêm kiến thức cho bản thân.</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày.</p> <p>- GV mời các nhóm khác nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét chung, tuyên dương.</p>	<p>c, Trung bình mỗi ngày có số học sinh đến thư viện mượn sách là:</p> $(35 + 50 + 50 + 70 + 115) : 5 = 64 \text{ ( học sinh).}$ <p>- HS trả lời: Vì thứ Sáu là cuối tuần nên HS mượn về nhà để đọc thứ Bảy, Chủ Nhật.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p><b>4. Vận dụng, củng cố (5 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <p>- Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>- Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP giải quyết vấn đề.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p>- GV yêu cầu HS, em hãy tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến dãy số liệu thống kê.</p> <p>- GV chia HS nhóm 4, cho các nhóm chia sẻ trong nhóm.</p> <p>- Các nhóm chia sẻ trước lớp.</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS tìm, chia sẻ một số tình huống trong thực tế.</p> <p>- Các nhóm chia sẻ trong nhóm.</p> <p>- HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn.</p>

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....  
 .....  
 .....  
**Phân tích một số năng lực được phát triển trong quá trình tổ chức bài học *Biểu đồ cột (Tiết 1)* cho học sinh.**

Năng lực tư duy và lập luận toán học	Thông qua hoạt động <i>Khám phá</i> , học sinh quan sát, nêu và trả lời các câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề theo yêu cầu của giáo viên.
Năng lực giao tiếp toán học	Cùng với các hoạt động trên thông qua việc trao đổi xây dựng bài hay trả lời câu hỏi từ giáo viên đặt ra sẽ giúp cho học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp toán học.

## **KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN 4**

### **Tuần 31 – Bài 87: Dãy số liệu thống kê (Tiết 1)**

*(Bộ sách: Cánh diều)*

#### **I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau khi học bài này, HS có thể đạt được các yêu cầu sau:

##### **1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nhận biết về dãy số liệu thống kê, thứ tự các số liệu trong dãy.
- Thực hành lập dãy số liệu thống kê.
- Bước đầu biết sắp xếp, phân tích, xử lí số liệu trong dãy số liệu thống kê ở mức độ đơn giản.

##### **2. Phẩm chất, năng lực**

- Rèn luyện phẩm chất trách nhiệm, chăm chỉ, nhân ái.
- Góp phần phát triển năng lực tư duy và lập luận toán, năng lực giao tiếp toán, năng lực giải quyết vấn đề toán.

#### **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**


##### **1. Giáo viên**

- Bảng phụ, phiếu học tập, hình ảnh minh họa phóng to.

## 2. Học sinh

- Phiếu bài tập, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV (bút, thước, tẩy, bảng con..)

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><b>1. Khởi động kết nối (3 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Tạo không khí thoải mái trước khi vào tiết học.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:</b> PP quan sát, PP thảo luận nhóm, PP vấn đáp.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p>- GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động:</p>  <p>+ Quan sát tranh khởi động (trong SGK hoặc trên máy chiếu). Nói với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh.</p> <p>- GV yêu cầu HS ghi chép số điểm của từng đội.</p> <p>- GV yêu cầu HS liệt kê số điểm của hai đội.</p> <p>- GV dẫn dắt HS vào bài học.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm (bàn) và thực hiện yêu cầu.</p> <p>- HS quan sát và trả lời: Có hai đội bóng rổ đang thi đấu.</p> <p>- HS ghi chép: Đội áo xanh đang có 15 điểm, đội áo vàng có 14 điểm.</p> <p>- HS thực hiện có dãy hai số tự nhiên: 15; 14.</p> <p>- HS chú ý lắng nghe.</p>
<p><b>2. Khám phá kiến thức (12 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b> Tìm hiểu tình huống xuất hiện số liệu thống kê, nhận biết số liệu thống kê.</p> <p><b>b. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:</b> PP vấn đáp, PP quan sát, PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, KT chia nhóm.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc ví dụ 1.</p>	<p>- HS đọc, cả lớp lắng nghe.</p>

<p>- GV mời HS đọc lại dãy số liệu.</p> <p>- GV hỏi:</p> <p>+ Dãy số liệu cho em biết thông tin gì?</p> <p>+ Dãy số liệu trên có mấy số?</p> <p>+ Chúng ta thấy rằng: Trận thứ nhất đội của bạn Khôi ghi được 12 điểm. Vậy trận thứ hai đội của bạn ghi được bao nhiêu điểm?</p> <p>+ Trận thứ ba, bốn, năm đội bạn lần lượt ghi được bao nhiêu điểm?</p> <p>+ Quan sát dãy số liệu cho cô biết trận nào đội bạn Khôi ghi được nhiều điểm nhất? Trận nào ghi được ít điểm nhất?</p> <p>- GV chốt: <i>Đó là những thông tin cô trò mình thu được từ dãy số trên. Các số liệu đó cho ta một dãy số liệu thống kê.</i></p> <p>- GV mời HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc dãy số trong bài.</p> <p>- GV lưu ý: Đây là ghi chép số đo chiều cao của 10 HS, theo thứ tự đo của từng em (em nào đo trước thì ghi số đo trước), ta có dãy số đo chiều cao như trên.</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trong thời gian 2 phút.</p> <p>+ Dãy số ở ví dụ 2 cho biết những thông tin gì?</p>	<p>- HS đọc: 12; 16; 19; 7; 20.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ Dãy số liệu cho ta biết: số thứ nhất là 12, số thứ hai là 16, số thứ ba là 19, ....</p> <p>+ Dãy số liệu trên có 5 số.</p> <p>+ Trận thứ hai đội của bạn Khôi ghi được 16 điểm.</p> <p>+ Trận thứ ba: 19 điểm; trận thứ bốn: 7 điểm; trận thứ năm: 20 điểm.</p> <p>- HS trả lời: Trận thứ năm ghi được nhiều điểm nhất, trận thứ tư ghi được ít điểm nhất.</p> <p>- HS nhắc lại.</p> <p>- HS đọc yêu cầu.</p> <p>- HS đọc: 132 cm; 129 cm; 130 cm; 122 cm,....</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS thảo luận nhóm 4.</p> <p>- HS thực hiện:</p> <p>+ Dãy số liệu trên gồm có 10 số.</p> <p>+ Số đo thứ nhất là 132 cm, số đo thứ hai 129 cm,..... tương ứng bạn thứ nhất cao 132 cm bạn thứ hai cao 129 cm,....</p>
---	--

<p>+ Quan sát dãy số của ví dụ 1 và ví dụ 2: Dãy số ở ví dụ 2 có điểm gì đặc biệt hơn so với dãy số ở ví dụ 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời đại diện 1 nhóm hỏi – 1 nhóm trả lời.</li> <li>- GV nhận xét, hỏi: Các số liệu thống kê như trên cũng cho ta biết điều gì?</li> <li>- GV chốt: <i>Các số liệu thống kê như trên, được xếp theo một thứ tự nhất định cho ta một dãy số liệu thống kê.</i></li> </ul>	<p>+ Dãy số ở ví dụ 2 khác ví dụ 1 là dãy số đo chiều cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện.</li> <li>- HS nêu: Các số liệu thống kê như trên cũng cho ta một dãy số liệu thống kê.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>
<p><b>3. Hoạt động (15 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được về dãy số liệu thống kê.</li> <li>- Nhận biết được cách sắp xếp dãy số liệu thống kê theo các tiêu chí cho trước.</li> </ul> <p><b>b. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:</b> PP thảo luận nhóm, PP vấn đáp, PP quan sát.</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.</li> <li>- GV yêu cầu HS viết dãy số liệu thống kê về số lượng đã bán của lần lượt mỗi loại thú nhồi bông theo thứ tự vào bảng con.</li> <li>- GV quan sát</li> <li>- GV mời HS đọc dãy số liệu.</li> <li>- GV mời HS nhận xét.</li> <li>- Quan sát dãy số liệu, ta thu được thông tin gì?</li> <li>- GV nhận xét, khen ngợi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc yêu cầu.</li> <li>- HS làm việc cá nhân.</li> <li>- HS giơ bảng.</li> <li>- HS đọc: 10 con, 11 con, 5 con, 15 con.</li> <li>- HS nhận xét.</li> <li>- HS trả lời: Quan sát dãy số liệu trên, ta thu được số lượng chó bông: 10 con, thỏ bông: 11 con,....</li> </ul>

<p><b>Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS đọc yêu cầu.</li> <li>- GV yêu cầu HS thực hành làm bài vào phiếu trong nhóm thời gian 4 phút theo các câu hỏi sau:</li> <li>a) Liệt kê số liệu sách bán lần lượt theo thứ tự 4 tháng.</li> <li>b) - Sắp xếp số lượng sách đã bán trong các tháng theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.</li> <li>- Cửa hàng bán được nhiều sách nhất vào tháng nào? Cửa hàng bán được ít sách nhất vào tháng nào?</li> <li>c) Viết các tháng trên theo thứ tự số sách bán được ít nhất đến nhiều nhất?</li> <li>- GV mời đại diện các nhóm trình bày.</li> <li>- GV nhận xét, khen ngợi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc yêu cầu.</li> <li>- HS trả lời:</li> <li>- HS trình bày và nhận xét.</li> <li>a) Dãy số liệu thống kê về số sách mà cửa hàng bán được lần lượt theo thứ tự các tháng là 250; 180; 400; 350.</li> <li>b) - 180; 250; 350; 400.</li> <li>- Cửa hàng bán được nhiều sách nhất vào tháng Năm. Cửa hàng bán được ít sách nhất vào tháng Tư.</li> <li>c) Tháng tư, tháng ba, tháng sáu, tháng năm.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>
<p><b>4. Vận dụng, củng cố (5 phút)</b></p> <p><b>a. Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</li> <li>- Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</li> </ul> <p><b>b. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:</b> PP vấn đáp</p> <p><b>c. Cách tiến hành:</b></p>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời HS hỏi và cùng chia sẻ:</li> <li>+ Bài học hôm nay các con học được những gì?</li> <li>- GV dặn dò HS chuẩn bị bài: Dãy số liệu thống kê (tiết 2).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS chia sẻ:</li> <li>- HS 1: Bài học hôm nay chúng ta đã nhận biết dãy số liệu thống kê, thực hành lập dãy số liệu thống kê.</li> <li>- HS 2: Thực hành sắp xếp, phân tích xử lí số liệu trong dãy số liệu thống kê.</li> <li>- HS lắng nghe.</li> </ul>

#### IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....  
.....  
.....

**Phân tích một số năng lực được phát triển trong quá trình tổ chức bài học *Dãy số liệu thống kê (Tiết 1)* cho học sinh.**

Năng lực giải quyết vấn đề toán học	Qua hoạt động <i>Khám phá</i> , HS được tiếp cận tình huống có vấn đề phải so sánh các số liệu để đưa ra kết luận. Học sinh tìm phương án giải quyết vấn đề để lĩnh hội kiến thức về dãy số liệu.
Năng lực giao tiếp toán học	Thông qua phần <i>Vận dụng, củng cố</i> học sinh nghe hiểu, ghi chép được các thông tin của bài toán theo yêu cầu của giáo viên.



## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Được sự đồng ý của nhà trường, tôi đã tiến hành nghiên cứu đề tài khóa luận tốt nghiệp: **“Dạy học phát triển năng lực môn Toán lớp theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018”**. Trong quá trình nghiên cứu, đề tài đã đạt được các kết quả sau:

- Trình bày cơ sở lí luận về việc dạy học phát triển năng lực môn Toán Tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Trình bày được mục tiêu dạy học môn Toán lớp 4, một số điểm mới về cấu trúc và nội dung môn Toán lớp 4 và thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 4 phát triển năng lực HS qua 3 bộ sách (Kết nối tri thức với cuộc sống; Chân trời sáng tạo; Cánh diều).

- Khóa luận đưa ra một cách hệ thống phong phú các kế hoạch bài dạy minh họa ở 3 bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống; Chân trời sáng tạo; Cánh diều.

Về cơ bản khóa luận đã đạt được các mục tiêu và hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra khi tiến hành nghiên cứu. Đề tài là tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trường Đại học Hoa Lư trong học tập và thực hành sư phạm, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học môn Toán ở Tiểu học. Tuy nhiên, do là lần đầu nghiên cứu một vấn đề khoa học nên chắc chắn khóa luận còn có thiếu sót, tôi mong muốn nhận được các ý kiến đóng góp của các thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán* (Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Sách giáo khoa Toán 4*, bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống; Chân trời sáng tạo, Nxb Giáo dục Việt Nam và bộ sách Cánh diều, Nxb Đại học Sư phạm.
- [4]. Vũ Quốc Chung (2007), *Phương pháp dạy học toán ở Tiểu học*, Nxb GD và Nxb Đại học Sư Phạm.
- [5]. Vũ Quốc Chung (2020), *Thiết kế bài soạn môn toán phát triển năng lực học sinh Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [6]. Nguyễn Thị Châu Giang (2018), *Giáo trình phương pháp dạy học toán ở Tiểu học*, Nxb Đại học Vinh.
7. Đỗ Xuân Thảo, Nguyễn Hữu Hợp (2019), *Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học và dạy học phát triển năng lực học sinh tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [8]. Nguyễn Hữu Hợp (2019), *Hỏi- Đáp về dạy học phát triển năng lực học sinh Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [9]. Nguyễn Hữu Hợp (2019), *Thiết kế bài học phát triển năng lực học sinh Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [10]. Lê Đình Trung – Phan Thị Thanh Hội (2016), *Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [11]. Đỗ Đức Thái (2019), *Dạy học phát triển năng lực môn Toán Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [12]. Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy (1988), *Tâm lý học (Tập 1)*, Nxb Giáo dục.

## PHỤ LỤC

### Bài 12

## CÁC SỐ TRONG PHẠM VI LỚP TRIỆU



a)

Trái Đất cách Mặt Trời khoảng 149 597 876 km.

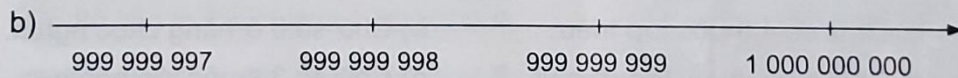


(Theo Hiệp hội Thiên văn học Quốc tế)

Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
1	4	9	5	9	7	8	7	6

Số 149 597 876 gồm: 1 trăm triệu, 4 chục triệu, 9 triệu, 5 trăm nghìn, 9 chục nghìn, 7 nghìn, 8 trăm, 7 chục và 6 đơn vị.

Đọc là: Một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi sáu.



Số liền sau số 999 999 999 là số 1 000 000 000, đọc là: Một tỉ.

# Bài 8

# GÓC NHỌN, GÓC TÙ, GÓC BỆT



## Khám phá

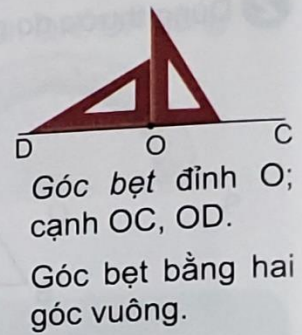
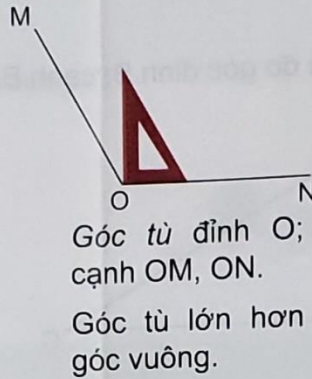
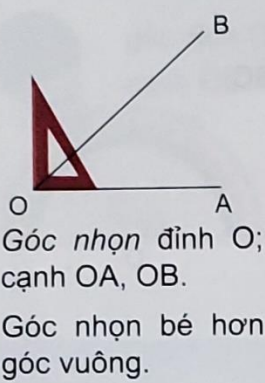
Đây là góc nhọn.



Đây là góc tù.

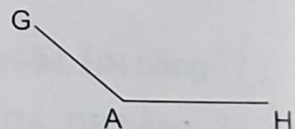
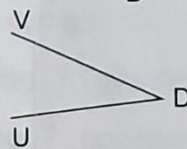
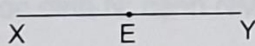
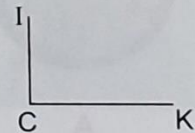
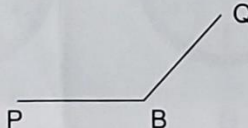
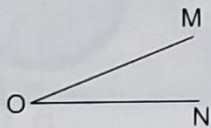


Đây là góc bẹt.

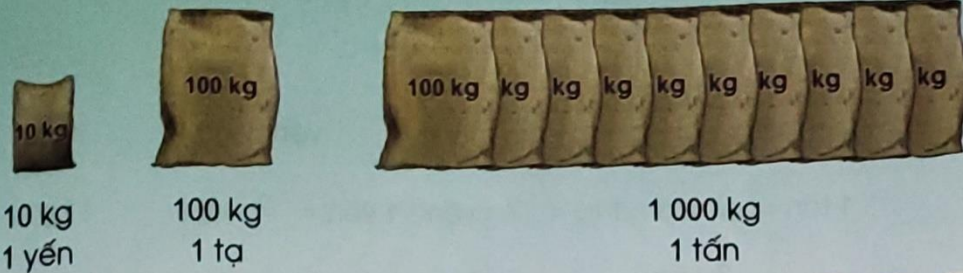


## hoạt động

1 Tìm các góc nhọn, góc tù và góc bẹt trong các góc sau.



# 14. YẾN, TẠ, TẤN



10 kg  
1 yến

100 kg  
1 tạ

1 000 kg  
1 tấn

Để đo khối lượng các vật nặng hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn ki-lô-gam, người ta còn dùng các đơn vị: yến, tạ, tấn.

1 yến = 10 kg

1 tạ = 10 yến

1 tạ = 100 kg

1 tấn = 10 tạ

1 tấn = 1 000 kg

1 Chọn thẻ ghi cân nặng thích hợp với mỗi con vật sau:



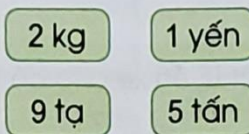
Con mèo cân nặng .



Con chó cân nặng .



Con voi cân nặng .



Con hươu cao cổ cân nặng .

- 2 a) Số ?
- |                                 |                                  |                                     |
|---------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 1 yến = <input type="text"/> kg | 1 tấn = <input type="text"/> tạ  | 40 kg = <input type="text"/> yến    |
| 2 tạ = <input type="text"/> kg  | 1 tấn = <input type="text"/> yến | 600 kg = <input type="text"/> tạ    |
| 8 yến = <input type="text"/> kg | 20 yến = <input type="text"/> tạ | 7 000 kg = <input type="text"/> tấn |
| 5 tấn = <input type="text"/> kg | 30 tạ = <input type="text"/> tấn | 100 tạ = <input type="text"/> tấn   |

## 17. BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ



5 chiếc bút giá  
30 000 đồng.

Giá tiền 1 chiếc bút  
là bao nhiêu?

**Bài toán:** Cửa hàng bán 5 chiếc bút chì giá 30 000 đồng. Bạn Bình muốn mua 8 chiếc bút chì như thế. Hỏi bạn Bình phải trả bao nhiêu tiền?

### Em hiểu



5 chiếc bút chì giá  
30 000 đồng.

Mua 8 chiếc bút chì cần  
phải trả bao nhiêu tiền?



### Em nghĩ



Tôi tìm giá tiền 1 chiếc  
bút chì rồi tính số tiền  
8 chiếc bút chì.

Bạn làm tính chia  
 $30\,000 : 5$  rồi lấy kết  
quả nhân với 8.



### Em trả lời

#### Bài giải

Giá tiền 1 chiếc bút chì là:

$$30\,000 : 5 = 6\,000 \text{ (đồng)}$$

Mua 8 chiếc bút chì phải trả số tiền là:

$$6\,000 \times 8 = 48\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 48 000 đồng.

## SỐ LẦN LẶP LẠI CỦA MỘT SỰ KIỆN

Huấn luyện viên kiểm tra kỹ năng ném bóng vào rổ của ba cầu thủ và ghi lại kết quả ở bảng sau.

Kết quả sau 100 lần ném bóng

Họ tên cầu thủ	Số lần ném bóng vào rổ
Đỗ Minh An	69
Vũ Thái	54
Trần Khoa	75



• Ở mỗi lần ném bóng, hai sự kiện có thể xảy ra là: bóng vào rổ hoặc bóng không vào rổ.

Sau khi ném bóng nhiều lần, ta kiểm đếm được số lần lặp lại của sự kiện bóng vào rổ.

• Ví dụ: Kiểm tra kỹ năng ném bóng vào rổ của cầu thủ Đỗ Minh An.  
Số lần thực hiện: 100 lần.  
Sự kiện bóng vào rổ xảy ra: 69 lần.

**1** Mỗi bạn lấy được bao nhiêu lần viên bi màu đỏ?

a) Nhóm hai bạn thực hành.

– Trong túi có 2 viên bi, một viên màu xanh và một viên màu đỏ.

– Không nhìn vào túi, các bạn thay nhau mỗi lần lấy một viên bi, xem màu rồi đặt lại viên bi vào túi.

Nếu viên bi vừa lấy là màu đỏ thì vẽ 1 vạch.

– Mỗi bạn thực hiện 10 lần.

Ví dụ:

Vinh: Sự kiện lấy được viên bi màu đỏ xảy ra 4 lần (||||).

Hà: Sự kiện lấy được viên bi màu đỏ xảy ra 7 lần (||||| ||).



## Bài 20

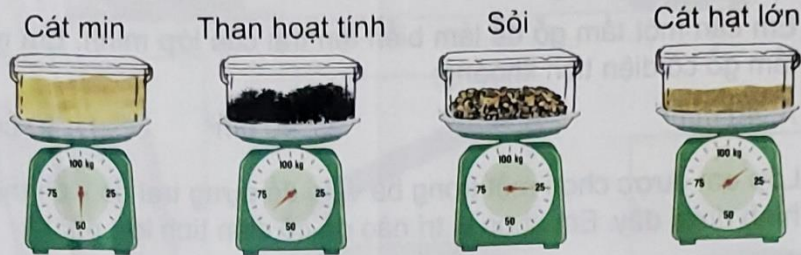
# THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG



### hoạt động

Em tham gia chuẩn bị cho một buổi triển lãm khoa học và được hướng dẫn làm chai lọc nước.

- 1 Dưới đây là các nguyên liệu được sử dụng trong buổi triển lãm.



- a) Chọn câu trả lời đúng.

Cát mịn cân nặng là:

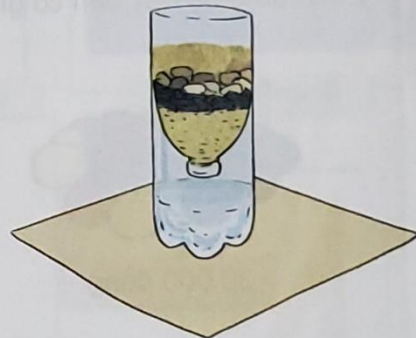
- A. 5 tấn      B. 5 tạ      C. 5 yến      D. 2 yến

- b) Tổng cân nặng của than hoạt tính, sỏi và cát hạt lớn có đủ 1 tạ không?

- 2 Chọn câu trả lời đúng.

Dưới mỗi chai lọc nước người ta đặt một tấm bìa hình vuông cạnh 3 dm. Diện tích mỗi tấm bìa là:

- A. 9 mm<sup>2</sup>  
B. 9 cm<sup>2</sup>  
C. 9 dm<sup>2</sup>  
D. 9 m<sup>2</sup>



- 3 Thời gian để lọc được 500 ml nước của các chai lọc nước là:

Chai A: 250 giây      Chai B: 4 phút      Chai C: 3 phút 50 giây

Hỏi trong ba chai đó, chai nào cần ít thời gian nhất để lọc được 500 ml nước?



Chủ đề  
**5**

**PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ**

**Bài 22**

**PHÉP CỘNG CÁC SỐ  
CÓ NHIỀU CHỮ SỐ**



**Khám phá**

a)

Ngày thứ nhất, trang trại thu được 180 510 l sữa. Ngày thứ hai, trang trại thu được 210 365 l sữa.

Cả hai ngày, trang trại thu được bao nhiêu lít sữa nhỉ?



Thực hiện tương tự như phép cộng đã học.

$$180\ 510 + 210\ 365 = ?$$



$$\begin{array}{r} 180\ 510 \\ + 210\ 365 \\ \hline 390\ 875 \end{array}$$

- 0 cộng 5 bằng 5, viết 5.
- 1 cộng 6 bằng 7, viết 7.
- 5 cộng 3 bằng 8, viết 8.
- 0 cộng 0 bằng 0, viết 0.
- 8 cộng 1 bằng 9, viết 9.
- 1 cộng 2 bằng 3, viết 3.

$$180\ 510 + 210\ 365 = 390\ 875$$

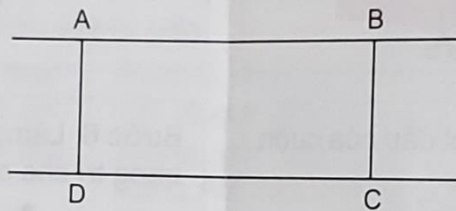
## Bài 29

# HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG



Hai đường thẳng màu đỏ hình như không bao giờ cắt nhau.

Hai đường thẳng đó là hai đường thẳng song song với nhau.



- Kéo dài hai cạnh AB và DC của hình chữ nhật ABCD ta được hai đường thẳng song song với nhau.
- Hai đường thẳng song song với nhau không bao giờ cắt nhau.

**Bài 33**

**EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?**

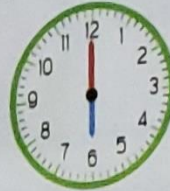
**1** Ở mỗi đồng hồ dưới đây, hai kim tạo thành góc bao nhiêu độ?



A



B



C

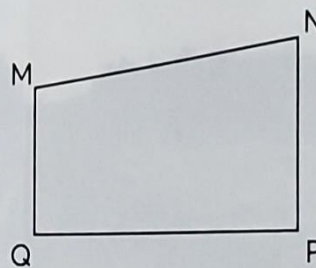
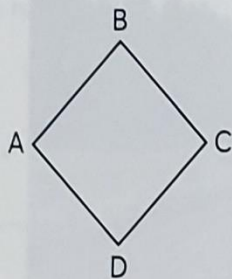
**2** Câu nào đúng, câu nào sai?

- a) Góc  $90^\circ$  là góc vuông.
- b) Góc nhọn bé hơn góc vuông.
- c) Góc tù bé hơn góc bẹt.
- d) Góc bẹt là góc vuông.

**3** Kim giờ, kim phút của đồng hồ trong mỗi câu sau tạo thành góc nhọn, góc vuông, góc tù hay góc bẹt?

- a) Đồng hồ chỉ 9 giờ.
- b) Đồng hồ chỉ 18 giờ.
- c) Đồng hồ chỉ 5 giờ kém 15 phút.
- d) Đồng hồ chỉ 11 giờ 5 phút.

**4** Nêu tên các cặp cạnh vuông góc, các cặp cạnh song song trong mỗi hình dưới đây.



Tìm trong thực tế hình ảnh các loại góc đã học và hình ảnh hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song.



## BIỂU ĐỒ CỘT



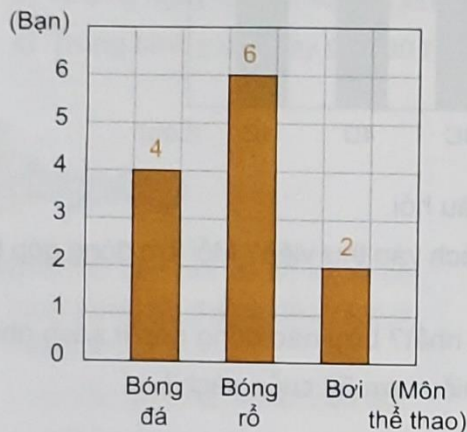
### Khám phá

Mai vừa thực hiện một cuộc khảo sát về môn thể thao yêu thích nhất của mỗi bạn trong nhóm và ghi lại kết quả vào bảng số liệu như sau:

Môn thể thao	Bóng đá	Bóng rổ	Bơi
Kiểm đếm			
Số bạn	4	6	2

Rô-bốt vẽ biểu đồ cột biểu diễn số liệu mà Mai đã thu thập được.

### SỐ BẠN YÊU THÍCH MỖI MÔN THỂ THAO



- Hàng dưới ghi tên của các môn thể thao.
- Các số ghi ở bên trái của biểu đồ chỉ số bạn.
- Mỗi cột biểu diễn số bạn yêu thích môn thể thao đó.
- Số ghi ở đỉnh cột chỉ số bạn biểu diễn ở cột đó.

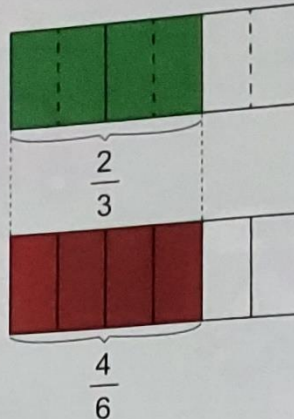
Biểu đồ trên cho biết:

- Ba môn thể thao được nêu tên trên biểu đồ là: Bóng đá, Bóng rổ, Bơi.
- Số bạn yêu thích Bóng đá là 4 bạn, Bóng rổ là 6 bạn và Bơi là 2 bạn.
- Cột cao hơn biểu diễn số bạn nhiều hơn, cột thấp hơn biểu diễn số bạn ít hơn.



a) Có hai băng giấy như nhau.

- Việt chia băng giấy thành 3 phần bằng nhau, rồi tô màu 2 phần, tức là tô màu  $\frac{2}{3}$  băng giấy.
- Mai chia băng giấy thành 6 phần bằng nhau, rồi tô màu 4 phần, tức là tô màu  $\frac{4}{6}$  băng giấy.
- Nhìn vào hình vẽ ta thấy:



$$\frac{2}{3} \text{ băng giấy bằng } \frac{4}{6} \text{ băng giấy.}$$

Ta có thể nói phân số  $\frac{2}{3}$  bằng phân số  $\frac{4}{6}$ , viết là  $\frac{2}{3} = \frac{4}{6}$ .

b) Ta có:

$$\frac{2}{3} = \frac{2 \times 2}{3 \times 2} = \frac{4}{6} \text{ hay } \frac{4}{6} = \frac{4 : 2}{6 : 2} = \frac{2}{3}.$$

Đây là tính chất cơ bản của phân số.

Nhận xét:

- Nếu nhân cả tử số và mẫu số của một phân số với cùng một số tự nhiên khác 0 thì được một phân số bằng phân số đã cho.
- Nếu chia hết cả tử số và mẫu số của một phân số cho cùng một số tự nhiên khác 0 thì được một phân số bằng phân số đã cho.



**Bài  
57**

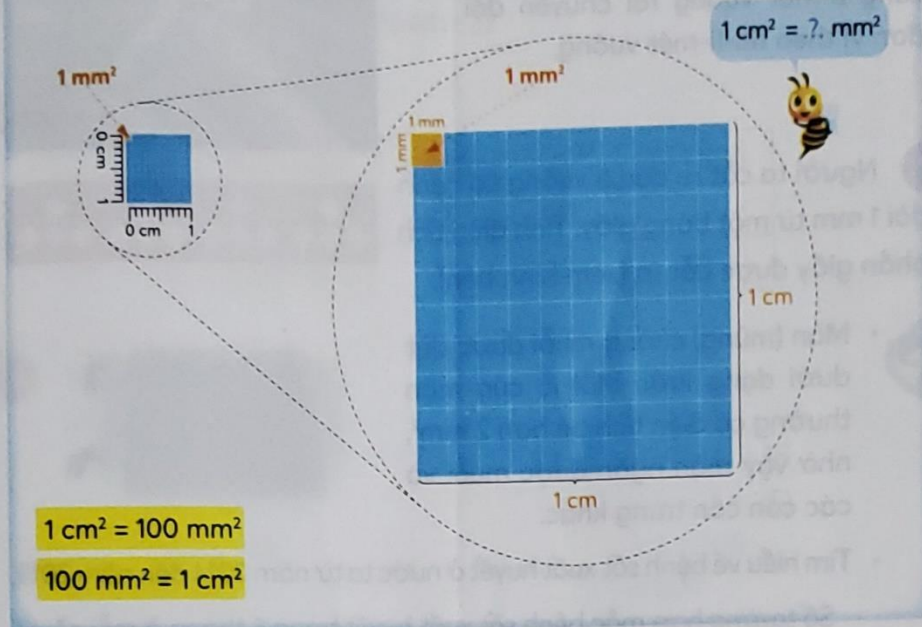
**MI-LI-MÉT VUÔNG**

Diện tích mảnh giấy hình vuông cỡ móng ngón tay trở khoảng  $1 \text{ cm}^2$ .



Diện tích mảnh giấy hình vuông cỡ móng ngón tay út thì đo theo đơn vị nào?

- Mi-li-mét vuông là một đơn vị đo diện tích.
- Mi-li-mét vuông viết tắt là  $\text{mm}^2$ .
- $1 \text{ mm}^2$  là diện tích của hình vuông có cạnh dài  $1 \text{ mm}$ .



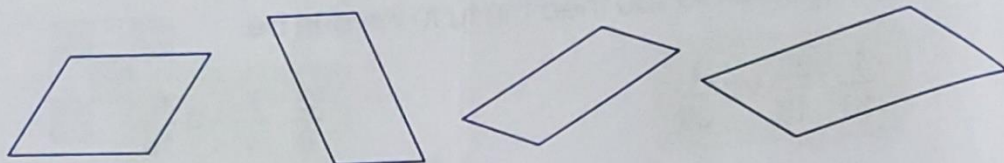
**1** Số?

- a)  $1 \text{ cm}^2 = ? \text{ mm}^2$     b)  $200 \text{ mm}^2 = ? \text{ cm}^2$     c)  $3 \text{ cm}^2 5 \text{ mm}^2 = ? \text{ mm}^2$   
 $4 \text{ cm}^2 = ? \text{ mm}^2$      $700 \text{ mm}^2 = ? \text{ cm}^2$      $2 \text{ cm}^2 8 \text{ mm}^2 = ? \text{ mm}^2$   
 $10 \text{ cm}^2 = ? \text{ mm}^2$      $12000 \text{ mm}^2 = ? \text{ cm}^2$      $10 \text{ cm}^2 10 \text{ mm}^2 = ? \text{ mm}^2$

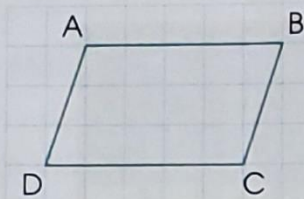
**2** Tính.

- a)  $28 \text{ mm}^2 + 15 \text{ mm}^2 = ? \text{ mm}^2$     b)  $3 \text{ cm}^2 + 15 \text{ mm}^2$   
 $65 \text{ cm}^2 - 17 \text{ cm}^2 = ? \text{ cm}^2$      $= ? \text{ mm}^2 + 15 \text{ mm}^2$   
 $100 \text{ mm}^2 : 4 = ? \text{ mm}^2$      $= ? \text{ mm}^2$

# 65. HÌNH BÌNH HÀNH



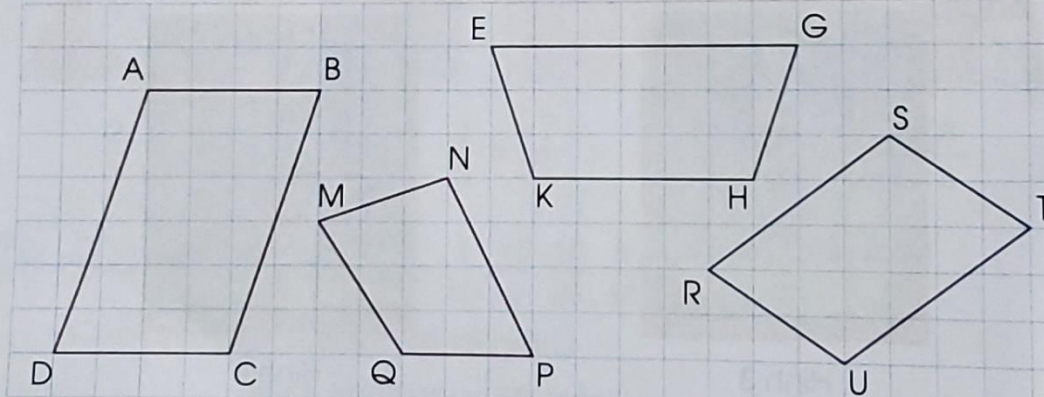
Đây là các hình bình hành



- Hình bình hành ABCD có:
- AB và DC là hai cạnh đối diện, AD và BC là hai cạnh đối diện.
  - Cạnh AB song song với cạnh DC, Cạnh AD song song với cạnh BC.
  - $AB = DC$ ,  $AD = BC$ .

Hình bình hành có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.

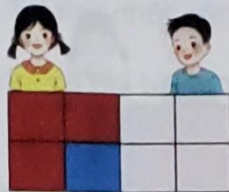
**1** Trong các hình sau, hình nào là hình bình hành?



## CỘNG HAI PHÂN SỐ CÙNG MẪU SỐ

Mình đã tô  $\frac{3}{8}$  tờ giấy là màu đỏ,  
 $\frac{1}{8}$  tờ giấy là màu xanh.

Bạn đã tô được tất cả bao nhiêu  
phần của tờ giấy?



Thực hiện phép cộng hai phân số cùng mẫu số:

Ví dụ:  $\frac{3}{8} + \frac{1}{8} = \frac{3+1}{8} = \frac{4}{8} = \frac{1}{2}$

Muốn cộng hai phân số cùng mẫu số, ta cộng hai tử số với nhau và giữ nguyên mẫu số.

**1** Tính.

a)  $\frac{1}{10} + \frac{3}{10}$

b)  $\frac{5}{12} + \frac{1}{12}$

c)  $\frac{3}{2} + \frac{1}{2}$

**1** Viết các số hạng là số tự nhiên dưới dạng phân số rồi tính.

a)  $\frac{1}{3} + 1$

b)  $\frac{2}{5} + 2$

c)  $7 + \frac{1}{2}$

**2** Các biểu thức nào có giá trị bằng nhau?

A  $\frac{1}{3} + \frac{2}{3}$

B  $\left(\frac{1}{8} + \frac{3}{8}\right) + \frac{5}{8}$

C  $\frac{5}{18} + 0$

K  $0 + \frac{5}{18}$

L  $\frac{2}{3} + \frac{1}{3}$

M  $\frac{1}{8} + \left(\frac{3}{8} + \frac{5}{8}\right)$

Nhận xét: Phép cộng các phân số có tính chất giao hoán và kết hợp.  
Một phân số cộng với 0 bằng chính phân số đó.



## 87. DÂY SỐ LIỆU THỐNG KÊ



**Ví dụ 1:** Đội bóng rổ của Khôi tham gia giải bóng rổ thành phố với số điểm trong mỗi trận đấu của mùa giải được liệt kê như sau:

12; 16; 19; 7; 20.

Các số liệu thống kê như trên cho ta **một dãy số liệu thống kê**.

**Ví dụ 2:** Số đo chiều cao của 10 bạn học sinh được liệt kê như sau:  
132 cm; 129 cm; 130 cm; 125 cm; 130 cm; 122 cm; 138 cm; 137 cm;  
135 cm; 145 cm.

Các số liệu thống kê như trên cũng cho ta **một dãy số liệu thống kê**.

- 1** Một cửa hàng bán đồ chơi trẻ em đã bán được số lượng thú nhồi bông như sau:

Chó bông: 10 con; thỏ bông: 11 con; mèo bông: 5 con; gấu bông: 15 con.

Hãy lập dãy số liệu thống kê về số lượng đã bán của lần lượt mỗi loại thú nhồi bông theo thứ tự ở trên.

- 2** Số sách mà một cửa hàng đã bán được trong 4 tháng như sau:

Tháng Ba: 250 cuốn; tháng Tư: 180 cuốn; tháng Năm: 400 cuốn; tháng Sáu: 350 cuốn.

a) Hãy lập dãy số liệu thống kê về số sách mà cửa hàng bán được lần lượt theo thứ tự các tháng ở trên.